NGUYỄN MẠNH HƯỞNG (Chủ biên)
TRƯƠNG THỊ BÍCH HẠNH - LÊ ĐĂNG THÀNH

ÔN LUYỆN TRẮC NGHIỆM

THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHO THÔNG

LICHSỬ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI' HỌC sư PHẠM

UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHER

ÔN LUYỆN TRẮC NGHIỆM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Môn LỊCH sử

Nguyễn Mạnh Hưởng (Chủ biên) - Trương Thị Bích Hạnh - Lê Đăng Thành

*Sách được xuất bản phục vụ việc ôn luyện thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.*

Bản quyền xuất bản thuộc vể Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

*Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
đề sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chì email: nxb@hnue.edu. vn*

L 7

ISBN 978-604-54-6763-3

MỤC LỤC

*Trang*

LỜI GIỚI THIỆU .............................................................................................................................4

Phần một. ĐỊNH HƯỚNG ÔN LUYỆN VÀ LÀM BÀI THI TỐT NGHIỆP

THPT MÔN LỊCH sử ....................................................................................................6 Phẩn hai. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THEO CHỦ ĐỄ................................................................... 14 Chủ đề 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY ...14

Chủ để 2. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC

CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á 20

Chủ đề 3. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TÓ QUỐC

VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM

(Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) 23

Chủ để 4. THÊ' GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH ..............29

Chủ để 5. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH sử. ........38

Chủ đề 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG

DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ Tồ QUỐC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM

(TừCách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay).......... ......49

Chủ đề 7. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY .......71

[Chủ để 8. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI 84](#bookmark34)

[Chủ để 9. HỔ CHÍ MINH TRONG LỊCH sử VIỆT NAM 98](#bookmark42)

Phần ba. MỘT SỐ ĐÉ THAM KHẢO 112

[Để số 1 112](#bookmark48)

[Để số 2 117](#bookmark50)

[Để số 3 - 122](#bookmark52)

Đề số 4........ - 127

[Để số 5 132](#bookmark58)

Đáp án ...................................................................................................................................... 138

LỜI GIỚI THIỆU

Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025, các em học sinh lớp 12 sẽ tham gia kì thi tốt nghiệp THPT theo Chương trình giáo dục phổ thông mới với nội dung và cấu trúc định dạng để thi mới nên chắc chắn sẽ có nhiều lo lắng.

Nhằm đáp ứng nhu cẩu tài liệu để chủ động ôn luyện thi tốt nghiệp và xét tuyển sinh vào các trường cao đẳng, đại học của học sinh lớp 12 từ năm 2025, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đã tổ chức biên soạn và phát hành bộ sách *ÔN LUYỆN THf TỐTNGHÍỆP TRUNG HỌC PHỔ THÕNG* (gồm các môn trắc nghiệm: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Tin học, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ (định hướng nông nghiệp, định hướng công nghiệp) và môn tự luận: Ngữ văn).

Chủ biên và tác giả biên soạn bộ sách là các chuyên gia giáo dục của Bộ GDĐT, giáo viên có uy tín; thành viên Ban Phát triển Chương trình GDPT 2018 của Bộ GDĐT; Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018; thành viên Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình GDPT, sách giáo khoa; báo cáo viên tập huấn đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá năng lực học sinh, tập huấn xây dựng cấu trúc đề thi, câu hỏi thi cho kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025;...

Cấu trúc chung của bộ sách cơ bản gồm ba phần chính:

*Phồn một.* ĐỊNH HƯỚNG ÔN LUYỆN VÀ LÀM BÀI THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2025: (1) Định hướng thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT; (2) Định hướng về nội dung và cấu trúc bài thi tốt nghiệp THPT; (3) Định dạng câu hỏi thi tốt nghiệp THPT và một số lưu ý để học sinh làm bài tốt trong kì thi tốt nghiệp THPT.

*Phân hai.* CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THEO CHỦ ĐỂ: Hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm được xây dựng bám sát nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT năm 2018 và năm 2022 (đối với môn Lịch sử), đồng thời có đủ định dạng các câu hỏi, đề thi minh hoạ đối với từng môn học.

Đối với môn Ngữ văn, nội dung hướng dẫn ôn luyện theo yêu cẩu của dạng thức để thi minh hoạ (thi tự luận) của Bộ GDĐT.

*Phần ba.* MỘT số ĐỂ THAM KHẢO: Được xây dựng theo cấu trúc định dạng đề thi do Bộ GDĐT hướng dẫn đối với từng môn thi.

Cuối mỗi cuốn sách có phần ĐÁP ÁN hoặc GỢI Ý LÀM BÀI cho các câu hỏi trắc nghiệm và đề tham khảo. Sau khi tự trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự làm đề tham khảo, học sinh có thể đối chiếu kết quả làm với đáp án để có thể tự đánh giá được năng lực làm bài của mình trong quá trình tự ôn luyện.

Bộ sách có một số điểm nổi bật sau:

* Nội dung được biên soạn theo Chương trình GDPT năm 2018 và năm 2022 (đối với môn Lịch sử); bám sát cấu trúc định dạng đề thi và đề minh hoạ theo Phương án tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 của Bộ GDĐT.
* Số lượng câu hỏi, nội dung ôn luyện phong phú với đẩy đủ các dạng thức theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đề tham khảo được biên soạn theo cấu trúc, định dạng đề minh hoạ do Bộ GDĐT công bố.
* Là tài liệu hữu ích cho học sinh tự ôn luyện thi tốt nghiệp THPT, thi đánh giá năng lực, xét tuyển đại học đạt kết quả cao.
* Là tài liệu tham khảo quan trọng, cần thiết để tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về xây dựng câu hỏi thi tốt nghiệp THPT, thi đánh giá năng lực học sinh, đáp ứng yêu cẩu cần đạt được của Chương trình GDPT năm 2018 và năm 2022.
* Bộ sách phù hợp với tất cả các đối tượng học sinh và giáo viên dù cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng bất kì bộ sách giáo khoa nào hiện nay.

Chúng tôi hi vọng đây sẽ là bộ tài liệu tốt giúp các em học sinh tự tin chinh phục các kì kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là kì thi tốt nghiệp THPT và đạt điểm cao. Đồng thời, các thầy cô giáo cũng có thể sử dụng bộ sách này để làm tài liệu tham khảo tổ chức ôn luyện cho các em học sinh được thuận lợi hơn.

Dù đã cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong muốn nhận được các góp ý từ Quý bạn đọc để bộ sách được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin gửi vể địa chỉ: Phòng Biên tập, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội hoặc gửi email theo địa chỉ sau: bientap.nxb@hnue.edu.vn hoặc nxb@hnue.edu.vn

Trân trọng giới thiệu và cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Phẩn một

ĐỊNH HƯỚNG ÔN LUYỆN VÀ LÀM BÀI
THI TỐT NGHIỆP THPT MÔN LỊCH sử

1. Tìm hiểu một số điểm mới vể kì thi tốt nghiệp THPT (từ năm 2025)

Từ năm học 2024 - 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT theo phương thức mới: đánh giá năng lực và phẩm chất người học dựa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình 2022 đối với môn Lịch sử). Bên cạnh đó, nhiều viện, học viện, đại học và trường đại học cũng sẽ tổ chức nhiều đợt thi đánh giá năng lực (theo phương thức riêng) để xét tuyển.

Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều viện, học viện, đại học, trường đại học và cao đẳng trên cả nước đổi mới phương thức thi tốt nghiệp THPT, hoặc tổ chức thi đánh giá năng lực để xét tuyển đã tác động lớn đến cách dạy, cách học và ôn - luyện thi của thầy cô giáo cũng như học sinh.

So với các kì thi, đánh giá trước đây, kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 và thi đánh giá năng lực ở các viện, học viện, đại học và trường đại học có nhiều điểm mới, chúng ta cần hiểu rõ để vận dụng.

*Điểm mới thứ nhất,* mục đích chính của kì thi tốt nghiệp THPT là để đánh giá, xét tốt nghiệp cho học sinh năm cuối cấp - lóp 12 THPT, nhưng kết quả “học thật”, “thi thật” của thí sinh trong kì thi này cũng là cơ sở tin cậy để các viện, học viện, đại học, trường đại học và cao đẳng trên cả nước xét tuyển (khoảng 60 % thí sinh đỗ tốt nghiệp sẽ được xét và trúng tuyển).

*Điểm mới thứ hai,* sự thay đổi về số môn thi, số lượng câu hỏi và thời gian làm bài thi. Trên cơ sở các môn học bắt buộc đã theo học từ lóp 10 (Ngữ Văn, Toán, Lịch sử, Ngoại ngữ) và 4 môn học lựa chọn theo tổ họp/nhóm/khối thi (Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học,...), mỗi học sinh phải đăng kí 4 môn thi tốt nghiệp THPT. Ngoài môn Ngữ văn tất cả các thí sinh thi tự luận chung đề (120 phút), môn Toán thi trắc nghiệm (90 phút), các môn còn lại đều thi theo hình thức trắc nghiệm (50 phút/môn). Học sinh không được lựa chọn môn học khác để thi tốt nghiệp THPT - nếu môn học đó không phải là môn học bắt buộc, hoặc không nằm trong tổ họp được học từ lớp 10.

Đối với những thí sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 đã trượt tốt nghiệp năm 2024, hoặc đã học xong chương trình lóp 12 nhưng chưa đăng kí dự thi tốt nghiệp nếu muốn tham dự kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025 thì vẫn thi 6 môn, trong đó có 3 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ) và 3 môn theo tổ hợp (Lịch sử, Địa lí và Giáo dục công dân hoặc Vật lí, Hoá học và Sinh học).

*Điểm mới thứ ba,* các môn thi có sự thay đổi về cấu trúc, định dạng câu hỏi và cách tính điểm. Đối với môn Lịch sử, đề thi được chia làm hai phần: Phần I - *Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn* (mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án A, B, c hoặc D); Phần II - *Câu trắc nghiêm đúng sai* (trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh phải chọn đúng hoặc sai).

Trên cơ sở đối mới cách thức ra đề, cấu trúc và định dạng đề thi, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng điều chỉnh cách tính điếm với mỗi định dạng câu hỏi. Tống điếm của mỗi bài thi là 10,0 điểm, trong đó:

* *Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn,* mỗi câu trả lời đúng (A, B, c, D) được 0,25 điểm.
* *Cáu trắc nghiệm đúng sai,* mỗi ý trả lời đúng (a, b, c, d) trong mỗi câu lại có cách tính điểm khác nhau. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điếm, trong đó:

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điếm.

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.

+ Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

1. Định hướng chương trình, cấu trúc đề thi và nội dung ôn luyện thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử

Chương trình môn Lịch sử 2022 (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 3-8-2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định học sinh học kiến thức môn Lịch sử cấp THPT có hai phàn: học theo chủ đề (bắt buộc) và học theo chuyên đề (lựa chọn). Trên cơ sở đó, chương trình ôn luyện thi tốt nghiệp THPT của học sinh sẽ nằm trong phần kiến thức của các chủ đề, tập trung chủ yếu ở lớp 12.

về cấu trúc đề thi, căn cứ vào định hướng của kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025, đề thi môn Lịch sử sẽ có hai phàn: Phan I gồm 24 câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (A, B, c hoặc D) và phần II có 4 câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (mỗi câu có 4 ý a, b, c, d).

về tỉ lệ câu hỏi theo chương trình và nội dung kiến thức cần ôn luyện, học sinh cần tập trung nhiều hơn vào những chủ đề ở lớp 12 (từ 34 đến 35 câu, chiếm khoảng 85 %) và một phần của lớp 11 (từ 5 đến 6 câu, chiếm khoảng 15 %). Đe ôn luyện hiệu quả, các em phải có kế hoạch từ sớm và cần xác định được những mạch kiến thức cơ bản sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chương trình/ỉớp | Mạch kiến thức | Lưu ý |
| Lớp 11 (5-6 câu) | *- Lịch sử thế giới*+ Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến nay (nội dung liên quan đến phong trào giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á).+ Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay.+ Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á. | Chú ý sự kiện có tác động, ảnh hưởng đếnViệt Nam |
| *- Lịch sử Việt Nam*+ Chiến tranh bảo vệ Tố quốc+ Chiến ừanh giải phóng dân tộc trong Lịch sử Việt Nam | Chú ý đặt lịch sử Việt Nam trong |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chương trình/lớp | Mạch kiến thức | Lưu ý |
|  |  | bối cảnh thế giới chung |
| Lớp 12 (34 - 35 câu) | *- Lịch sử thể giới*+ Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh.+ Tác động của thế giới đến Việt Nam (1945 - nay).+ ASEAN: những chặng đường lịch sử. | Chú ý sự kiện có tác động, ảnh hưởng đến Việt Nam như Chiến tranh thế giới thứ hai, Chiến ừanh lạnh,... |
| *- Lịch sử Việt Nam*+ Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ Cách mạng tháng tháng Tám năm 1945 đến nay).+ Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.+ Lịch sử đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.+ Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam. |

1. Một sô' định hướng về phương pháp ôn luyện và làm bài thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử từ năm 2025
	1. *Phương pháp ôn luyện*

Vấn đề ôn luyện thi tốt nghiệp THPT nói chung, thi đánh giá năng lực của các đại học và trường đại học (theo Chương trình năm 2022 môn Lịch sử) nói riêng là một quá trình tích luỹ kiến thức và rèn luyện lâu dài. Học sinh cần lưu ý các giai đoạn ôn luyện sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Định hướng cách thức ôn luyện | Các kĩ thuật ôn luyện hiệu quả |
| Chuẩn bị kiến thức theo định hướng củachương trình (trong quá trình học trên lớp) | * Giáo viên bộ môn trực tiếp định hướng cho học sinh các phương pháp học tập để chủ động lĩnh hội, làm chủ kiến thức.

“ Sử dụng sách giáo khoa làm cơ sở, nền tảng; đồng thời tìm hiểu sách tham khảo để nâng cao kiến thức trong chủ đề (sách tham khảo của tác giả có uy tín).* Phân biệt các thuật ngữ, khái niệm cốt lõi liên quan đến sự kiện lịch sử. Ví dụ, khi học chuyên đề về Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam, học sinh phải phân biệt được một số thuật ngữ như “nhiệm vụ chiến lược” và “nhiệm vụ sách lược”, “tư sản
 | * Ghi chép bài vở đầy đủ, khoa học theo cách hiểu/trình bày của mình.
* Sử dụng kĩ thuật sơ đồ tư duy, băng thời gian, bảng tổng họp sự kiện, sử dụng từ khoá,...
* Vận dụng một số “công thức” thường “lặp lại” trong khi ghi chép kiến thức lịch sử. Ví dụ, về nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo từ năm 1930 (Cách mạng tháng Tám năm 1945; kháng chiến chống Pháp; kháng chiến chống Mỹ, cửu nước) đều có yểu tố chủ quan - sức mạnh dân tộc đóng vai trò quyết định (truyền thống
 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Định hướng cách thức ôn luyện | Các kĩ thuật ôn luyện hiệu quả |
|  | dân quyền cách mạng” và “thổ địa cách mạng”,... | dân tộc, Đảng lãnh đạo, đoàn kết dân tộc,...) và yếu tố khách quan - sức mạnh thời đại,... |
| Tự củng cố kiến thức và thực hành các dạng câu hỏi, bài tập (ở nhà) khi không có giáo viên kiểm soát trực tiếp | * Tự xem lại trong vở ghi và sách giáo khoa để củng cố và ghi nhớ các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử cơ bản.
* Tự bổ sung, chỉnh lí bài học đã ghi chép trên lớp và hệ thống lại kiến thức theo từng nội dung, vấn đề. Ví dụ, khi củng cố kiến thức về các cuộc kháng chiến thành công trong lịch sử dân tộc, học sinh cần hệ thống được tên các cuộc kháng chiến, thời gian, tổ chức lãnh đạo, đặc điểm nổi bật, nguyên nhân dẫn tới sự thành công và những bài học kinh nghiệm.
* Phân tích, so sánh, giải thích các vấn đề mà giáo viên và sách giáo khoa đã đặt ra; tìm ra những điểm mới/khác biệt/giống nhau,... của các sự kiện lịch sử.
* Thực hành, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các dạng câu hỏi, bài tập trong sách giáo khoa và sách tham khảo.
 | * Kĩ thuật 5W-2H: When, Where, Who, What, Why (ghi nhớ thời gian, không gian/địa bàn, nhân vật/tổ chức, nội dung chính của sự kiện và lí giải/giải thích được mối quan hệ của sự kiện lịch sử đã xảy ra); các dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi và giải quyết từng dạng câu hỏi như thế nào.
* Xác định mối liên hệ giữa các yếu tố tạo nên sự kiện lịch sử (thời gian, không gian, nhân vật,...), tác động của lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam trong một giai đoạn,...

-Vận dụng đúng nguyên tắc 3Đ: kiến thức phải *đúng,* nội dung kiến thức phải được hệ thống *đầy đủ* theo các ý, *đảm bảo* việc hiếu rõ các dạng thức câu hỏi thường gặp của đề thi minh hoạ. |
| Ôn luyện các đề thi tham khảo, tự điều chỉnh và rút kinh nghiệm | * Giáo viên bộ môn xây dựng đề thi tham khảo, tổ chức cho học sinh ôn luyện, sau đó chữa, kết hợp phân tích cấu trúc đề thi.
* Tham khảo sách ôn luyện thi tốt nghiệp THPT của tác giả có uy tín để làm đề.
* Tìm hiểu “bí quyết” chinh phục điểm cao thông qua các dạng câu hỏi thường gặp.
 | * Tìm hiếu cấu trúc, định dạng của đề thi tốt nghiệp THPT (các phần thi, định dạng câu hỏi và tỉ lệ, mức độ phân hoá thí sinh,...).
* Bấm thời gian làm bài (50 phút) khi làm đề thi tham khảo.
* Đối chiếu đáp án sau khi làm đề thi tham khảo và rút kinh nghiệm.
 |

* 1. *Kĩ nàng đọc hiểu và giải quyết các dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi tốt nghiệp THPT*
		1. *Kĩ nàng đọc hiểu các định dạng câu hỏi trong để thi*

Do sự thay đổi về hình thức thi, số lượng môn thi, các dạng thức câu hỏi trong mỗi môn thi trắc nghiệm, nên trong quá trình học tập, học sinh phải chú trọng nhiều vào các kĩ năng đọc hiểu và giải quyết các dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi. Đó là:

* Đọc hiểu vấn đề và xác định đúng “từ khoá” theo yêu cầu của câu hỏi, sau đó vận dụng các thao tác tư duy để tái hiện kiến thức, kết nối cơ sở dữ liệu, loại trừ dần các phương án nhiễu và lựa chọn phương án trả lời chính xác, duy nhất (thí sinh thường mắc lỗi này nhiều nhất).
* Đọc hiểu thông tin để lựa chọn đúng hoặc sai. Phần II của đề thi có dạng câu hỏi lựa chọn đúng sai), liên quan đến đọc hiểu một đoạn thông tin, đoạn trích, bảng số liệu,... Thí sinh sẽ phải đọc hiểu cả đoạn văn bản, kết họp với kiến thức đã học trong chủ đề để đối chiếu, xác định cơ sở dữ liệu trong mỗi ý là đúng hoặc sai, rồi lựa chọn phương án chính xác.
* So sánh, tổng họp, khái quát và kết nối các sự kiện, hiện tượng lịch sử giữa các bài, giai đoạn lịch sử có liên quan (ví dụ nghệ thuật quân sự, đấu tranh ngoại giao,...).
* Tư duy, suy luận, kết nối các dữ kiện lịch sử (từ bảng số liệu, các dữ kiện lịch sử cho sẵn, thí sinh phải biết suy luận, kết nối với lịch sử để đưa ra đáp án chính xác).
* Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn (ví như tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đối với Việt Nam; vấn đề chủ quyền biển, đảo; các bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc kháng chiến, xây dựng chính quyền, công cuộc Đổi mới đất nước,...).
* Luyện các dạng câu hỏi thường gặp trong bộ đề trắc nghiệm (theo định hướng đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
	+ 1. *Luyện các dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi tốt nghiệp THPT*
1. *Dạng câu hỏi trong phần “Câu trắc nghiêm nhiều phương án lựa chọn ”*
* *Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn câu trả lời đủng.* Trong 4 phương án A, B, c, D chỉ có một phương án đúng, các phương án còn lại là gây nhiễu và đều sai.

Ví dụ: Năm 1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao với quốc gia nào sau đây?

1. Anh. B. Cu-ba.

c. Liên Xô. D. Nhật Bản.

* *Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh đọc hiếu một đoạn tư liệu.* Dạng câu hỏi này để phân hoá thí sinh. Câu hỏi đưa ra đoạn tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện, hiện tượng lịch sử quan trọng (có trong sách giáo khoa hoặc ngoài sách giáo khoa). Đoạn tư liệu là căn cứ định hướng cho các em to duy, suy luận để đưa ra quyết định lựa chọn.

Ví dụ: Đọc đoạn trích: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập” (Trích: *Tuyên ngôn Độc lập).*

Đoạn tư liệu trích *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ờ trên đã khẳng định

1. chủ quyền của Việt Nam trên cả hai phương diện pháp lí và thực tiễn.
2. nhân dân Mỹ, Pháp phải ghi nhận những quyền dân tộc của Việt Nam.

c. chủ quyền của Việt Nam đã được ghi nhận bằng hiến pháp và thực tiễn.

D. các quốc gia trên thế giới đã công nhận quyền dân tộc của Việt Nam.

* *Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn ỷ phủ định trong 4 phương án (A, B, c, D) đã cho.* Câu hỏi được kiểm tra, đánh giá ở các mức độ khác nhau, yêu cầu các em không hiểu sai về các sự kiện, hiện tượng lịch sử. Các cụm từ thường được sử dụng trong dạng câu hỏi này là *không đúng, không phải, không chỉnh xác, phản ánh không đúng,...*

Ví dụ: Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925 - 1929)?

1. Góp phần giải quyết đường lối cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.
2. Góp phần vào sự thắng lợi của khuynh hướng cách mạng vô sản.

c. Góp phần tích cực xác lập con đường cứu nước mới ở Việt Nam.

D. Chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước ở Việt Nam.

* *Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn đúng phương án nhận xét, lí giải về sự kiện, hiện tượng lịch sử* (các quan điểm, chính kiến, hoặc ý kiến nhận xét, đánh giá về lịch sử). Ở dạng câu hỏi này, đề thi sẽ đưa ra sẵn các quan điếm, chính kiến hoặc ý kiến nhận xét về sự kiện, hiện tượng lịch sử phức tạp, yêu cầu thí sinh lựa chọn phương án đúng.

Ví dụ: Ngày 9-3-1945, quân phiệt Nhật Bản tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương vì lí do nào sau đây?

1. Lo ngại khả năng quân Pháp tấn công để độc chiếm thuộc địa Đông Dương.
2. Lo ngại quân Đồng minh vào Đông Dương để chia sẻ hệ thống thuộc địa.

c. Muốn độc chiếm Đông Dương trước khi Liên Xô vào tuyên chiến với Nhật.

D. Đối phó với việc Liên Xô viện trợ vũ khí và kinh tế cho nhân dân Đông Dương.

1. *Dạng câu hỏi chùm trong phần “Câu trắc nghiệm đúng sai”*

Thầy cô hướng dẫn ôn luyện thi và các em học sinh cần lưu ý: Đây là dạng câu hỏi mới, lần đầu xuất hiện trong kì thi tốt nghiệp THPT (từ năm 2025). Để không bị động và hạn chế việc bị “trừ điểm” đối với cách tính điểm của dạng câu hỏi này, các em cần ghi nhớ cách tính điểm đối với số ý trả lời đúng (a, b, c, d). Các em cùng nghiên cứu một số dạng câu hỏi chùm sau đây:

* *Các ý trong câu hỏi chùm (a, b, c, d) được lấy từ đoạn dữ liệu (đoạn trích) liên quan đến chương trình thỉ tốt nghiệp THPT.* Để bảo đảm tính khách quan, công bằng giữa các bộ sách giáo khoa, các đoạn trích không được trích dẫn từ các bộ sách giáo khoa hiện hành, đồng thời phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản và trang trích dẫn).

Ví dụ: Đọc đoạn tư liệu sau đây:-

*“Tôi* [Hồ Chí Minh] *tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quỷ nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quôc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... ”.*

(Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí nước ngoài, bài đăng trên báo *Cứu quốc,* số 147, ngày 21-1-1946)

Trong mỗi ý a, b, c, d, thí sinh trả lời đúng (Đ) hoặc sai (S).

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí về quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Phát biểu khẳng định nguyên tắc của một nhà lãnh đạo là phải trung thành với nhân dân.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định sẽ cống hiến trọn đời mình cho nhân dân và Tổ quốc.
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục lịch sử cho chiến sĩ, động viên quân đội trước giờ ra trận.

*- Các ỳ trong câu hỏi chùm (a, b, c, d) được lấy từ đoạn dữ liệu do hội đồng ra đề biên soạn* (bảng số liệu, niên biểu, đoạn viết, hình ảnh,...) liên quan đến chương trình thi tốt nghiệp THPT. Các dữ liệu được đưa ra phải bảo đảm tính khách quan, khoa học, có trích nguồn để làm căn cứ cho việc đưa ra các ý để thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Ví dụ: Cho bảng niên biểu một số sự kiện tiêu biểu về hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1945-1954):

|  |  |
| --- | --- |
| Thoi giẫằiĩ | Nội dung sự kiện |
| 28-2-1946 | Pháp kí với Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa - Pháp, được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản. |
| 3-3-1946 | Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng họp bàn, chọn giải pháp “hoà để tiến”. |
| 6-3-1946 | Thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp. |
| 14-9-1946 | Trong chuyến thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản Tạm ước Việt - Pháp. |
| 19-12-1946 | Ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến,* cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương phát động và hoạch định đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp. |

Trong mỗi ý a, b, c, d, thí sinh trả lời đúng (Đ) hoặc sai (S).

1. Từ đầu tháng 3 đến trước ngày 19-12-1946, những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp cho cách mạng Việt Nam tránh được việc đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù.
2. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh giải quyết quan hệ Việt - Pháp (từ tháng 3 đến tháng 12-1946) đã tránh được cuộc chiến tranh với thực dân Pháp sau này.
3. Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (19-12-1946) đã chấm dứt giai đoạn “hoà hoãn tạm thời” giữa Việt Nam với thực dân Pháp.
4. Đường lối kháng chiến toàn quốc do Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra (1946) được phản ánh trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
5. Một số lưu ý khi thực hành và làm bài thi trắc nghiệm môn Lịch sử
* Trắc nghiệm khách quan là cách thức kiểm tra, đánh giá bằng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan (không phụ thuộc vào người chấm, kể cả chấm thủ công), nên các em hãy yên tâm về bài làm của mình. Các em càn giữ gìn cẩn thận phiếu trắc nghiệm (không tẩy xoá, tô quá một phương án, làm gấp nếp phiếu trả lời,... vì máy sẽ bỏ qua không chấm).
* Bài thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử gồm 40 câu, chia làm hai phần (24 câu dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn và 4 câu chùm dạng đúng sai (mỗi câu có 4 ý để lựa chọn đúng hoặc sai). Câu hỏi trong đề thi được chia làm 4 mức độ, từ dễ đến khó, dải đều theo phân phối chương trình và ma trận đề: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.
* Kiến thức thi trắc nghiệm được bao trùm toàn bộ chương trình, không bỏ sót bất cứ nội dung nào, tuyệt đối không được học “tủ”.
* Thời gian làm bài thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử chỉ có 50 phút (không kể thời gian phát đề), các em đừng để mất quá nhiều thời gian vào suy nghĩ một vài câu hỏi khó. Tốt nhất, hãy đọc và làm các câu hỏi theo phương pháp loại trừ, đi từ mức độ nhận biết đến mức độ thông hiểu trước (từ trên xuống). Câu hỏi nào chưa chắc chắn thì đánh dấu để đó, vì trong nhiều trường hợp khi đọc các câu hỏi tiếp theo sẽ thấy được “chìa khoá” gợi ý để quay trở lại lựa chọn đúng câu trả lời. Neu gặp câu hỏi quá khó, các em hãy cố gắng tái hiện lại những kiến thức đã được thày cô dạy hoặc được đọc qua tài liệu tham khảo, kết nối các thông tin để đưa ra phán đoán trước khi lựa chọn. Các em nhớ đừng “bỏ qua” bất cứ câu hỏi nào.

Phẩn hai

CÀU HỎI TRẮC NGHIỆM THEO CHÚ ĐỂ

Chủ đe 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trước Cách mạng tháng Hai năm 1917, nước Nga là nơi tập trung

1. nhiều loại mâu thuẫn chồng chéo cần phải giải quyết.
2. nhiều yếu tố giúp cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

c. mâu thuẫn giữa Chính quyền Xô viết với giai cấp tư sản. D. những điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng công nghiệp.

Câu 2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 đã thực hiện được mục tiêu nào sau đây?

1. Thành lập Chính quyền Xô viết thống nhất trên toàn nước Nga rộng lớn.
2. Thành lập được một chính phủ cộng hoà, liên hiệp giữa vô sản với tư sản.

c. Lật đổ được chế độ phong kiến Nga hoàng đang là rào cản của đất nước. D. Xoá bỏ Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản liên minh với phong kiến.

Câu 3. Các Xô viết ra đời trong Cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga là chính quyền của

1. công nhân, nông dân và binh lính. B. công nhân, nông dân và tiểu tư sản.

c. vô sản liên minh với tư sản. D. giai cấp tư sản kết hợp với Nga hoàng.

Câu 4. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tình hình nước Nga ngay sau Cách mạng tháng Hai (1917)?

1. Nhà nước Liên Xô được thành lập.
2. Giai cấp vô sản nắm quyền tuyệt đối.
3. Vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết.

; D. Hiến pháp Liên Xô được thông qua.

Cầu 5. Nọi dung nào sau đây phản ánh đúng “một cục diện chính trị chưa từng có đã xuất hiện ở nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917”?

1. Chính phủ tư sản lật đổ chế độ phong kiến Nga hoàng.
2. Chính quyền liên hiệp tư sản và vô sản được thành lập.
3. Hai chính quyền của tư sản và các Xô viết cùng tồn tại.
4. Nga hoàng liên minh với tư sản chống lại các Xô viết.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây đúng về tính chất của cuộc Cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga?

1. Là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
2. Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

c. Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.

1. Là cuộc cách mạng mang màu sắc tôn giáo.

Câu 7. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã trực tiếp đưa tới sự ra đời của

1. hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
2. Đảng Bôn-sê-vích Nga và Đảng Dân tộc.

c. Chính quyền Xô viết Nga do Lê-nin đứng đầu.

D. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 8. Cuộc Cách mạng tháng Mười năm 1917 có ý nghĩa nào sau đây đối với nước Nga?

1. Nhân dân lao động được làm chủ vận mệnh đất nước.
2. Dan đến tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

c. Mở ra con đường giải phóng cho các nước trên thế giới.

D. Giúp Nga đẩy lùi được nguy cơ ngoại xâm và nội phản.

Câu 9. Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (1917) mang tính chất là một cuộc cách mạng A. dân chủ tư sản. B. xã hội chủ nghĩa,

c. vô sản kiểu mới. D. dân chủ nhân dân.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là sự kiện mở đầu của quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

1. Chính quyền Xô viết chính thức thành lập từ trong Cách mạng tháng Mười (1917).
2. Các Xô viết của công - nông - binh ra đời từ trong Cách mạng tháng Hai (1917). c. Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô, 1922).

D. Thông qua bản hiến pháp đầu tiên của nhà nước liên bang - Liên bang Xô viết (1924).

Câu 11. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

1. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (1924).
2. Sự ra đời của các Xô viết trong Cách mạng tháng Hai (1917).
3. Chính quyền Xô viết ra đời trong Cách mạng tháng Mười (1917).
4. Thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922).

Câu 12. Đối với thế giới, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa nào sau đây?

1. Mở ra quan hệ họp tác với Mỹ và phương Tây.
2. Tác động đến địa - chính trị và quan hệ quốc tế.
3. Mở đầu quá trình sụp đổ cùa chủ nghĩa thực dân.
4. Mở đầu sự mở rộng của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Câu 13. Bối cảnh nào sau đây đã tạo điều kiện thuận lợi đế nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền và thành ỉập các nhà nước dân chủ nhân dân?

1. Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.
2. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và đã lan rộng.
3. Sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô để tiêu diệt phát xít.
4. Trung Quốc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ.

Câu 14. Nội dung nào sau đây không phải sự phát triển và mở rộng địa bàn của chủ nghĩa xã hội trên thế giới?

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga thành công, nước Nga Xô viết ra đời (1917).
2. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng và tuyên bố đi lên chủ nghĩa xã hội (1954). c. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập, đi lên chủ nghĩa xã hội (1949).

D. Các nước Đông Âu hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân (1948 - 1949).

Câu 15. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về sự hình thành và phát triển của hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới?

1. Mở đầu quá trinh chủ nghĩa tư bản bị xoá bỏ ở châu Âu.
2. Trở thành chỗ dựa của phong trào cách mạng thể giới.
3. Làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực trên thế giới.
4. Mở đầu cho một khuynh hướng cách mạng mới ở châu Á.

Câu 16. Đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX, chủ nghĩa xã hội trên thế giới không ngừng được củng cố và mở rộng sang những địa bàn nào sau đây?

1. Từ châu Âu nối sang châu Á, lan rộng sang Tây Phi và Nam Phi.
2. Từ châu Á nối sang châu Phi và mở rộng ở khu vực Mỹ La-tinh.

c. Chủ nghĩa xã hội được xác lập và trở thành hệ thống ở châu Á.

D. Nối liền từ châu Âu sang châu Á, lan sang khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 17. Một trong những biểu hiện về sự hợp tác và mở rộng của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

1. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống duy nhất trên thế giới.
2. Liên Xô đã ngăn chặn được Mỹ tiến hành Chiến tranh lạnh.

c. sự ra đời và mở rộng của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

D. các nước Đông Âu hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng.

Câu 18. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu?

1. Không có đóng góp cho quá trình phát triển của văn minh nhân loại.
2. Nhiều nhà lãnh đạo tha hoá về phẩm chất, mất uy tín với nhân dân.

c. Đã xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, khách quan. D. Sự chống phá của các thế lực thù địch đối với chế độ xã hội mới.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một ửong những nguyên nhân khách quan dẫn tới sự tan rã nhanh chóng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1985 - 1991)?

1. Không tham gia các tổ chức quốc tế để nhận sự hỗ trợ.
2. Đường lối lãnh đạo có sự nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

c. Tiến hành cải tổ nhưng từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

D. Do sự chống phá của các thế lực thù địch từ bên ngoài.

Câu 20. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu (1989 - 1991)?

1. Học thuyết Mác - Lê-nin không được vận dụng ở các nước.
2. Công cuộc cải tổ đã mắc nhiều sai lầm, chủ quan và nóng vội.

c. Chậm sửa chữa trước những biến động của tình hình thế giới.

D. Các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

Câu 21. Từ sự khủng hoảng rồi sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở châu Âu (1989 - 1991) đã cho thấy

1. nhiều bài học kinh nghiệm trong xây dựng đất nước.
2. chể độ xã hội chủ nghĩa hiện thực không còn.
3. Mỹ đã thành công trong chiến lược toàn càu.
4. Mỹ đã thắng lợi trong cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 22. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, xu thế chung của nhiều nước xã hội chủ nghĩa còn lại là

1. đổi mới, cải cách, mở cửa, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.
2. quay lại nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung để phân công lao động.

c. tăng cường chạy đua vũ trang để nâng cao sức mạnh quốc phòng.

D. đổi mới đất nước toàn diện, trọng tâm là đổi mới hệ thống chính trị.

Câu 23. Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh ở

A. Trung Quốc, Ấn Độ, Lào, Việt Nam. B. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba. c. Mê-hi-cô, Xin-ga-po, Việt Nam, Cu-ba. D. Việt Nam, Lào, Ân Độ, Nam Phi.

Câu 24. Đường lối chung trong Đại hội XII (1982) và Đại hội XIII (1987) của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định

1. đổi mới đất nước toàn diện, đồng bộ theo kế hoạch hoá tập trung.
2. đổi mới đất nước, chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế, văn hoá.
3. lấy phát triển về kinh tế là trung tâm, đẩy mạnh cải cách, mở cửa.
4. cải tổ hệ thống chính trị, thực hiện đa đảng và quan hệ đa phương.

Câu 25. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào (từ những năm 80 của thế kỉ XX)?

1. Từng bước xoá đói, giảm các hộ nghèo.
2. Cải thiện chỉ số phát triển về con người.

c. Ôn định về chính trị, kinh té và xã hội.

D. Trở thành các nước công nghiệp mới.

Câu 26. Nội dung nào sau đây là một trong những rào cản, khó khăn lớn của Cu-ba trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1991)?

1. Bị Mỹ và các nước bao vây, cấm vận từ bên ngoài.
2. Đảng Cộng sản Cu-ba không còn lãnh đạo đất nước.

c. Các nước xã hội chủ nghĩa không còn viện trợ kinh tế.

D. Không nhận được sự quan tâm từ cộng đồng quốc tế.

Câu 27. Từ những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc,

Việt Nam, Lào và Cu-ba (từ năm 1991) cho thấy

1. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thể giới đang biến động.
2. chủ nghĩa xã hội gắn liền với kinh tế thị trường do tư nhân quản lí.

c. chủ nghĩa tư bản đã không còn là hệ thống trên phạm vi toàn thế giới.

D. chủ nghĩa xã hội vẫn phát triển mạnh, đã mở rộng không gian địa lí.

Câu 28. về chính trị, trong công cuộc cải cách, mở cửa (từ năm 1978), chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc đã đạt được thành tựu nổi bật nào sau đây?

1. Đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.
2. Hoàn thành mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành cường quốc kinh tế số 1 thế giới.

c. Thay đổi hiển pháp, thực hiện đa đảng để phù họp với bối cảnh, tình hình quốc tế.

D. Đảng Cộng sản Trung Quốc vươn lên, trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước. Câu 29. Từ năm 2010, nền kinh tế Trung Quốc đạt được thành tựu nổi bật nào sau đây?

1. Vượt qua Mỹ, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới.
2. Vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới.

c. Vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai châu Á.

D. Bước đầu có tích luỹ, có dự trữ vàng và các ngoại tệ.

Câu 30. Nội dung nào sau đây là một trong những biểu hiện cho sự phát triển nhanh chóng về khoa học - kĩ thuật của Trung Quốc (từ khi tiến hành cải cách, mở cửa)?

1. Trở thành quốc gia có trình độ công nghệ số 1 thế giới.
2. Có hệ thống tàu cao tốc hiện đại, không ngừng mở rộng.

c. Là quốc gia duy nhất ở châu Á phóng vệ tinh nhân tạo.

D. Là quốc gia duy nhất ở châu Á sở hữu vũ khí hạt nhân.

Câu 31. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc?

1. Đường lối cải cách, mở cửa của Đảng Cộng sản Trung Quốc là đúng đắn.
2. Từng bước khẳng định, nâng cao vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế. c. Không ngùng cải thiện chất lượng cuộc sống, đem lại phúc lợi cho nhân dân.

D. Xoá bỏ được tình trạng lạc hậu và những mâu thuẫn trong xã hội Trung Quốc.

Câu 32. Với cuộc cải cách, mở cửa (từ năm 1978), Trung Quốc đã đạt được thành tựu nổi bật nào sau đây?

1. Vươn lên trở thành cường quốc kinh tế, quân sự số 1 trên thế giới.
2. Trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ (từ năm 2010).

c. Là nước tiên phong trong các cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

D. Trở thành quốc gia duy nhất trên thế giới có dự trữ vàng, ngoại tệ.

Câu 33. về đối ngoại, công cuộc cải cách, mở cửa (từ năm 1978) của Trung Quốc đã đem lại kết quả nào sau đây?

1. Mở rộng quan hệ và không ngừng nâng cao vị thế trên thế giới.
2. Buộc Mỹ phải thừa nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc.

c. Buộc các nước láng giềng phải thiết lập trở lại quan hệ ngoại giao.

D. Được thừa nhận là trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất ở châu Á.

Câu 34. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) có tác động nào sau đây đến quá trình hoạt động yêu nước và cách mạng của Nguyễn Ái Quốc?

1. Đoàn kết nhân dân Việt Nam với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
2. Lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản. c. Xác định được hai nhiệm vụ cho cách mạng Việt Nam là dân tộc và dân chủ.

D. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - binh.

Câu 35. Từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô (1988 - 1991), Việt Nam cần rút ra bài học kinh nghiệm nào sau đây?

1. Tiến hành cải cách đất nước trước khi xuất hiện những biểu hiện khủng hoảng.
2. Tuân thủ các quy luật phát triển khách quan, xây dựng cơ chế tập trung bao cấp. c. Thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.

D. Luôn đề phòng cảnh giác với âm mưu “diễn biến hoà bình” và “tự chuyển hoá”.

Câu 36. Sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và sự thành công của Trung Quốc sau cải cách, mở cửa cho thấy

1. cần phải lấy cải cách về chính trị làm trung tâm trong quá trình đổi mới.
2. con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước cần có những sáng tạo riêng, c. đối mới chính trị luôn phải đi trước để mở đường cho đổi mới kinh tế.

D. xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn với đa nguyên, đa đảng về chỉnh trị.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Tới năm 1922, trên lãnh thổ của nước Nga trước đây đã tồn tại sáu nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa: Nga, U-craỉ-na, Bê-ỉa-rút, A-déc-bai-gian, Ac-mê-ni-a và Gru-dỉ-a. Đặc điếm nối bật giữa các nước cộng hoà này là sự phát trìên không đông đêu cả vê kinh tê, văn hoá và chính trị. Lúc này những vùng công nghiệp như ‘‘những hòn đảo nhỏ ” trong “đại dương ” nông nghiệp to lớn. Các nước cộng hoà vùng Trung Á, Bắc Cáp-ca-dơ, Xi-bi- a,... vẫn trong tình trạng hết sức lạc hậu về kinh tế và văn hoả, thậm chí có nơi còn tồn tại những tàn tích của quan hệ phong kiến—gia trưởng. Thăng lợi của Cách mạng tháng Mười đã mang lại sự bình đang vê chỉnh trị giữa các nước Cộng hoà Xô viêt. Nhưng sự bình đẳng ẩy chỉ thật sự vững chắc khi dựa trên cơ sở bình đắng về kinh tế và văn hoá - tức là sự phát triến không ngừng vế kinh tế và văn hoá của các dân tộc ”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45 - 46)

1. Theo đoạn tư liệu, nước Nga Xô viết và các nước cộng hoà Xô viết thành viên đồng minh không có sự phát triển đồng đều về kinh tế, văn hoá.
2. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời năm 1922 gắn liền với nhu cầu hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau của các nước cộng hoà Xô viết.
3. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã mang lại sự bình đẳng về kinh tế và vãn hoá giữa các nước Cộng hoà Xô viết.
4. Từ đoạn tư liệu và thực tiễn lịch sử ở nước Nga cho thấy, Liên bang Cộng hoà Xô viết ra đời năm 1922 là một tất yếu lịch sử.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

[Chủ nghĩa xã hội] *“đã hình thành mật hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, kéo liền từ Trung Âu đến Đông Nam Ả và một tiền đồn xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Mỹ La-tinh. Phe xã hội chủ nghĩa được thành lập và ngày càng lớn mạnh. Đó là nhân tố quyêt định sự phát triển của cách mạng thế giới và tương lai tươi sáng của loài người”.*

(Hồ Chí Minh, “Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc”, trích trong: *Hồ Chí Minh toàn tập,* Tập 12, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.3O6 - 307)

1. Chủ nghĩa xã hội đã chính thức trở thành hệ thống thế giới sau thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.
2. Chủ nghĩa xã hội chỉ trở thành hệ thống thế giới và mở rộng không gian địa lí sau khi Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba đi lên chủ nghĩa xã hội.
3. Cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, sau đó đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành bước đột phá, góp phần làm tan rã Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. ■
4. Sự ra đời và không ngừng mở rộng ảnh hưởng của phe xã hội chủ nghĩa đã góp phần làm thay đổi sâu sắc bản đồ địa - chính trị thế giới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Ầu trong những năm 1989 - 1991 đã gây nện những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tốn thất chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của chủ nghĩa xã hội trên thể giới, dẫn đến hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa.*

*Từ những đố vỡ ấy, nhiều bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách — đối mới, nhằm xây dựng một chê độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng và hạnh phúc con người, phù họp với hoàn cảnh và truyền thống văn hoá của moi quốc gia dân tộc*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

1. Sự sụp đố của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô làm cho chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống trên thế giới.
2. Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ đã làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới và chuyển biến quan hệ quốc tế.
3. Từ công cuộc cải tố không thành công và sự sụp đố của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô cho thấy, toàn cầu hoá là thời cơ nhung cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với các dân tộc.
4. Tận dụng cơ hội chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Mỹ đã nỗ lực vươn lên thiết lập trật tự đơn cực và đã thực hiện thành công chiến lược toàn cầu.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc hướng đến mục tiêu xây dựng Trung Quốc trở thành cường quôc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh, hài hoà, tươi đẹp vào giữa thê kỉ này. Một trong những trụ cột đế thực hiện mục tiêu trên là xẩy dựng hệ thống kinh tế hiện đại hoá”.*

(Đảng Cộng sản Trung Quốc, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIX,* năm 2017)

1. Thành tựu nối bật về chính tộ trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc là đã đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.
2. Một trong những trụ cột để thực hiện thành công công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc là phải xây dựng lực lượng quân đội hiện đại, dẫn đầu thế giới.
3. Phấn đấu đưa đất nước trở thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh là mục tiêu trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc (từ năm 1978).
4. Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978) phù họp với xu thế quốc tế, mở rộng đa phương và lấy phát triển chính trị làm trung tâm.

Chủ đề 2. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
CÙA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Thực dân phương Tây tiến hành xâm lược các nước Đông Nam Á trong bối cảnh nào sau đây?

1. Chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống hoàn chỉnh.
2. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giữ vai trò thống trị.

c. Nhiều nước trong khu vực đang tiến hành cải cách, mở cửa.

D. Chế độ phong kiến ở các nước đang suy thoái, khủng hoảng.

Câu 2. Thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á trong khoảng thời gian nào sau đây?

A. Thế kỉ XVI - thế kỉ XVII. B. Cuối thế kỉ XIX - đàu thế kỉ XX.

c. Thế kỉ XVI - đầu thế kỉ XX. D. Thế kỉ XVII - cuối thế kỉ XVIII.

Câu 3. Sự kiện nào sau đây là mốc mở đầu quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây?

1. Thực dân Anh tiến hành xâm lược Mi-an-ma.
2. Tây Ban Nha đánh chiếm Phi-líp-pin và Lào.
3. Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca (Ma-lai-xi-a).
4. Thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam.

Câu 4. Trước khi huy động lực lượng vũ trang xâm lược các nước Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã dựa vào lực lượng nào sau đây để gây dựng cơ sở?

A. Chỉ sử dụng các giáo sĩ. B. Thương nhân và giáo sĩ.

c. Liên minh công - nông. D. Tiểu tư sản và trí thức.

Câu 5. Vào thế kỉ XVI, thực dân nào sau đây tiến hành xâm lược Phi-líp-pin?

A. Tây Ban Nha. B. Bồ Đào Nha. c. Anh. D. Pháp.

Câu 6. Vào thế kỉ XVII, thực dân nào sau đây tiến hành xâm lược In-đô-nê-xi-a?

A. Tây Ban Nha. B. Liên quân Mỹ - Anh.

c. Hà Lan. D. Pháp.

Câu 7. Ngoài Ma-lai-xi-a, quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á bị thực dân Anh xâm lược và cai trị?

A. Việt Nam. B. Xiêm. c. Phi-lip-pin. D. Miến Điện.

Câu 8. Vào đầu thế kỉ XIX, Xin-ga-po trở thành thuộc địa của thực dân nào sau đây?

A. Pháp. B. Anh. c. Đức. D. Mỹ.

Câu 9. Từ năm 1898, quốc gia nào sau đây thay thế Tây Ban Nha cai trị Phi-líp-pin?

A. Mỹ. B. I-ta-li-a. c. Anh. D. Pháp.

Câu 10. Cuối thế kỉ XIX, thực dân nào sau đây đã hoàn thành việc xâm lược ba nước Đông Dương?

A. Pháp. B. Anh. c. Mỹ. D. Đức.

Câu 11. Các nước Đông Nam Á ở địa bàn nào sau đây bị thực dân phương Tây xâm lược sớm nhất?

A. Đông Nam Á lục địa. B. Đông Nam Á hải đảo.

c. Các nước sáng lập ASEAN. D. Ba nước Đông Dương.

Câu 12. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX chủ yếu theo khuynh hướng chính trị nào sau đây?

A. Dân chủ tư sản. B. Vô sản.

1. Phong kiến. D. Tư sản và vô sản.

Câu 13. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á (1920 - 1945) mang đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Chỉ những nước đi theo con đường cách mạng vô sản giành thắng lợi.

B. Chỉ những nước đi theo con đường dân chủ tư sản giành thắng lợi.

c. Xuất hiện hai khuynh hướng cứu nước hoạt động là tư sản và vô sản.

1. Phong trào đấu tranh ở các nước đều đi theo khuynh hướng vô sản.

Câu 14. Chính sách cai trị nào sau đây của thực dân phương Tây là nguyên nhân dẫn đén sự chia cắt lãnh thổ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia trong khu vực?

A. Bóc lột kinh tế. B. Lập đồn điền. c. Nô dịch văn hoá. D. Chia để trị.

Câu 15. Trong bối cảnh các nước châu Á bị thực dân phương Tây xâm lược và cai trị (đàu thế kỉ XX), cùng với Nhật Bản, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á vẫn giữ được nền độc lập?

A. Đông Ti-mo. B. Bru-nây. c. Cam-pu-chia. D. Xiêm.

Câu 16. Chính sách cai tri của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á (thế kỉ XVI - XX) có điểm chung nào sau đây?

1. Đe cao vai trò của người bản xứ để xoa dịu mâu thuẫn dân tộc.
2. Sử dụng các thế lực phong kiến địa phương làm công cụ cai trị.

c. Du nhập hoàn chỉnh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

D. Tạo điều kiện để kinh tế thuộc địa phát triển mạnh và toàn diện.

Câu 17. Chính sách cai trị nào sau đây của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á (thế kỉ XVI - XX) đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn dân tộc?

1. Xoá bỏ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến.
2. Du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
3. Tăng cường việc thi hành chính sách “chia để trị”.
4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và công nghệ.

Câu 18. Năm 1945, những quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á giành được độc lập?
A. Thái Lan, Phi-líp-pin và Việt Nam. B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào.

c. In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma và Bru-nây. D. Việt Nam, Lào và Ma-lai-xi-a.

Câu 19. Chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á (thế kỉ XVI - XX) để lại hậu quả nào sau đây?

1. Bổ sung các hệ tư tưởng mới trong xã hội.
2. Làm xói mòn giá trị truyền thống của người bản xứ.

c. Làm mất đi truyền thống đoàn kết của các dân tộc.

D. Dan tới sự xung đột giữa các tôn giáo truyền thống.

Câu 20. Sau nhiều thập kỉ bị thực dân phương Tây cai trị, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á có biến đổi nào sau đây?

1. Lần lượt trở thành quốc gia độc lập, tự chủ.
2. Xoá bỏ mọi tàn dư của thực dân phương Tây.

c. Cắt đứt mối quan hệ với các nước phương Tây.

D. Trở thành nước độc lập có cùng chế độ chính trị.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam A là khai thác, vơ vét 'và bòn rút các quốc gia. trong khu vực bằng chính sách thuế khoả đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt đế sản phàm nông nghiệp, tiêp tục đâu tư đê bóc lột lâu dài trong công nghiệp,... Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa, gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam A được thực dãn phương Tây chú ỷ khai thác từ sớm ”.*

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thuỷ đến ngày nay,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.377)

1. Thực dân phương Tây đã sử dụng nhiều thủ đoạn để cai trị, bóc lột nhân dân Đông Nam Á.
2. Chính sách cai trị của thực dân ở Đông Nam Á là tập trung khai thác tài nguyên khoáng sản.
3. Trong việc cai trị, bóc lột nhân dân Đông Nam Á, thực dân phương Tây kết hợp phương thức bóc lột thực dân với phương thức bóc lột phong kiến.
4. Thực dân phương Tây du nhập hoàn chỉnh phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa ở các nước Đông Nam Á, đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế các nước.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

[Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp,* Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chính sách thống trị của thực dân Pháp]: “... *một bên là những người bản xứ,... họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những thao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất đế kiếm sống một cách chật vật và hầu như chỉ bang sức của họ thôi, đê nuôi mọi ngân quỹ của chính quyên. Một bên là những người Pháp và những người nước ngoài, họ đêu đi lại tự do, tự dành cho mình tat cả các tài nguyên của đất nước, chiêm đoạt toàn bộ xuất nhập khấu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trâng tráo trong cảnh dôt nát và nghèo khôn của nhân dãn”.*

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.12)

1. Nguyễn Ái Quốc mô tả những người dân bản xứ phải lao động nặng nhọc đế kiếm sống.
2. Người dân bản xứ được Chính phủ Pháp bảo vệ quyền lợi và công bằng như người Pháp.
3. Nguyễn Ái Quốc mô tả: có sự bất công lớn giữa những người dân thuộc địa và người Pháp.
4. Thực dân Pháp muốn độc chiếm thị trường ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

Chủ đề 3. CHIÊN TRANH BẢO VỆ Tổ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM
(Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng vị trí địa chiến lược của Việt Nam đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước?

A. Nằm trên tuyến đường giao thông và giao thương quốc tế quan trọng từ nhiều phía.

B. Giáp với Trung Quốc, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

c. Là nơi diễn ra cuộc tranh chấp giữa các cường quốc liên lục địa Âu - Á, Phi - Mỹ.

D. Là địa bàn “tiền tiêu” của Đông Nam Á từ phía bắc và “cửa ngõ” qua các đại dương. Câu 2. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) có vai trò quyết định đối với

A. sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. B. công cuộc cải cách ruộng đất.

c. quá trình hình thành cộng đồng dân tộc. D. chính sách bang giao với phương Tây. Câu 3. Nội dung nào sau đây không đúng về ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

1. Góp phần quan trọng vào hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.
2. Phát huy tinh thần bất khuất của dân tộc trong đấu tranh chống ngoại xâm.

c. Chủ động ngăn chặn được mọi hành động xâm lược của thế lực xâm lược.

D. Góp phần khơi dậy, củng cố tinh thần đoàn kết và lòng tự hào dân tộc.

Câu 4. Mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam là cuộc khởi nghĩa của

A. Hai Bà Trưng. B. Bà Triệu. c. Lý Bí. D. Phùng Hưng.

Câu 5. Dòng sông nào sau đây đã ba lần ghi danh quân dân Đại Việt đánh bại các thế lực xâm lược đến từ phương Bắc?

A. Sông Đà. B. Sông Bạch Đằng.

c. Sông Hồng. D. Sông Mê Công.

Câu 6. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077), quân dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự độc đáo nào sau đây?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Chủ động nghị hoà sau thắng lợi về quân sự.

c. Vây thành, diệt viện. D. Tổ chức tổng tiến công và nổi dậy trên cả nước.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam trong lịch sử chống giặc ngoại xâm?

A. Yêu nước. B. Đoàn kết, bền bỉ. c. Cam chịu. D. Thông minh, gan dạ.

Câu 8. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), những cuộc kháng chiến nào sau đây không thành công?

1. Chống quân Nam Hán (938) và quân Tống (1075 - 1077).
2. Chống quân Thanh (1789) và thực dân Pháp (1858 - 1884).

c. Chống quân Mông - Nguyên (thế kỉ XIII) và chống quân Minh (1407).

D. Chống quân Minh (1407) và chống thực dân Pháp (1858- 1884). Câu 9. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) là

A. Quang Trung. B. Lê Lợi. c. Lý Thường Kiệt. D. Ngô Quyền.

Câu 10. Câu nói: *‘‘Vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt... ”*

của Trần Quốc Tuấn là minh chứng cho nguyên nhân nào đưa tới thắng lợi của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống phương Bắc?

A. Tính chính nghĩa của kháng chiến. B. Kế sách đánh giặc đúng đắn.

c. Tinh thần đoàn kết của toàn dân tộc. D. Kẻ địch gặp khó khăn.

Câu 11. Tù thế kỉ III trước Công nguyên đến cuối thế kỉ XVIII, nhân dân Việt Nam đã đánh bại nhiều quân xâm lược đến từ phía Bắc, nhưng trong số đó không có quân xâm lược nào sau đây?

A. Quân Xiêm. B. Quân Tống,

c. Quân Thanh. D. Quân Mông - Nguyên.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng, suy yếu trầm trọng của nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

1. Giặc Minh câu kết với quân Chăm-pa chống phá và xâm lược.
2. Nhà nước không quan tâm sản xuất, quan lại mải lo ăn chơi.

c. Chu Văn An dâng sớ chém gian thần không được chấp thuận. D. Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên nên bị suy yếu.

Câu 13. Câu: “Hiền tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh; khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có” phản ánh rõ nét về

1. chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử dưới thời Lê.
2. việc đề cao, coi trọng nhân tài qua thi cử, không chấp nhận tiến cử người tài. c. quá trình tuyển chọn quan lại chỉ cần người tài thông qua khoa cử của Lê Lợi.

D. nghĩa vụ, trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời vua Lê Thánh Tông.

Câu 14. Một trong những nhân tố quyết định cho thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam là gì?

1. Kết hợp đấu ứanh quân sự và ngoại giao.
2. Đa phương hoá trong quan hệ quốc tế.

c. Huy động được sức mạnh toàn dân tộc. D. Chủ trương giành thắng lợi từng bước.

Câu 15. Thắng lợi của cuộc kháng chiến nào sau đây đã kết thúc hơn 1 000 năm đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, đồng thời mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc Việt Nam?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán. B. Kháng chiến chống quân Tống làn 1. c. Kháng chiến chống quân Tống lần 2. D. Kháng chiến chống quân Mông cổ.

Câu 16. Nghệ thuật “Tiên phát chế nhân” của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075-1077) được hiểu là

1. sử dụng lối “điều địch để đánh địch”.
2. chủ động tấn công trước để chế ngự kẻ thù.

c. vây thành để tiêu diệt quân tiếp viện. D. xây đựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt.

Câu 17. Trong lịch sử chống ngoại xâm, chiến thắng nào sau đây diễn ra vào thời điểm mùa xuân của đất nước?

1. Kháng chiến chống quân Thanh (1789).
2. Kháng chiến chống quân Nguyên (1288). c. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938).

D. Kháng chiến chống quân Nguyên (1285).

Câu 18. Thực tiễn lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam cho thấy, kẻ thù xâm lược đều rất hùng mạnh, tàn bạo và phần lớn đến từ

1. phương Tây. B. phương Bắc. c. phương Đông. D. phương Nam.

Câu 19. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về đóng góp của phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam?

1. Lật đổ chính quyền vua Lê, chúa Trịnh. B. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Thanh, c. Xoá bỏ ranh giới sông Gianh, Luỹ Thầy. D. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Minh.

Câu 20. Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, triều đại nào sau đây được thành lập sau thắng lợi của một cuộc đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược?

A. Triều Lý. B. Triều Trần.

c. Triều Nguyễn. D. Triều Lê sơ.

Câu 21. Một trong những nguyên nhân dẫn đến không thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (nửa cuối thế kỉ XIX) là do triều Nguyễn không A. chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Pháp. B. phát huy được sức mạnh toàn dân tộc. c. xây dựng lực lượng quân đội đông đảo. D. tổ chức đánh quân Pháp ngay từ đầu.

Câu 22. Những địa danh nào sau đây được sử sách Việt Nam ghi danh gắn với chiến công của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (cuối thế kỉ XVIII)?

1. Rạch Gầm - Xoài Mút và Chi Lăng - Xương Giang.
2. Như Nguyệt, Thăng Long và Bạch Đằng Giang.

c. Chương Dương, cổ Loa và Ngọc Hồi - Đống Đa.

D. Rạch Gầm - Xoài Mút và Ngọc Hồi - Đống Đa.

Câu 23. Danh nhân nào sau đây là “quân sư” của chủ tướng Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418- 1427)?

A. Lê Quý Đôn. B. Nguyễn Bỉnh Khiêm.

c. Nguyễn Trãi. D. Yết Kiêu.

Câu 24. Trong lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời phong kiến, nhân vật nào sau đây không được nhân dân vinh danh?

1. Lê Thánh Tông. B. Lê Chiêu Thống.
2. Quang Trung. D. Lê Lợi.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa lịch sử về thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn (1427)?

1. Chấm dứt vĩnh viễn ý đồ xâm lược Đại Việt của phong kiến phương Bắc.
2. Chấm dứt ách đô hộ của nhà Minh kéo dài trong 20 năm (1407 - 1427).

c. Xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước kéo dài nhiều thế kỉ.

D. Đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất lãnh thổ của Lê Lợi.

Câu 26. về quốc phòng - an ninh, Biển Đông đối với Việt Nam có tầm quan trọng nào sau đây?

1. Là tuyến phòng thủ từ phía đông của đất nước.
2. Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất Việt Nam.

c. Cung cấp nguồn tài nguyên, sinh vật đa dạng.

D. Thúc đẩy phát triển ngành kinh tế du lịch biển.

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng chủ trương của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp ở Biến Đông?

1. Nhân nhượng các nước lớn để đổi lấy hoà bình trên biển.
2. Không chấp nhận đánh đổi chủ quyền để đổi lấy hoà bình.

c. Tuyệt đối không thương lượng để bảo vệ chủ quyền dân tộc.

D. Chạy đua phát triển hải quân để bảo vệ chủ quyền trên biển.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Được kết nối thuận tiện bởi đại dương với phần còn lại của Đông Nam Á và nằm chính xác ngay tại vị trí đó, Việt Nam chiếm giữ một vị trí quan trọng vê một chiên lược ở ngã tư đường của thế giới với châu Á. Tuyên đường biên giữa Trung Quôc và An Độ được kiếm soát bởi các đội thuyền của Phù Nam và Chăm-pa, chừng nào sức mạnh của các vương quốc này chưa bị suy giảm. Hoạt động từ vịnh Cam Ranh ở miên Nam Việt Nam, thậm chỉ ngày nay một hạm đội mạnh có thế kiêm soát toàn bộ Biên Đông từ Xin-ga-po đến Pho-mu-sa và từ Ma-nỉ-la đên Hải Phòng”.*

(Giô-sép Bất-ting-gơ, *Con rồng nhỏ hơn — Một lịch sử chính trị của Việt Nam* (bản tiếng Anh), Niu Y-oóc, 1962, tr.45)

1. Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trên tuyến đường giao thông và giao thương quốc tế.
2. Do sở hữu vị trí địa chiến lược ở Đông Nam châu Á, nên Việt Nam đương nhiên sẽ bị các thế lực bên ngoài xâm lược.
3. Việt Nam tuy không tiếp giáp với Ấn Độ và Đông Nam Á hải đảo, nhưng từ xa xưa đã diễn ra nhiều hoạt động giao thương.
4. Việt Nam có ba mặt giáp biển, là tuyến giao thông huyết mạch, nên có địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Thắng lợi của Việt Nam trong các cuộc khởi nghĩa giành độc lập và kháng chiến chống ngoại xâm để giữ vững nền độc lập luôn gắn liền với những truyền thống quý báu của dân tộc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong bối cảnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, các truyền thống của dân tộc tiếp tục được Đảng và Nhà nước phát huy.

Từ đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 đã gây nên những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và mọi mặt của đời sống nhân dân các nước trên thế giới.

ở Việt Nam, với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân là trên hết, tháng 7-2021, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã ra *Lời kêu gọi gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài về công tác phòng, chống đại dịch Covid-19.* Cùng với lời kêu gọi của đồng chí Tổng Bí thư, Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tô quôc Việt Nam cũng ra lời kêu gọi “Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng, chống dịch Covid-19”.

1. Những bài học lịch sử từ các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam cũng có giá trị lớn trong việc đối phó với đại dịch Covid-19.
2. Đoàn kết chống ngoại xâm thời phong kiến đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam phát huy trong công cuộc xây dụng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.
3. Thời phong kiến, truyền thống yêu nước chỉ được phát huy qua vai trò của nhà vua.
4. Yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Đôi với tranh chấp Biến Đông, chủ trương nhất quán của Việt Nam là các bên tôn trọng nguyên trạng, không sử dụng hoặc đe doạ sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hoà bĩnh trên cơ sở độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tể, đặc biệt là Công ước UNCLOS, nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài đáp ứng lợi ích chỉnh đáng của các bên ”.*

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết so 09-NQ/TW ngày 9-2-2007 về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020)

1. Việt Nam ủng hộ hoà bình và tuân thủ theo các điều khoản của Công ước UNCLOS.
2. Trong việc giải quyết chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chỉ nhân nhượng các nước lớn.
3. Việt Nam không khơi mào đối đầu về quân sự, việc sử dụng bạo lực chỉ có thể diễn ra khi ở tình thế bắt buộc.
4. Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng các biện pháp hoà bình, bao gồm các tiến trình ngoại giao và pháp lí.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"Quân Mông cố dựa vào sức ngựa có thế tiến ào ạt nhanh chóng. Sự vận động thần tôc thường uy hiêp được tỉnh thần của đối phương và chiếm được thê chủ động trong chiến tranh. Nhưng chiến trường Đại Việt không phải như những thảo nguyên miền Bắc. Đất nước Việt Nam với những sông ngòi chia cắt làm cho kị binh giặc khó phát huy được sở trường của mình. Quân Trần thường chặn đảnh bọn chúng trên các khúc sông — đấy là những chiến luỹ tự nhiên - đế tiêu diệt chúng”.*

(Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế ki XIII,* NXB Khoa học xã hội, Ha Nội, 1970, tr.344 - 345)

1. Sức mạnh của quân Mông cổ là lực lượng kị binh và khi tác chiến ở vùng đồng bằng.
2. Trong ba lần xâm lược Đại Việt, quân Mông - Nguyên đều gặp bất lợi về địa hình.
3. Từ thực tiễn quân dân nhà Trần ba làn đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên, phải biết kết hợp các yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hoà trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
4. Yếu tố quyết định để quân dân nhà Trần giành thắng lợi trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII là tận dụng tốt điều kiện địa hình hiểm trở.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây: [Rạng sáng ngày 19-1-1785, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy nhử quân Xiêm vào đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút (trên sông Tiền, thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay) đế tiêu diệt]. *"Chỉ trong vỏng hai tiếng đồng hồ, toàn bộ gần 5 vạn quân Xiêm bị nghĩa quân Tây Sơn quét sạch, chi còn lại vài ngàn tên tháo thân chạy về nước. Chúng kinh sợ phao truyền cho ỉà “Sợ Tây Son như là sợ cọp ” và tôn Nguyên Huệ là “tướng nhà Trời Nguyên Ảnh cũng bị bắt tại trận, nhưng do canh giữ sơ hở nên đã bỏ trôn*

(Đỗ Bang, *Những khám phá về Hoàng đế Quang Trung,* NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.211-212)

1. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút của quân Tây Sơn là một trận đại thuỷ chiến.
2. Nguyễn Huệ đã tận dụng địa hình để xây dụng trận địa mai phục tiêu diệt quân Xiêm.
3. Sau thất bại ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút, quân Xiêm tuy đã khuất phục quân Tây Sơn, nhung vẫn câu kết với quân Thanh để xâm lược Đại Việt.
4. Sở dĩ quân Xiêm kéo vào xâm lược Đại Việt là do có sự dẫn đường của Nguyễn Ánh và sự càu viện của vua Lê Chiêu Thống.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Một bản hiệp ước chuẩn bị sẵn gồm 27 điều khoản được trao cho triều đình Huế và chi được trả lời “thuận ” hay “không thuận ” trong vòng 24 giờ đông hô. Không còn cách nào khác, ngày 25-8-1883, đại diện triều đình Huế đành kỉ nhận hiệp ước (thường gọi là Hiệp ước Hác-măng*

(Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế ki XX (1802 -1884),* NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.331)

1. Theo đoạn tư liệu, đây là cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử Việt Nam.
2. Đối tượng của cuộc kháng chiến là liên quân Pháp - Hoa, diễn ra vào cuối thế kỉ XIX.
3. Tinh thần chống Pháp của đình Huế đã làm chậm quá trinh Pháp bình định Việt Nam.
4. Thực dân Pháp đã kết thúc quá trình xâm lược Việt Nam về quân sự sau hơn 1/4 thế kỉ.

Chủ đề 4. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. LIÊN HỢP QUỐC

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới sau chiến tranh, Hội nghị I-an-ta (2-1945) có quyết định quan trọng nào sau đây?

1. Thành lập Ban Thư kí Liên hợp quốc. B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc, c. Thành lập tổ chức Hội Quốc liên. D. Duy trì và mở rộng Hội Quốc liên.

Câu 2. Từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 6-1945, 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua nội dung nào sau đây?

A. Hiệp định đình chiến ở Đông Dương. B. Ket thúc chiến tranh Triều Tiên, c. Xét xử tội phạm chiến tranh thế giới. D. Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 3. “Duy trì hoà bình và an ninh thế giới; thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc, củng cố hoà bình thế giới” là nhiệm vụ chính của tổ chức quốc tế nào sau đây?

A. Tổ chức ASEAN. B. Liên minh châu Âu.

c. Liên hợp quốc. D. Tổ chức NATO.

Câu 4. Một trong nhũng cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong *Hiến chương Liên hợp quốc* (năm 1945) là

A. Ngân hàng Thế giới. B. Quỹ Nhi đồng.

c. Hội đồng Bảo an. D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 5. Liên hợp quốc được thành lập (1945) không nhằm mục tiêu nào sau đây?

1. Họp tác quốc tế giữa các nước thành viên.
2. Duy trì nền hoà bình và an ninh trên thế giới.

c. Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

D. Duy trì Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Câu 6. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được quy định trong

*Hiển chương Liên hợp quắc* (năm 1945) là

1. tôn trọng các nghĩa vụ và luật pháp quốc tế.
2. tôn trọng quyết định của 5 nước Uỷ viên thường trực.

c. không đưa quân đội Liên họp quốc vào các khu vực.

D. tôn trọng độc lập của 50 nước sáng lập Liên họp quốc.

Câu 7. Trong quá trình hoạt động (từ năm 1945), Liên hợp quốc đã thực hiện được vai trò quan trọng nào sau đây?

1. Ngăn chặn được mọi cuộc chiến tranh ở các khu vực.
2. Góp phần vào chấm dứt nạn khủng bố trên toàn cầu.

c. Ngăn chặn không để xảy ra cuộc chiến tranh thế giới mới.

D. Góp phần chấm dứt tỉnh trạng đói nghèo ở châu Phi.

Câu 8. Bản *Hiến chương* được đánh giá là văn kiện quan trọng hàng đầu của tổ chức Liên hợp quốc vì lí do nào sau đây?

1. Là cơ sở pháp lí để các nước tham gia Liên họp quốc.
2. Nêu rõ các mục đích hoạt động của Liên họp quốc.

c. Quy định các tổ chức, cơ chế hoạt động của Liên hợp quốc.

D. Đề ra các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 9. Những quốc gia nào sau đây đóng vai trò quyểt định, đồng thời là sáng lập viên của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Liên Xô, Mỹ và Đức. B. Liên Xô, Mỹ và Anh.

c. Mỹ, Anh và Đức. D. Liên Xô, Anh và Ba Lan.

Câu 10. Trải qua hơn 70 năm hoạt động (tù’ năm 1945), Liên hợp quốc đã có nhiều vai trò, đóng góp trên các lĩnh vực, nhưng không có vai trò nào sau đây?

1. Góp phần thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá ở nhiều nơi trên thế giới.
2. Ra các văn bản, xây dựng môi trường thuận lợi thúc đẩy hợp tác quốc tế.

c. Ngăn chặn được các cuộc đối đầu Đông - Tây và xung đột trên thế giới.

D. Làm trung gian hoà giải chấm dứt xung đột và chiến tranh ở các khu vực.

Câu 11. Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào sau đây của *Hiến chương Liên hợp quốc* để giải quyết vấn đề phức tạp ở Biển Đông hiện nay?

1. Tôn trọng chủ quyền và quyền tự quyết của các nước lớn.
2. Chủ động thương lượng, nhân nhượng để bảo đảm hoà bình.

c. Không cần sự hỗ trợ của các tổ chức ở khu vực và quốc tế.

D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Câu 12. Trong bối cảnh thế giới phân chia thành “hai cực”, “hai phe” (1945 - 1991), nguyên tắc hoạt động nào sau đây đang được xem là có ý nghĩa thục tiễn đối với Liên hợp quốc?

1. Chung sống hoà bình và cần có sự nhất trí của 5 cường quốc.
2. Ra nghị quyết yêu cầu các nước dừng việc chạy đua vũ trang.

c. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các cường quốc.

D. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự’ quyết của các cường quốc.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Tháng 6-1941, tại Luân Đôn (Anh), các nước Đồng minh ra tuyên bố cam kết cùng hợp tác cả trong chiến tranh và hoà bình. Sự kiện này đã đặt cơ sở cho việc hướng tới thành lập Liên hợp quốc. Từ đó, các nước Đồng minh (vai trò lớn nhất thuộc về Liên Xô, Mỹ và Anh) đã tổ chức nhiều cuộc họp ở Tê-hê-ran (I-ran) và Mát-xcơ-va (Liên Xô) để sớm thành lập một tổ chức quốc tế, nhằm thực hiện việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

Tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), Liên Xô, Mỹ và Anh đã thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc. Ngày 24-10-1945, với sự phê chuẩn Hiến chương của các thành viên, tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

1. Quá trình hình thành Liên hợp quốc kéo dài từ năm 1941 đến năm 1945, phù hợp với khát vọng được sống trong hoà bình của nhân dân thế giới.
2. Cho đến nay, Liên hợp quốc vẫn là tổ chức liên kết quốc tế lớn nhất hành tinh, có nhiệm vụ hàng đầu là tập trung vào ổn định nền kinh tế toàn cầu.
3. Liên Xô, Mỹ và Anh là những nước có vị thế hàng đầu trong việc đặt cơ sở và tích cực trong quá trinh thành lập Liên họp quốc.
4. Việt Nam là một trong những quốc gia sớm gia nhập Liên hợp quốc, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (9-1945).

Câu 2. Đọc tư liệu sau đây:

*“Không có nội dung nào trong Hiến chương này cho phép Liên hợp quốc can thiệp vào các vẩn đề về thực chất thuộc quyển nội bộ của bất kì quốc gia nào hoặc yêu cầu các thành viên đưa những vấn để đó ra giải quyêt theo Hiên chương hiện tại... ”.*

(Trích: Điều 2, *Hiến chương Liên hợp quốc)*

1. Theo tư liệu, nguyên tắc hoạt động của Liên họp quốc được thể hiện tại Điều 2 của *Hiến chương Liên hợp quốc.*
2. *Hiến chương Liên hợp quốc* có nhiều nguyên tắc, trong đó nhấn mạnh việc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.
3. Một nguyên tắc quan trọng trong quá trình hoạt động của Liên hợp quốc là nếu có tranh chấp quốc tế thì các bên phải giải quyết bằng biện pháp hoà bình.
4. Liên họp quốc quy định các nước thành viên phải tôn trọng toàn vẹn lãnh thố và độc lập chính trị của 5 cường quốc (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc).

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đắng về nhân quyền và các quyền.*

*Mọi người đều được tạo hoả ban cho lí trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tĩnh anh em ”.*

(Trích: Điều 1, *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc)

1. *Tuyên ngôn Quốc tế Nhãn quyền* của Liên hợp quốc là tuyên ngôn về các quyền của con người nói chung, không có sự phân biệt nước lớn, nước nhỏ.
2. Theo Điều 1 của *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền,* chỉ các dân tộc trên thế giới sau khi giành được độc lập mới có quyền tự do và bình đẳng.
3. *Tuyên ngôn Quốc tể Nhân quyền* đã góp phần xây dựng một thế giới công bằng hơn, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người ở mọi quốc gia trên thế giới.
4. Trong việc bảo đảm quyền con người, Liên hợp quốc chỉ tập trung bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ở các nước đang chịu “di chứng” của chủ nghĩa thực dân.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

[Đối với việc thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới, năm 1960] *“Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa... Như thế, Tuyên ngôn đã khăng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhât của luật pháp quôc tê; khắng định rõ ràng cơ sở pháp lí quốc tế của cuộc đẩu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức ”.*

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, *Liên hợp quắc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên họp quốc,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

1. Liên hợp quốc đóng vai trò quyết định vào quá trình giải trừ chủ nghĩa thực dân.
2. Việt Nam trở thành biểu tượng thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới.
3. Mỹ và các nước phương Tây là những quốc gia dân chủ và tiên tiến, đi tiên phong trong việc ủng hộ thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới.
4. Cuộc đấu tranh xoá bỏ thuộc địa do các nước đế quốc lập ra trước Chiến tranh thế giới thứ hai ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh được gọi là quá trình phi thực dân hoá.
5. TRẬT Tự THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành bắt nguồn từ những quyết định của

1. Liên Xô và Mỹ ở Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (1945).
2. “Hội nghị tam cường” và Hội nghị Pốt-xđam (1945).

c. Liên Xô, Mỹ, Anh trong Hội nghị Tê-hê-ran (1943).

D. Hội nghị Tê-hê-ran (1943) và Hội nghị I-an-ta (1945).

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

1. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
2. Xây dựng một trật tự thế giới mới nhằm giải quyểt dứt điểm các vấn đề hậu chiến tranh.

c. Đồng ý thành lập tổ chức Hội Quốc liên để duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

D. Thoả thuận việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Phi.

Câu 3. Theo thoả thuận của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), địa bàn nào sau đây ở châu Âu sẽ thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ?

A. Béc-lin. B. Đông Đức. c. Đông Âu. D. Tây Âu.

Câu 4. Theo quyết định của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), vùng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Á sẽ là

1. phía bắc vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên.
2. phía nam vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên.

c. khu vực Tây Á, Nam Á và Đông Nam Á.

D. khu vực Trung Đông và bán đảo Triều Tiên.

Câu 5. Quyết định nào sau đây của Hội nghị I-an-ta (2-1945) tạo nên những bất lợi cho cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 - 1946?

1. Quân Anh cùng với quân Pháp làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.
2. Quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc vào kiểm soát Đông Dương.

c. Liên Xô có phạm vi ảnh hưởng và kiểm soát ở các nước Đông Dương.

D. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây là tác động của Hội nghị I-an-ta và Hội nghị Pốt-xđam (1945) đối với tình hình quốc tế?

1. Tạo nên một trật tự thế giới mới giữa các nước thắng trận và bại trận.
2. Giải quyết được mâu thuẫn về vấn đề thị trường cho các cường quốc.

c. Tạo nên khuôn khổ của trật tự thế giới - trật tự nhất siêu, nhiều cực.

D. Làm thay đổi sâu sắc quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ Xô - Mỹ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

1. Một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở nước thắng trận thống trị nước bại trận.
2. Xác lập trật tự thế giới mới của các nước tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu, chi phối, c. Hình thành trật tự thế giới hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ đứng đầu mỗi bên.

D. Trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận đoàn kết, đồng thuận. Câu 8. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng sự thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và Anh

ở Hội nghị Pốt-xđam (1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, vì

1. các nước tham chiến được hưởng nhiều quyền lợi sau chiến tranh.
2. khép ỉại trật tự thế giới cũ và xác lập trật tự thế giới “hai cực” đối lập.

c. mở đầu quá trình giải thể chủ nghĩa thực dân mới ở các thuộc địa.

D. đã phân chia xong phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là nhân tố hàng đầu chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong phàn lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX?

1. Cục diện trật tự hai cực, hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
2. Hai hệ thống xã hội đối lập ra đời: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

c. Xu hướng liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

D. Các cuộc “chiến tranh nóng” ở châu Á liên tiếp diễn ra không có hồi kết.

Câu 10. Quan hệ Mỹ - Liên Xô trong vả sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển biến từ

A. đối đầu sang đối thoại. B. đối đầu sang thoả hiệp.

c. đồng minh sang đối đầu. D. đồng minh sang đối tác.

Câu 11. Nội dung nào sau đây không phải là tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta? A. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. B. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố.

c. Chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên. D. Bức tường Béc-lin chia đôi nước Đức.

Câu 12. Cuộc chiến tranh nào sau đây đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai cực, hai phe - tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa?

1. Cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên (1950 - 1953).
2. Nội chiến Quốc - Cộng ở Trung Quốc (1946 - 1949).
3. Chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954).
4. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (1954 - 1975).

Câu 13. Kế hoạch Mác-san (1947) của Mỹ và Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập (1949) là một trong những biểu hiện về sự đối đầu của hai cực thế giới I-an-ta trên lĩnh vực

A. quân sự. B. văn hoá. C. pháp lí. D. kinh tế.

Câu 14. Trong giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta có biểu hiện nào sau đây?

1. Từ đối kháng chuyển sang đối đầu giữa hai hệ thống xã hội đối lập.
2. Xác lập và phát triển nhanh với sự đối đầu diễn ra trên nhiều lĩnh vực.

c. Phát triển mạnh và dẫn tới các cuộc chiến tranh cục bộ giữa Liên Xô - Mỹ.

D. Từ đối đầu căng thẳng chuyển sang hoà dịu và hoà hoãn Đông - Tây.

Câu 15. Quan hệ giữa hai nước Liên Xô và Mỹ chuyển sang căng thẳng sau sự kiện nào sau đây?

1. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (12-3-1947).
2. Những quyết định của Hội nghị Pốt-xđam (1945).

c. Các điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).

D. Các điều khoản trong Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (1973).

Câu 16. Từ đàu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ Mỹ - Liên Xô chuyển dần sang hoà dịu, sau đó kết thúc Chiến tranh lạnh (1989) là do

1. chịu nhiều tốn kém và bị suy giảm thế mạnh về nhiều mặt.
2. xu thế liên kết khu vực và toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.
3. quá trình mở rộng không ngừng của Liên minh châu Âu (EU).
4. trật tự nhất siêu, nhiều cường đang trong quá trình mở rộng.

Câu 17. Trong thời gian tồn tại của trật tự thế giới hai cực, hai phe, sự kiện nào sau đây của Việt Nam không chịu sự tác động của xu thế hoà hoãn Đông - Tây?

1. Đàm phán và kí kết Hiệp định Pa-ri (1973).
2. Giải quyết vấn đề Cam-pu-chia (1989 - 1991).

c. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

D. Công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986).

Câu 18. Nội dung nào sau đây là yếu tố quyết định dẫn đến Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ?

1. Tác động cùa cuộc Cách mạng công nghiệp lần thử ba.
2. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước và tổ chức quốc tế.

c. Liên Xô và Mỹ bị suy giảm vị thế do phải chạy đua vũ trang.

D. Chủ nghĩa xã hội ờ Liên Xô lâm vào khủng hoảng và tan rã.

Câu 19. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đố (1991) có tác động nào sau đây đến quốc tế?

1. Mở rộng quan hệ quốc tế, thúc đay xu thế toàn cầu hoá.
2. Mỹ chuyển sang ủng hộ xu thế đa cực, nhiều trung tâm.

c. Đưa tới sụ ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Trung Quốc đã vươn lên trở thành nền kinh tế số 1 thế giới.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta (1991) đến các quốc gia trên thế giới?

1. Mỹ vươn lên thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mỹ làm bá chủ.
2. Một số cường quốc có vị trí ngày càng cao trong quan hệ quốc tế.

c. Các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa xung đột gay gắt.

D. Các quốc gia chạy đua vũ trang để có vị trí trong trật tự thế giới mới.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trước kia, chế độ quân chủ tại Hy Lạp đã nhờ vào sự giúp đỡ của Anh, nhưng sau Chiến tranh thế giới thủ hai, kinh tế của nước Anh hoàn toàn suy kiệt, lo cho mình cỏn không xong, nên không thể giúp đỡ gì cho chế độ quân chủ ở Hy Lạp nữa.*

*Vào ngày 12-3-1947, Tống thống Tơ-ru-man đã đọc một bài diễn văn tại lưỡng viện Quốc hội Mỹ, cho rằng Hy Lạp và Thố Nhĩ Kỳ nếu bị rơi vào khối xã hội chủ nghĩa, thì cả Trung Đông cũng sẽ rơi theo... sẽ làm cho cả Tây Âu bị ảnh hưởng. Do vậy, ông thuyết phục Quốc hội Mỹ chi viện kinh tế và. quân sự cho Hy Lạp và Thố Nhĩ Kỳ với số tiền 400 triệu đô la. Lí luận này về sau được gọi là “Học thuyết Tơ-ru-man ” ”.*

*(Vương Kính Chi, Lược sử nước Mỹ* (Phong Đảo dịch), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.145)

1. Chiến tranh lạnh là cuộc đối đầu gay gắt giữa Mỹ và Liên Xô, chỉ diễn ra ở châu Âu.
2. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man đọc trước Quốc hội Mỹ ngày 12-3-1947 đã khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.
3. Nguồn gốc của sự đối đầu căng thẳng giữa Mỹ và Liên Xô xuất phát từ “vấn đề Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ” sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
4. Học thuyết Tơ-ru-man phản ánh chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thé giới thứ hai, muốn đưa nước Mỹ trở thành bá chủ thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, trên thế giới diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ thương lượng của nguyên thủ quốc gia các nước và khu vực: Mỹ và Liên Xô, Mỹ với Trung Quốc, hai miền nước Đức, Đông Âu và Tây Âu,... Tháng 12-1989, trong một cuộc họp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), đại diện hai nhà lãnh đạo cấp cao của Liên Xô (Goóc-ba-chốp) và Mỹ (Bu-Sơ) đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sau Chiến tranh lạnh, Liên Xô, Mỹ và các nước đã thoả thuận giải quyết cuộc xung đột ở nhiều nơi trên thế giới bằng giải pháp hoà bình: ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Tây Nam Phi,... Nhiều tổ chức liên minh khu vực và châu lục được mở rộng, hoặc thay đổi tên gọi mới, kết nạp thêm thành viên và kết nối liên lục địa (ASEAN, EU, ASEM, APEC,...).

1. Mặc dù Chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn, nhưng từ đầu nhũng năm 70 của thế kỉ XX, xu thế hoà hoãn Đông - Tây đã diễn ra.
2. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây chỉ được diễn ra, bàn luận và quyết định bởi các cuộc gặp gỡ thương lượng giữa nguyên thủ quốc gia của hai nước Liên Xô và Mỹ.
3. Trong xu thế hoà hoãn Đông - Tây, Việt Nam luôn ủng hộ và đã thành công trong việc kí Hiệp định Pa-ri (1973) và giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” (1991).
4. Chiến tranh lạnh chấm dứt, sau đó là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết quan hệ quốc tế bằng giải pháp hoà bình.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Fào *thập niên 1980, mối quan hệ nồng ấm giữa Tống thống Mỹ Ri-gân và nhà lãnh đạo Liên Xô Goóc-ba chắp đã giúp giảm dần tình trạng căng thắng của Chiến tranh lạnh. Năm 1987, hai nhà lãnh đạo đã đong ý huỷ bỏ tên lửa hạt nhân tầm trung. Năm 1989, Goóc-ba chôp cho phép các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Au bâu ra chính phủ dân chủ, và đến năm 1991, Liên Xô tan rã thành 15 nước cộng hoà độc lập. Ngày 12-3-1999, Hung-ga-ri, Ba Lan và Cộng hoà Séc gia nhập khối NATO”.*

(King Fisher, *Bách khoan thư lịch sử* (Nguyễn Đức Tĩnh và Ngô Minh Châu dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, 2016, tr.437)

1. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị xói mòn và sụp đổ trong thập niên 1980.
2. Chiến tranh lạnh kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố Mỹ và Liên Xô vẫn là quyết định.
3. Cuộc Chiến tranh lạnh đã kết thúc và Trật tự thế giói hai cực I-an-ta đã sụp đổ, nhưng nhiều di chứng của nó vẫn còn và vẫn đang tiếp diễn ở nhiều nơi trên thể giới.
4. Việc Liên Xô tan rã (1991) đã chính thức chấm dứt cục diện hai cực, hai phe.

c. TRẬT Tự THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), thế giới phát triển theo một trong những xu thế nào sau đây?

A. Đa cực, nhiều trung tâm. B. Lấy chính trị làm nền tảng.

1. Thoả hiệp đe on định toàn cầu. D. Hạn chế phổ biến vũ khí hạt nhân.

Câu 2. Nội dung nào sau đây không phải xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

A. Quốc tế hoá - toàn cầu hoá. B. Đối thoại, hợp tác cùng phát triển.

1. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. D. Đa quốc gia, đa bản sắc văn hoá.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh được nhân dân các nước hi vọng, mong muốn trở thành hiện thực?

A. Đa cực, đa phe trong đối ngoại quốc tế. B. Liên kết và hội nhập giữa các nước lớn.

c. Hoà bình, ổn định để cùng phát triển. D. Phát triển kinh té, quân sự là trung tâm.

Câu 4. Từ sau Chiến tranh lạnh, các nước trên thế giới có sự điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thoả hiệp và tránh xung đột trực tiếp, chủ yểu vì lí do nào sau đây?

1. Hợp tác địa - chính trị trở thành nội dung căn bản giữa các nước.
2. Từng bước giảm bớt số lượng vũ khí hạt nhân của các cường quốc.

c. Muốn có môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.

1. Cần tập trung vào cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò quyêt định đế các cường quốc tham gia xác lập trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh?

1. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia, trong đó kinh tế vẫn là trụ cột.
2. Là 1 trong 5 cường quốc của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

c. Sự ra đời và ngày càng mở rộng của các tố chức liên kết khu vực.

1. Sức mạnh quân sự của quốc gia với lực lượng quân sự hùng hậu.

Câu 6. Sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia nào sau đây là một trong những trung tâm quyền lực đang vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự và chính trị đối vói quốc tế?

A. Nhật Bản và Nam Phi. B. Trung Quốc và Ân Độ.

c. Mỹ, Anh và Tây Ban Nha. D. Liên bang Nga và Mông cổ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tể sau Chiến tranh lạnh?

1. Mỹ vẫn là cường quốc số 1 thế giới, nhưng đã suy giảm so với trước.
2. Bên cạnh Mỹ, nhiều trung tâm quyền lực cũng xuất hiện và phát triển.

c. Các công ty xuyên quốc gia của Mỹ vươn ra chi phối nền kinh tế toàn cầu.

D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò lớn.

Cân 8. Trong bối cảnh quốc tế đang diễn ra theo nhiều xu thế mới với những diễn biến phức tạp, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là

1. tham gia liên minh chính trị với Mỹ và các nước phương Tây.
2. chủ động kết nối các cường quốc đế nâng tầm đối tác chiến lược.

c. hội nhập quốc tế để thu hút vốn đầu tư bên ngoài bằng mọi giá.

D. chủ động nắm bắt thời cơ, đi tắt đón đầu để vượt qua thách thức.

Câu 9. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô (1989 - 1991) đã tạo cho Mỹ lợi thế nào sau đây?

1. Chi phối được các nước tư bản đồng minh đi theo Mỹ.
2. Tận dụng cơ hội để thiểt lập trật tự thế giới đơn cực.

c. Đẩy mạnh việc triển khai chiến lược đa phương hoá.

D. Thực hiện thành công mục tiêu chiến lược toàn cầu.

Câu 10. Một trật tự thế giới mà ở đó các nước lớn, các trung tâm kinh tế - tài chính lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ân Độ, Liên bang Nga,... có vị thế quan trọng đối với quan hệ quốc tế được gọi là trật tự

A. đa cực, nhiều trung tâm. B. đơn cực, nhất siêu.

c. đa phương hoá. D. tam cường, đa phương.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trật tự thế giới mới này được hĩnh thành như thê nào, còn tuỳ thuộc ở nhiêu nhân tô: Sự phát triển về thực lực kỉnh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tống hợp,...; Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đối mới ở các nước xã hội chủ nghĩa,...); Sự phát triên của cách mạng khoa học ~ kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “độtphá ” và biên chuyên trên cục diện thê giới ”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thể giới hiện đại,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

1. Đoạn ta liệu là minh chứng cho xu thế đa cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế trong thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh lạnh.
2. Trong quan hệ quốc tể, khái niệm đa cực chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với ba trung tâm quyền lực chi phối là Mỹ, Liên bang Nga và Trung Quốc.
3. Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.
4. Để có thể trở thành một cực trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, các nước phải có chiến lược xây dựng sức mạnh tổng họp, trong đó sức mạnh kinh tế là trụ cột.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn đén nền kinh tế thế giới: Mỹ vẫn duy trì vị trí cường quốc số 1 thế giới; từ năm 2010, Trung Quốc đã vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản để trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới. Tuy nhiên, các nước lớn và trung tâm kinh tế, tài chính khác (Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Liên bang Nga, Ấn Độ,...) cũng đang nỗ lực vươn lên mạnh mẽ; quốc gia nào cũng muốn khẳng định vị thể, vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

1. Trong trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc là nhũng nước đang có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới.
2. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ là nguyên nhân trực tiếp, tạo cơ hội cho Trung Quốc vươn lên ttở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
3. Phát huy thành công sức mạnh nội lực là yếu tố quyết định để các nước khẳng định vị thế trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm.
4. Trong xu thế đa cực và xu thế toàn càu hoá, các quốc gia có nhiều thời cơ lớn, nhung cũng có không ít thách thức và rào cản.

Chủ để 5. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH sử

1. Sự RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam A (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

1. Các nước trong khu vực đã hoàn thành công nghiệp hoá đất nước.
2. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế.

c. Các nước có độc lập dân tộc nhưng gặp khó khăn trong phát triển.

D. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

1. Xu thế khu vực hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.
2. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế. c. Xu thế toàn cầu hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

D. Liên Xô và các nước đã tuyên bố chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

1. Các nước trong khu vực đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
2. Cuộc chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam đang bước vào giai đoạn cuối.

c. Các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng. D. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây đang xuất hiện và trở thành xu the chủ đạo.

Câu 4. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được ra đời trong bối cảnh

1. các quốc gia trong khu vực có chung một ngôn ngữ.
2. cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên đang diễn ra.

c. cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã kết thúc.

D. các tổ chức liên kểt khu vực đã ra đời, hoạt động hiệu quả.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phải là bối cảnh thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

1. Các nước trong khu vực có chung một tôn giáo và tín ngưỡng cộng đồng.
2. Cuộc Chiến tranh lạnh đã tác động sâu sắc đến nhiều nước trong khu vực.

c. Các nước đã có độc lập dân tộc, đặt ra yêu cầu họp tác để cùng phát triển. D. Các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng.

Câu 6. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời (1967) không gắn với

1. cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã và đang diễn ra.
2. sự kiện nhiều nước trong khu *vục* đã giành được độc lập dân tộc. c. cuộc Chiến tranh lạnh đang diễn ra, tác động đến nhiều nước.

D. mục tiêu liên kết khu vực để cùng chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 7. Trước khi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập, trên thế giới đã xuất hiện tổ chức liên minh mang tính khu vực nào sau đây hoạt động hiệu quả? A. Cộng đồng châu Âu. B. Hiệp hội các nước Nam Á.

c. Liên minh hợp tác Đông Á. D. Liên minh châu Âu.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập phản ánh xu thế nào sau đây?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm. B. Liên minh họp tác khu vực.

c. Toàn cầu hoá, quốc tế hoá. D. Trật tự đa cực nhiều trung tâm.

Câu *9.* Quốc gia nào sau đây đã gửi dự thảo đến một số nước trong khu vực để thành ỉập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Phi-líp-pin. B. Thái Lan. c. Ma-lai-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 10. Quốc gia nào sau đây là một trong những thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Hàn Quốc. B. Mông cổ. c. Ấn Độ. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Một trong những thành viên sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

A. Mi-an-ma. B. Lào. c. Thái Lan. D. Cam-pu-chia.

Câu 12. Nhận định nào sau đây không đúng về thành viên sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

1. Gồm 5 nước: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và Xin-ga-po.
2. Gồm các nước Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.

c. Tham gia sáng lập tổ chức chỉ có các nước Đông Nam Á lục địa.

D. Tuy khác biệt về ngôn ngữ nhưng các nước có nhu cầu hợp tác.

Câu 13. Quốc gia nào sau đây không phải là một trong những thành viên sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a. c. Xin-ga-po. D. Mi-an-ma.

Câu 14. Năm 1995, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Mi-an-ma. B. Lào. c. Cam-pu-chia. D. Việt Nam.

Câu 15. Năm 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ở

A. Hà Nội (Việt Nam). B. Băng Cốc (Thái Lan).

c. Phnôm Pênh (Cam-pu-chia). D. Viêng Chăn (Lào).

Câu 16. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam A (ASEAN) được thành lập với mục đích nào sau đây?

1. Thúc đẩy quan hệ họp tác giữa các thành viên để tạo ra một đối trọng với Trung Quốc.
2. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện, trọng tâm là công nghệ để thích ứng xu thế toàn cầu hoá.

c. Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội để phát triển và hội nhập khu vực, thế giới.

D. Đấy mạnh quan hệ hợp tác song phương về quốc phòng để tiến tới nhất thể hoá khu vực.

Câu 17. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập với mục đích nào sau đây?

1. Tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực với Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc.
2. Giải quyết sự bất đồng, tranh chấp giữa các nước liên quan đến vấn đề Biển Đông, c. Hợp tác cùng nhau phát triển dựa trên một nền tảng kinh té và chính trị thống nhất.

D. Phấn đấu đưa Đông Nam Á trở thành một khu vực hoà bình, tự’ do và thịnh vượng. Câu 18. Năm 1984, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 6 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Lào. B. Bru-nây. c. Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma.

Câu 19. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam A (ASEAN) vào thời gian nào sau đây?

A. Năm 1995. A. Năm 1996. c. Năm 1997. D. Năm 1998.

Câu 20. Năm 1997, hai quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 8 và thứ 9 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Bru-nây và Việt Nam. B. Thái Lan và Mi-an-ma.

c. Cam-pu-chia và Lào. D. Lào và Mi-an-ma.

Câu 21. Ba nước Đông Dưcmg và Mi-an-ma gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong bối cảnh nào sau đây?

1. Chủ nghĩa xã hội trỏ' thành hệ thống thế giới.
2. Bán đảo Triều Tiên được thống nhất trở lại.

c. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây đang diễn ra.

Câu 22. Năm 1999, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 10 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Bru-nây. B. Mi-an-ma. c. Cam-pu-chia. D. Lào.

Câu 23. Ngay sau khi thành lập, trong giai đoạn 1967 — 1976 Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã

1. bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
2. quyết định thành lập Cộng đồng ASEAN.

c. phát triển mạnh về số thành viên, tù’ 5 nước lên 10 nước.

D. tham gia giải quyết việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.

Câu 24. Nội dưng nào sau đây là một trong nhũng hoạt động nối bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1967 - 1976?

1. Phản đối Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, ủng hộ xu thế đa cực.
2. Tập trung vào hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

c. Tích cực ủng hộ việc đấu tranh chống Mỹ xâm lược Việt Nam.

D. Tham gia vào giải quyết căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976 - 1999?

1. Phát hiển số' lượng thành viên, từ 5 nước lên 10 nước.
2. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.

c. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

D. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

Câu 26. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu về chính trị-an ninh của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976 - 1999?

1. Tham gia vào giải quyết việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.
2. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

c. Các nước tập trung họp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh. D. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1999 - 2015?

1. Họp bàn và đã thông qua bản Hiến chương ASEAN.
2. Hoàn thiện cơ cẩu tổ chức và nguyên tắc hoạt động.

c. Tham gia giải quyết vấn đề hoà bình ở In-đô-nê-xi-a.

D. Hoàn thành việc kết nạp Đông Ti-mo vào ASEAN.

Câu 28. Trong giai đoạn 1967 - 1976, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) coi trọng vấn đề chính trị - an ninh vì một trong những lí do nào sau đây?

1. Mỹ bắt đầu có những hành động can thiệp, dính líu vào Đông Dương.
2. Cuộc Chiến tranh lạnh đã và đang tác động sâu sắc đến nhiều nước.

c. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện và có những bước phát triển mạnh mẽ.

D. Việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia trở thành tâm điểm của khu vực.

Câu 29. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1967 - 1976 là

A. Hiến chương ASEAN được thông qua. B. Cam-pu-chia gia nhập ASEAN, c. Hiệp ước Ba-li được kí kết. D. Thành lập Cộng đồng ASEAN.

Câu 30. Trong giai đoạn 2009 - 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai nhằm

1. chuẩn bị cho việc tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.
2. chuẩn bị cho việc kí kết Hiến chương ASEAN.

c. chuẩn bị cho sự thành lập của Cộng đồng ASEAN.

D. chuẩn bị cho Cộng đồng ASEAN chính thức hoạt động.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trong quá trĩnh tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Ả đã xuất hiện những tố chức khu vực và kí kết các hiệp ước giữa các nước trong khu vực. Tháng 1-1959, Hiệp ước hữu nghị và kỉnh tế Đông Nam Ả (SAFET) bao gồm Ma-laỉ-xi-a và Phi-lip-pin ra đời. Tháng 7-1961, Hội Đông Nam A (ASA) gồm Ma-lai-xi-a, Phỉ-lip-pỉn và Thái Lan được thành lập. Tháng 8-1963, một tổ chức gồm Ma-lai-xỉ-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a (MAPHILINDO) được thành lập. Tuy nhiên, những tổ chức trên đây không tồn tại được lâu do sự bất đồng giữa các nước về vấn để lãnh thô và chủ quyên ”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

1. Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a là nhũng quốc gia sớm có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á.
2. Yếu tố quyết định để thành lập và mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và lãnh thổ của nhau.
3. Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không tồn tại lâu là do không thống nhất được giá cả và thị trường tiêu thụ hàng hoá.
4. Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, yêu cầu hợp tác để cùng phát triển giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á là yêu cầu tất yếu.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Thúc đấy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triên văn hoả trong khu vực thông qua những nỗ lực hợp tác chung trên tinh thần bình đắng và họp tác nhăm tăng cường cơ sở cho một cộng đổng các nước Đông Nam A hoà bình và thịnh vượng.*

*Thúc đay hoà bình on định khu vực bang việc tôn trọng pháp lí và nguyên tăc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong khu vực và tuân thủ các nguyên tăc của Hiên chương Liên hợp quốc.*

*Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vẩn đề cùng quan tâm trên các lĩnh vực kỉnh tế, xã hội, văn hoá, khoa học — kĩ thuật và hành chỉnh ”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời năm 1967 là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế của khu vực, nằm trong Cộng đồng ASEAN.
2. Nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có những điểm tương đồng với nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
3. Một trong những mục đích thành lập của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là duy trì hoà bình ổn định của khu vực.
4. Ngay từ khi ra đời, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã hướng đến xây dựng một cộng đồng vì hoà bình và thịnh vượng.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Ba-li) được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thông qua tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a, tháng 2-1976), đã đặt khuôn khổ cho một nền hoà bình lâu dài ở khu vực, dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau; không can thiệp vào nội bộ của nhau; giải quyết các tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp hoà bình; kêu gọi các nước hợp tác có hiệu quả trên các lĩnh vực nông - công nghiệp, thương mại,... vì lợi ích chung của các nước trong khu vực.

1. Hiệp ước Ba-li (1976) đã xác định được nhũng nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á.
2. Hiệp ước Ba-li đã mở ra một bước phát triển mới của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
3. Nội dung cơ bản của Hiệp ước Ba-li được xây dựng trên nguyên tắc hoạt động của Liên họp quốc, trong đó coi trọng vấn đề an ninh - chính trị của khu vực Đông Nam Á.
4. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam A (ASEAN) thông qua Hiệp ước Ba-li (1976) với mục tiêu hàng đầu là kết nối và kết nạp các nước trong khu vực vào tổ chức ASEAN.
5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TƠ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THựC

Phẩn 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi

1. các nước ASEAN kí kết Hiệp ước Ba-li (1976).
2. thành lập tổ chức ASEAN (1967) tại Thái Lan.

c. tổ chức ASEAN có đủ 10 nước thành viên (1999).

D. “vấn đề Cam-pu-chia” được giải quyết (1991).

Câu 2. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN lần đầu tiên được đề ra trong

1. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971). B. Hiến chương ASEAN (2007).

c. Tuyên bố Băng Cốc (1967). D. Hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 3. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên ASEAN đã đề ra ý tưởng nào sau đây?

1. Xây dựng một cộng đồng các nước Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
2. Tổ chức Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do trong vòng 10 năm.

c. Thành lập tổ chức liên minh chính trị - quân sự của các nước trong khu vực.

D. Thúc đẩy quan hệ kinh tế, văn hoá giữa ASEAN và Cộng đồng châu Âu (EC). Câu 4. ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị nào sau đây?

1. Hội nghị cấp cao ASEAN làn thứ 13 tại Xin-ga-po (2007).
2. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất tại In-đô-nê-xi-a (1976).

c. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức ở Ma-lai-xi-a (1997).

D. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội (2010).

Câu 5. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997) có nội dung cơ bản nào sau đây?

1. Các nước đồng thuận đề xuất ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN.
2. Quyết định tổ chức Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do.

c. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Ba-li). D. Các nước chính thức khẳng định ý tưởng lập ra Cộng đồng ASEAN.

Câu 6. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997) đã thông qua văn kiện quan trọng nào sau đây?

A. Tuyên bố Băng Cốc. B. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ.

1. Hiên chương ASEAN. D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 7. *“Toàn bộ Đông Nam Á sẽ ỉà một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các moi liên hệ lịch sử của mình, hiêu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản săc chung của khu vực”* là một trong những nội dung quan trọng của văn kiện nào sau đây?

1. Tầm nhìn ASEAN 2020. B. Hiệp ước Ba-li.

c. Tuyên bố về sự hoà hợp ASEAN. D. Tuyên bố Băng Cốc.

Câu 8. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua tại hội nghị nào sau đây?

1. Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao của các nước ASEAN (1995).
2. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ nhất tại In-đô-nê-xi-a (1976).

c. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức ở Ma-lai-xi-a (1997).

1. Hội nghị thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1967).

Câu 9. Xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN là một trong những nội dung quan trọng của văn kiện nào sau đây?

1. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971). B. Tuyên bố Băng Cốc (1967).

c. Hiến chương ASEAN (2007). D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là mục tiêu của các nước Đông Nam Á khi đề ra và xây dựng Cộng đồng ASEAN?

1. Tiến tới thành lập một nghị viện chung cho các nước trong khu vực.
2. Thúc đấy thành lập một liên minh về chính trị, quân sự và ngoại giao.

c. Xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng. D. Hạn chế triệt để ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực.

Câu 11. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 đề xuất ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN có một trong những đặc điểm nào sau đây?

1. Xây dựng một cộng đồng hợp tác toàn diện, tiến tới sử đụng đồng tiền chung của ASEAN.
2. Có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung.

c. Giữ gìn hoà bình và ổn định khu vực, từng bước tiến tới thiết lập một cơ quan nghị viện chung.

D. Nâng cao vị thế của ASEAN, bỏ kiếm soát việc đi lại của công dân qua biên giới của nhau.

Câu 12. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN không có đặc điểm nào sau đây?

1. Tăng cường họp tác giữa các nước trong tổ chức và bên ngoài, trọng tâm là hợp tác

với EU. ,

1. Có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung.

c. Xây dựng lực lượng quân đội khu vực để bảo vệ hoà bình chung cho việc phát triển lâu bền.

D. Tăng cường ảnh hưởng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ở khu vực và liên khu vực.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?

1. Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với tất cả các tổ chức liên kết kinh tế thể giới.
2. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với chính sách đối ngoại và an ninh chung, c. Tạo ra một cộng đồng ASEAN cạnh tranh hiệu quả với các tổ chức họp tác khu vực. D. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?

1. Thúc đẩy ASEAN mở rộng hợp tác với bên ngoài.
2. Tạo điều kiện để ASEAN tập trung họp tác nội khối.

c. Đưa tốc độ tăng trưởng của ASEAN cao nhất thế giới.

D. Đưa ASEAN trở thành một tổ chức nhất thể hoá khu vực.

Câu 15. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được đề ra trong văn bản nào sau đây?

1. Tầm nhìn ASEAN 2020.
2. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971).

c. Tuyên bố Băng Cốc (1967).

D. Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 - 2015).

Câu 16. Năm 2015, Cộng đồng ASEAN đạt được thành quả cơ bản nào sau đây?

1. Ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN được các thành viên thông qua.
2. Cộng đồng ASEAN có nhiều hoạt động để kết nối hai lục địa Á - Âu.

c. Hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng.

D. Các kế hoạch xây dựng cộng đồng bắt đầu được triển khai ở Ma-lai-xi-a.

Câu 17. Năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí kết Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, đánh dấu sự ra đời của tổ chức nào sau đây?

A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. B. Cộng đồng ASEAN.

c. Liên minh vì sự tiến bộ Đông Nam Á. D. Tổ chức phòng thủ Đông Nam Á.

Câu 18. Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên một trong những trụ cột nào sau đây?

1. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.
2. Cộng đồng Quân sự - An ninh ASEAN.

c. Cộng đồng Khoa học kĩ thuật - Giáo dục ASEAN.

D. Cộng đồng Quốc phòng - An ninh ASEAN.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN? A. Cộng đồng Công nghệ ASEAN. B. Cộng đồng Quốc phòng ASEAN,

c. Cộng đồng An ninh ASEAN. D. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Câu 20. Cộng đồng nào sau đây có nội dung tạo dựng bản sắc ASEAN và thu hẹp khoảng cách phát triển?

1. Cộng đồng Khoa học - Công nghệ ASEAN.
2. Cộng đồng Văn hoá - Thể thao ASEAN.
3. Cộng đồng Thương mại - Tài chính ASEAN.
4. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.

Câu 21. Nội dung nào sau đây không phải là trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

1. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.
2. Cộng đồng Văn hoá - Thể thao ASEAN.
3. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.
4. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.

Câu 22. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN hoạt động dựa trên cơ sở nào sau đây?

1. Đồng thuận xây dựng một khối phòng thủ chung.
2. Hạn chế sử dụng vũ lực trong cộng đồng.

c. Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

D. Thực thi các quyết định dựa trên đa số tán thành.

Câu 23. *“Xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam A”* là một toong những mục tiêu của

1. Cộng đồng Kinh tế - Tài chính ASEAN.
2. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.

c. Cộng đồng Văn hoá - Thể thao ASEAN.

D. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Câu 24. *“Xây dựng ASEAN thành một thị trường và một hệ thống sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyến tự do của hàng hoá, dịch vụ, đâu tư, vôn và lao động có tay nghề"* là một toong những mục tiêu của

1. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.
2. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.

c. Cộng đồng Văn hoá - Thể thao ASEAN.

D. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Câu 25. Hoạt động của Cộng đồng Kinh tế ASEAN có tác động nào sau đây đến thị trường các nước?

1. Thúc đẩy sự độc quyền về hàng hoá các nước.
2. Thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế.

c. Hạn chế sự phát triển của thương mại điện tử.

D. Vấn đề sở hữu trí tuệ không được đảm bảo.

Câu 26. *“Xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội, nhằm xây dựng tĩnh đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dãn tộc ASEAN bang cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mơ"* là một trong những mục tiêu của

1. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.
2. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.
3. Cộng đồng Hợp tác - Chia sẻ ASEAN.
4. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Câu 27. Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là A. Tạo dựng bản sắc của các nước. B. Nới rộng khoảng cách phát triển.

1. Xây dựng thị trường thống nhất. D. Phát triển con người.

Câu 28. về hoạt động, Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN không có nội dung nào sau đây?

A. Thúc đẩy hoà bình, hợp tác khu vực. B. Phúc lợi và bảo hiểm xã hội. c. Bảo đảm môi trường bền vững. D. Bảo đảm các quyền công bằng xã hội.

Câu 29. Ý tưởng về việc thành lập trụ cột Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là sáng kiến của quốc gia nào sau đây?

A. Ma-lai-xi-a. B. Việt Nam.

c. In-đô-nê-xi-a. D. Thái Lan.

Câu 30. Sau khi thành lập, Cộng đồng ASEAN sẽ gặp phải một trong những thách thức nào sau đây trong quá trình hoạt động?

1. Có khoảng cách địa lí giữa hai nhóm nước lục địa và hải đảo.
2. Nhiều nước vẫn chưa tham gia các diễn đàn lớn trên thế giới.

c. Chưa có chiến lược mở rộng quan hệ hợp tác ngoài khu vực.

1. Sự đa dạng ché độ chính trị và đường lối chiến lược ở mỗi nước.

Câu 31. Nội dung nào sau đây không phải là một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN?

1. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước.
2. Tình hình Biển Đông đang trở nên phức tạp hơn.
3. Có sự đa dạng về chế độ chính trị giữa các nước.
4. Chưa có vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là một trong những triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

1. Có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các nước châu Á.
2. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.

c. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới. D. Có vai trò định hướng và quyết định tại tất cả các diễn đàn quốc tế.

Câu 33. Nội dung nào sau đây không phải triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

1. Có quan hệ rộng mở với các đối tác ngoài khu vực Đông Nam Á.
2. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.
3. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới.
4. Thể chế, chính sách và cơ chế hợp tác từng bước hoàn thiện hơn.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc tư liệu sau đây:

*“Toàn bộ Đông Nam Ả sẽ là một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiếu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bang một bản sắc chung của khu vực*

(Nguồn: *Cổng Thông tin ASEAN - Việt Nam)*

1. Đoạn tư liệu là một phần nội dung được đề cập trong văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.
2. Việc thành lập Cộng đồng ASEAN đã tăng cường sự hợp tác giữa các nước ASEAN, đưa tổ chức này phát triển lên một nấc thang mới.
3. Cộng đồng ASEAN ra đời không có mối liên hệ với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
4. Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN là một trong những biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá.

Câu 2. Đọc tư liệu sau đây:

*“Cộng đổng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là họp tác chỉnh trị và an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá - xã hội được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích đảm bảo hoà bình, on định lâu đài và cùng thịnh vượng trong khu vực*

(Trích: *Thoả ước Ba-lỉ II (2003),* Nguồn: Bộ Ngoại giao)

1. Theo nội dung tư liệu, Cộng đồng ASEAN ra đời và hoạt động dựa trên ba trụ cột nhằm tăng cường sự hop tác, gắn kết giữa các nước trong khu vực.
2. Trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, trụ cột về văn hoá - xã hội được các thảnh viên xác định là quan trọng nhất.
3. Một trong những mục tiêu thành lập Cộng đồng ASEAN là hướng tới duy trì hoà bình ổn định của khu vực Đông Nam Á.
4. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN được thành lập phản ánh quy luật tất yếu của sự hợp tác giữa các nước trong xu thế hoà hoãn Đông - Tây.

Câu 3. Đọc tư liệu sau đây:

*“Xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị và chuẩn mực chung; Tạo dựng một khu vực gắn kết, hoà bình vả tự cường với trách nhiệm chung đối với an ninh toàn diện; Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tuỳ thuộc*

(Nguồn: *Cổng Thông tin Việt Nam - ASEAN)*

1. Nội dung tư liệu ghi nhận một trong những hoạt động của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.
2. Ke hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN cho thấy sự phù hợp với bối cảnh toàn cầu hoá.
3. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN giữ vai trò quyết định trong việc duy trì hoà bình, ổn định lâu dài của khu vực Đông Nam Á.
4. Sự ra đời của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là sáng kiến của ba nước Đông Dương.

Chủ đề 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945,
CHIÊN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ
CHIẾN TRANH BẢO VỆ Tổ QUỐC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM
(TừCách mạng tháng Tám nám 1945 đến nay)

1. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NÃM 1945

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam nổ ra trong bối cảnh quốc tế nào sau đây?

1. Phe Đồng minh vừa được thành lập và tuyên chiến với phát xít.
2. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.

c. Chiến tranh lạnh bùng nổ và lôi kéo nhiều quốc gia tham chiến.

D. Đức mở cuộc tấn công Liên Xô, bị Hồng quân Liên Xô đánh bại.

Câu 2. Lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc được Đảng Cộng sản Đông Dương ban bố trong hoàn cảnh lịch sử nào sau đây?

1. Nhật Bản chuyển giao chính quyền cho nội các Trần Trọng Kim.
2. Tổng bộ Việt Minh được thành lập và ra lệnh sẵn sàng khởi nghĩa.

c. Nhiều tỉnh thành trên cả nước đã tuyên bố giành được chính quyền.

D. Quân Nhật hoang mang, quân Đồng minh chưa vào Đông Dương.

Câu 3. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) trong hai ngày 14 và 15-8-1945 đưa ra chủ trương nào sau đây?

1. Phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước trên toàn quốc.
2. Quyết định giành chính quyền ở Thủ đô Hà Nội trước tiên.

c. Quyết định các vấn đề đối nội sau khi giành chính quyền.

D. Phát động cuộc tổng công kích quân Nhật trên toàn quốc.

Câu 4. Trong hai ngày 16 và 17-8-1945, Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã

1. bầu Chính phủ liên hiệp kháng chiến chống Nhật.
2. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

c. phát động cuộc chiến tranh du kích trên toàn quốc.

D. thông qua bản Quân lệnh số 1, chuẩn bị hành động.

Câu 5. Những địa phương nào sau đây giành chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng và Thanh Hoá.
2. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

c. Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Huế và Quảng Nam.

D. Thủ đô Hà Nội, Huế, Sài Gòn và Đồng Nai Thượng.

Câu 6. Địa phương giành chính quyền cuối cùng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. Huế và Sài Gòn. B. Hà Nội và Huế.

c. Bắc Giang và Hà Tình. D. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.

Câu 7. Sắp xếp đúng trinh tự thời gian xảy ra các sự kiện lịch sử dựa trên các dữ liệu sau đây: 1. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị; 2. Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Sài Gòn; 3. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội; 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập.*

A. 3, 2, 1, 4. B. 1, 2, 3, 4. c. 3, 1, 2, 4. D. 1, 3, 2, 4.

Câu 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra theo hình thái nào sau đây?

A. Tổng công kích giành chính quyền. B. Bãi công giành chính quyền.

1. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. D. Chiến tranh cách mạng.

Câu 9. Tiến trình khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

1. giành chính quyền bộ phận tiến lên giành chính quyền trên toàn quốc.
2. giành chính quyền đồng thời ở cả hai địa bàn - nông thôn và thành thị.
3. giành chính quyền ở nông thôn thắng lợi, sau đó tiến về bao vây đô thị.
4. giành chính quyền ở các đô thị rồi toả về bao vây nông thôn và miền núi.

Câu 10. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam sụp đổ hoàn toàn?

1. Thắng lợi trong giành chính quyền ở Hà Nội.
2. Thắng lợi trong giành chính quyền ở Huế.

c. Tất cả các địa phương được giải phóng.

1. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị ở Huế.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Sự ủng hộ, giúp đỡ vật chất và tinh thần của phe xã hội chủ nghĩa.
2. Thắng lợi của phe Đồng minh trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít.
3. Vai trò lãnh đạo sáng suốt, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
4. Tinh thần yêu nước, đoàn kết trong đấu hanh của nhân dân Việt Nam.

Câu 12. Nội dung nào sau đây không phải lí do Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương phát động tổng khởi nghĩa vào tháng 8-1945 ở Việt Nam?

1. Quá trình chuẩn bị về đường lối và lực lượng cách mạng đã chu đáo.
2. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
3. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ.
4. Phe xã hội chủ nghĩa viện trợ vũ khí, kinh tế cho Việt Nam khởi nghĩa.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Sự giúp đỡ, ủng hộ về vật chất và tinh thần của Liên Xô và Đông Âu.
2. Sự trưởng thành trong chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân.
3. Quá trình chuẩn bị chu đáo, đầy đủ của Đảng Cộng sản Đông Dương.
4. Có sự kết hợp sáng tạo giữa cuộc tổng khởi nghĩa và tổng công kích.

Câu 14. Một trong những nét độc đáo về nghệ thuật giành chính quyền trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

1. kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân.
2. quá trinh giành chính quyền diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.
3. đồng loạt Tong khởi nghĩa và tổng công kích trên toàn quốc.
4. tiến hành Tống khởi nghĩa ngay khi quân Nhật đảo chính Pháp.

Câu 15. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa lịch sử nào sau đây?

1. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thục dân ở Việt Nam.
2. Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ cộng hoà.

c. Xoá bỏ hoàn toàn mọi tàn tích của chế độ phong kiến ở Việt Nam.

D. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới ở Việt Nam.

Câu 16. Nội dung nào sau đây lả nguyên nhân dẫn tới cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu trên phạm vi cả nước?

1. Kẻ thù chính của cách mạng là quân phiệt Nhật Bản đã đầu hàng.
2. Lực lượng Đồng minh đưa quân đội vào giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

c. Lực lượng cách mạng đã chuẩn bị chu đáo trên các địa bàn toàn quốc. D. Các thế lực phản cách mạng đã bị đánh đổ trên phạm vi cả nước.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong năm 1945?

1. Truyền thống dân tộc được Đảng phát huy trong mọi hoàn cảnh.
2. Sự viện trợ của Liên Xô và lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới.

c. Tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Nam Á trong mặt trận chung.

D. Cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc, đem lại thời cơ cho cách mạng.

Câu 18. Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa lịch sử về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trên thế giới.
2. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
3. Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
4. Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc - kỉ nguyên độc lập, tự do.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Xây dựng được thế trận toàn dân, phát triển lực lượng ở cả nông thôn và thành thị.
2. Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, kết hợp sức mạnh của lực lượng chính trị.
3. Xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế, phát huy sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa.
4. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.

Câu 20. Thời cơ “ngàn năm có một” trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam tồn tại trong khoảng thời gian nào sau đây?

1. Tính từ khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản đến khi Nhật Bản đầu hàng.
2. Tính từ khi phát xít Đức đầu hàng đến khi Chiến tranh thể giới két thúc ở châu Á.
3. Tính từ khi Nhật Bản đầu hàng đến khi quân Đồng minh tiến vào Đông Dương.
4. Tính từ khi phát xít Đức đầu hàng đến khi Hồng quân Liên Xô tấn công quân Nhật.

Câu 21. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sức mạnh thời đại được hiểu là sức mạnh của

A. sự viện trợ từ Liên Xô và Trung Quốc. B. quân Đồng minh chiến thắng phát xít.

1. các mặt trận đoàn kết của dân tộc. D. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.

Câu 22. Nhận xét nào sau đây là đúng về vai trò của lực lượng chính trị trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Lực lượng hỗ trợ cho tổng khởi nghĩa tiến lên chiến tranh cách mạng.
2. Là lực lượng chủ yếu và đông đảo nhất để tiến hành tổng khởi nghĩa.

c. Là lực lượng nòng cốt, xung kích trong tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

1. Lực lượng nòng cốt, hỗ trợ lực lượng vũ trang tiến lên giành chính quyền.

Câu 23. về tính chất, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được đánh giá là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời mang tính dân chủ vì lí do nào sau đây?

1. Là một bộ phận của các lực lượng hoà bình, tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít.
2. Đã lật đổ chế độ phong kiến và xoá bỏ hoàn toàn các tàn tích của chế độ cũ.

c. Hoàn thành mục tiêu chiến lược của cách mạng là độc lập và ruộng đất cho dân cày. D. Cuộc cách mạng thực hiện thành công khẩu hiệu “Người cày có ruộng” hên cả nước.

Câu 24. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được đánh giá là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình vì lí do nào sau đây?

1. Quyền lợi của nông dân đã được giải quyết triệt để.
2. Đã xoá bỏ mọi cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ thực dân.

c. Đã xoá bỏ hoàn toàn các tàn dư của chủ nghĩa đế quốc.

D. Lập ra nhà nước vì nhân dân, do nhân dân làm chủ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Không những giật tung được xiềng xích của bọn đế quốc phát xít, Cách mạng tháng Tám lại lật nhào được chế độ quân chủ thành lập trên đất nước ta hàng chục thể kỉ, làm cho nước Việt Nam thành một nước cộng hoà dân chủ ...*

*Cách mạng tháng Tám tỏ rõ tinh thần chống phát xít và yêu chuông dân chủ và hoà bình của nhân dân Việt Nam... Cách mạng tháng Tám đã chọc thủng được hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đê quôc ở một trong những mat xích yếu nhất của nó, mở đầu cho quá trình tan rã không thế cứu vãn được của chủ nghĩa thực dân thế giới ”.*

(Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dãn chủ nhân dãn Việt Nam ~ Tác phẩm chọn lọc,* Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.388 - 389, 391)

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã chấm dứt chế độ quân chủ tồn tại nhiều thế kỉ.
2. Cách mạng tháng Tám đã xoá bỏ mọi tàn dư của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước Việt Nam.
3. Cách mạng tháng Tám góp phàn làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
4. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam mang tính chất dân chủ, góp phần vào giải phóng con người.

Câu 2. Đọc đoạn te liệu sau đây:

*“Sự đâu hàng của Chính phủ Nhật đã đấy quân Nhật đang chiếm đóng ở Đông Dưoiĩg vào tình thê tuyệt vọng như rắn mất dầu, hoang mang dao động đến cực độ. Chỉnh phủ Trân Trọng Kim rệu rã... Trước tình hình như vậy, Hồ Chí Minh mặc dù đang ốm nặng đã sảng suốt nhận thức rang: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập ”. Như đã nói, đây không chỉ là sự nhận thức khách quan khoa học mà còn biếu hiện quyết tâm dấu tranh giành chính quyền khi thời cơ đã có. Sự kết hợp giữa tình hĩnh khách quan và nhận thức chủ quan một cách chính xác là một trong những điều kiện đưa cách mạng đến thẳng lợi ”.*

(Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Toàn cảnh,* NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2015, tr.48)

1. Phát xít Đức đàu hàng đã tạo ra thời cơ thuận lợi “ngàn năm có một” cho cách mạng Việt Nam.
2. Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
3. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò quyết định) là một nhận thức khoa học.
4. Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết phát động toàn quốc đứng lên giành chính quyền.

Câu 3. Đọc đoạn ta liệu sau đây:

*“Cách mạng tháng Tám... kết họp tài tình đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, một cuộc nổi dậy ở cả nông thôn và thành thị khắp Bắc, Trung, Nam mà đòn quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và ở các thành phố quan trọng khác. Hành động mau lẹ của Đảng ta chuyến nhanh từ chiên tranh du kích cục bộ ở nông thôn sang phát động tuyệt đại đa số quần chủng nhất tề đứng lên cùng với lực lượng võ trang mới tổ chức và ít ỏi lúc ban đầu, tiến hành tổng khởi nghĩa ở thành thị là một chủ trương vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng lúc bẩy giờ trong việc nắm thời cơ”.*

(Lê Duẩn, *Tuyển tập,* Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.786)

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang đặc điểm độc đáo là có sự kết hợp giữa sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân.
2. Tiến trình của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam phát triển từ chiến tranh du lách cục bộ ở địa phương lên chiến tranh chính quy trên phạm vi cả nước.
3. Trong Cách mạng tháng Tám, khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở các địa phương, thắng lợi ở mỗi địa phương có vai trò, vị trí như nhau.
4. Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng ỉà tận dụng thời cơ để đẩy lùi nguy cơ; kết hợp sức mạnh các lực lượng dân tộc và giành chính quyền trên cả hai địa bàn chiến lược.

Câu 4. Đọc đoạn ta liệu sau đây:

*“1. Cơ hội rất tốt cho ta giành chỉnh quyền.*

1. *Tĩnh thể vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:*
2. *Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.*
3. *Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự chỉnh trị, hành dộng và chỉ huy.*
4. *Kịp thời — kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội.*
5. *Mục đích cuộc chiến đấu của ta lúc này là giành quyền độc lập hoàn toàn.*
6. *Khẩu hiệu đẩu tranh lớn lúc này là:*

*— Phản đối xâm lược!*

*— Hoàn toàn độc lập!*

*— Chỉnh quyền nhãn dân!*

1. *Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kế thành phố hay thôn quê. Thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.424 - 425)

1. Đoạn to liệu cho biết Đảng Cộng sản Đông Dương xác định thời cơ giành chính quyền đã đến.
2. Tư tưởng chủ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là tiến hành khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, trong đó ưu tiên khởi nghĩa ở nông thôn.
3. Một trong nhũng nét đặc sắc về phương thức chỉ đạo giành chính quyền của Đảng Cộng sản Đông Dương là đã xác định ba nguyên tắc hành động: tập trung, thống nhất và kịp thời.
4. Quyết định trong Hội nghị toàn quốc của Đảng đã đánh dấu bước ngoặt, chuyển từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở các địa phương tiến lên tổng khởi nghĩa trên quy mô toàn quốc.

B. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THựC DÂN PHÁP (1945 -1954)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, quân đội quốc gia nào sau đây vào phía bắc vĩ tuyến 16 của Việt Nam để giải giáp vũ khí quân đội Nhật Bản?

A. Tây Ban Nha. B. Anh. c. Mỹ. D. Trung Hoa Dân quốc.

Câu 2. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (1945), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối phó với khó khăn nào sau đây?

1. Nhiều quân đội nước ngoài chiếm đóng.
2. Mỹ đưa quân viễn chinh vào miền Nam. c. Chưa có lực lượng vũ trang cách mạng.

D. Mỹ tăng cường viện trợ cho Pháp.

Câu 3. Sự kiện nào sau đây mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp?

1. Pháp đề ra kế hoạch Na-va và tấn công Điện Biên Phủ.
2. Pháp mở chiến dịch tấn công lên căn cứ Việt Bắc.

c. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam đầu hàng. D. Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ.

Câu 4. Từ sau ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947, quân dân Việt Nam đã tiến hành hoạt động quân sự nào sau đây?

A. Chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16. B. Mở chiến dịch Việt Bắc.

c. Chiến đấu ở các đô thị phía nam vĩ tuyến 16. D. Mở chiến dịch Biên giới.

Câu 5. Tháng 10-1947, quân Pháp tiến hành chiến dịch tấn công địa bàn nào sau đây?

1. Sài Gòn. B. Điện Biên Phủ. C. Việt Bắc. D. Cao Bằng.

Câu 6. Chiến dịch tấn công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến

chống thục dân Pháp (1945 - 1954) là chiến dịch

A. Việt Bắc. B. Điện Biên Phủ. c. Biên giới. D. Hồ Chí Minh.

Câu 7. Trong những năm 195 ỉ - 1953, quân dân Việt Nam đã mở chiến dịch quân sự nào sau đây?

A. Việt Bắc. B. Biên giới. c. HoàBình. D. Điện Biên Phủ.

Câu 8. Tổ chức nào sau đây được thành lập trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam (1945-1954)?

A. Mặt trận Việt Minh. B. Mặt trận Liên Việt.

c. Đảng Cộng sản Đông Dương. D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương có quyết định nào sau đây?

A. Phát động toàn quốc kháng chiến. B. Đưa Đảng ra hoạt động công khai,

c. Mở chiến dịch Việt Bắc. D. Mở chiến dịch Biên giới.

Cân 10. Với mục tiêu từng bước đánh bại âm mưu của Pháp - Mỹ trong kế hoạch Na-va, Đảng Lao động Việt Nam đã đưa ra chủ trương mở

1. chiến dịch Việt Bắc vào thu - đông 1947.
2. cuộc tấn công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

c. cuộc tấn công chiến lược Xuân - Hè 1972.

D. mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

Câu 11. Từ giữa năm 1953 đến tháng 5-1954, dựa vào viện trợ của Mỹ, thực dân Pháp đã đề ra và thực hiện kể hoạch nào sau đây nhằm kết thúc chiến tranh ở Việt Nam?

A. Na-va. B. Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi. c. Mác-san. D. Rơ-ve.

Câu 12. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) của quân dân Việt Nam toàn thắng?

1. Pháp phải rút toàn bộ quân viễn chinh và quân đồng minh khỏi Việt Bắc.
2. Toàn bộ quân Pháp phải rút khỏi các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16.

c. Tướng Đờ Ca-xtơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu quân Pháp ra hàng.

D. Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 13. Đảng, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) vì lí do nào sau đây?

1. Các khả năng cứu vãn nền hoà bình không còn nữa.
2. Đã chuẩn bị sẵn sàng mọi tiềm lực cho kháng chiến.

c. Đã nhận được nhiều ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

D. Tránh được sự tham chiến của các nước Đồng minh.

Câu 14. Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Việt Nam quyết định mở chiến dịch Biên giói thu - đông năm 1950 nhằm một trong những mục tiêu nào sau đây?

1. Đập tan cuộc tấn công của Mỹ ra miền Bắc.
2. Buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Pa-ri.

c. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

D. Buộc Pháp phải kết thúc chiến tranh.

Câu 15. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Nam Bộ (tù’ tháng 9-1945) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
2. Giúp quân đội Việt Nam giành quyền chủ động trên chiến trường chính.

c. Tạo điều kiện cho nhân dân cả nước chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. D. Giữ vững và củng cố được căn cứ địa Việt Bắc của cách mạng cả nước.

Câu 16. Cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Nam trong các đô thị phía bắc (từ tháng 12-1946 đến tháng 2-1947) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Giành được quyền chủ động trên chiến trường chính.
2. Kết thúc thời kì quân dân Việt Nam chiến đấu trong vòng vây.

c. Buộc Pháp từ bỏ chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”.

D. Củng cố niềm tin của nhân dân vào thắng lợi của kháng chiến.

Câu 17. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) của quân dân Việt Nam đã

1. đập tan những nỗ lực quân sự của Pháp.
2. buộc Mỹ phải đưa quân vào miền Nam.

c. làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.

D. buộc Pháp và Mỹ tham gia đàm phán tại Hội nghị Pa-ri.

Câu 18. Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 - 1954) hoàn toàn thắng lợi?

A. Hiệp định Pa-ri được kí kết. B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

c. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi. D. Pháp phải đàm phán tại Giơ-ne-vơ.

Câu 19. Nội dung nào sau đây không thuộc nhiệm vụ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

1. Giành chính quyền bằng mọi giá.
2. Kháng chiến bằng lực lượng vũ trang chính quy.

c. Tiến hành kháng chiến trường kì.

D. Vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ xã hội mới.

Câu 20. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đánh dấu bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) ở Việt Nam vì lí do nào sau đây?

1. Mở ra thời kì Việt Nam giành được quyền chủ động trên chiến trường chính.
2. Bước đầu làm phá sản âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, c. Làm thất bại âm mưu can thiệp vào chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ.

D. Làm phá sản bước đầu của kể hoạch Na-va do Mỹ và Pháp triển khai ở Việt Nam.

Câu 21. Các chiến dịch quân sự của quân dân Việt Nam mở trong những năm 1951 - 1953 có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Buộc thực dân Pháp phải chuyển sang kế hoạch đánh lâu dài.
2. Đánh bại nhiều cuộc tiến công lên Việt Bắc của thực dân Pháp.

c. Giúp Việt Nam giữ vững quyền chủ động trong quan hệ với các nước trên thế giới. D. Giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ Việt Nam.

Câu 22. Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam (1945 - 1954) có ý nghĩa quốc tế nào sau đây?

1. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít của các lực lượng dân chủ.
2. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

c. Đã đánh dấu sự sụp đố căn bản của chủ nghĩa thực dân mới.

D. Mở đầu sự mở rộng không gian của chủ nghĩa xã hội ở châu Á.

Câu 23. Nội dung nào sau đây không đúng là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 - 1954)?

1. Sụ lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam.
2. Hậu phương kháng chiến được xây dựng vững chắc.

c. Sự viện trợ, giúp đỡ của Liên Xô và các nước Tây Âu.

D. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

Câu 24. Tính chất dân chủ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam (1945 - 1954) thể hiện qua hoạt động nào sau đây?

1. Vừa kháng chiến vừa gây dựng nền móng cho chế độ mới.
2. Hoàn thành khẩu hiệu “Người cày có ruộng” ngay trong kháng chiến.

c. Xoá bỏ hoàn toàn giai cấp bóc lột ở các vùng do cách mạng kiểm soát.

D. Tiến hành cải cách ruộng đất trong suốt cuộc kháng chiến.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Cân 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Cuộc kháng chiến chống Pháp đã kéo dài 9 năm, chúng ta đã lần lượt đánh bại các âm mint và kế hoạch chiến lược của địch. Với chiên thẳng Việt Bẳc, quân và dãn ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh giải quyêt nhanh của quân đội Pháp. Tiếp đó quân và dân ta đấy mạnh chiến tranh du kích, tích cực chống dịch càn quét, bình định, lan chiêm, phá tan âm mưu dùng người Việt đánh người Việt, lây chiên tranh nuôi chiến tranh của chúng... Thắng lợi của chiến dịch Biên giới đã tạo ra một bước ngoặt cơ bản trong cục diện của cuộc kháng chiến. Từ đó ta đã liên tiếp mở nhiều chiên dịch tấn công và phản công với quy mô ngày càng lớn đi đôi với dấy mạnh phong trào chiến tranh du kích rộng khắp và phong trào nối dậy của quần chúng ở vùng sau lưng địch. Quân và dân ta dã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và làm sụp đố từng mảng lớn hệ thong nguy quyền của chúng, tiến lên giành những thẳng lợi quyết định trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ”.*

(Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc,* NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.46 - 47)

1. Sau chiến thắng Biên giới, quân dân Việt Nam không còn sử dụng chiến tranh du kích mà chuyển hẳn sang chiến tranh chính quy trên quy mô lớn.
2. Chiến thắng Việt Bắc bước đàu làm phá sản âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.
3. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp là loại hình chiến tranh thực dân mới, sử dụng quân đội viễn chinh là chủ yếu.
4. Chiến dịch Điện Biên Phủ có ý nghĩa quyết định, là thắng lợi quân sự lớn nhất của quân dân Việt Nam trong 9 năm kháng chiến.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trong cuộc kháng chiến này* [kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954], *ta đã tiêu diệt và làm bị thương hơn 50 vạn tên dịch, đánh bại ỷ chí xâm lược của thực dân Pháp, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, buộc Pháp phải kỉ Hiệp định đình chiến ở Giơ-ne-vơ. Chiến tranh kết thúc, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của ta là thẳng lợi to lớn đầu tiên của chiến tranh giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến.*

*Đường lối quân sự của Đảng trong thời kì này là sự kế tục và phát triển đường lối quân sự đã được hình thành về cơ bản trong thời kì trước. Nét cơ bản nhất của sự phát triển đó là: từ một đường lối quân sự chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa vũ trang phát triến thành một đường loi quân sự chỉ đạo việc tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dãn có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc*

(Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc,*

NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.47 - 48)

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) được tiến hành bằng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.
2. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954), Đảng Lao động Việt Nam đã xây dựng một đường lối quân sự hoàn toàn mới.
3. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng thời làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
4. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) vừa có tính chất giải phóng dân tộc, vừa có tính chất bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh lịch sử mới.

Câu 3. Đọc đoạn to liệu sau đây:

*“Thẳng lợi vĩ đại của kháng chiến chổng Pháp là kết quả tổng họp của nhiều nhân to tạo thành. Trước hết, đó là thẳng lợi của quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do của Tố quốc... Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp là thẳng lợi của đường lôi kháng chiến rất đúng đắn, sáng tạo do Đảng và Bác Hồ vạch ra. Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, là đường loi quả cảm và thông minh của một dân tộc nhỏ đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của một tên đế quốc to lớn là thực dân Pháp. Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp là thắng lợi của cuộc chiến đấu gian khố, hi sinh của cả quân đội và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng... Thẳng lợi của nhãn dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đẩu giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta cũng là thẳng lợi của tình đoàn kết anh em bầu bạn giữa nhân dân ta với nhãn dân tiến bộ trên thế giới...*

(Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 -1954,* Tập II, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.613 - 614)

1. Đường lối kháng chiến chống Pháp là đường lối toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và không cần đến bất cứ sự giúp đỡ nào từ bên ngoài.
2. Một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) là tinh thần yêu nước, đoàn kết và hi sinh của toàn thể nhân dân.
3. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân các nước Đông Nam Á chống thực dân Pháp, trước hết là nhân dân ba nước Đông Dương, đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

d) Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) thắng lợi là két quả tổng hợp nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng yếu tố chủ quan đóng vai trò quyết định.

Câu 4. Cho bảng thông tin sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tênchiến dịch | Loại hình chiến dịch | Cách đánh | Thòi gian | Kết quả |
| Việt Bắc | Chủ động phản công | Dùng lực lượng nhỏ đánh địch vận động trên bộ, trên sông, bẻ gãy từng gọng kìm địch. | Từ ngày 7-10-1947đến ngày22-12-1947 | Đánh bại cuộc tiến công chiến lược của Pháp, bảo vệ an toàn căn cứ kháng chiến. |
| Biên giới | Chủ động tiến công | Đánh điểm, diệt viện. | Từ ngày 16- 9-1950 đếnngày 20-10-1950 | Khai thông biên giới. Diệt 2 binh đoàn cơ động Âu - Phi, giải phóng 40 vạn dân với diện tích 4 000 km2. |
| Điện BiênPhủ | Chủ động tiến công | Đánh chắc, tiến chắc, tiến công dứt điểm từng cụm cứ điểm từ ngoài vào, cuối cùng tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân Pháp. | Từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954 | Đập tan hình thức tổ chức phòng ngự cao nhất, mạnh nhất của Pháp trên chiến trường Đông Dương. Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân Pháp. |

(Trích dẫn theo Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dãn Pháp: Thẳng lợi và bài học,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.499 — 451)

1. Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch phản công, được bắt đầu ngay sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946).
2. Chiến dịch Biên giới không chỉ góp phần khai thông biên giới Việt - Trung, mà còn kết thúc thời kì chiến đấu chống Pháp trong vòng vây.
3. Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch tiến công đàu tiên, đồng thời là trận đánh tiêu diệt lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
4. Các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ cho thấy bước phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam, là sự chuyển biến về thế và lực của cuộc kháng chiến.

c. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, cữu NƯỚC (1954 - 1975)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phải là bối cảnh diễn ra cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông - Tây đang diễn ra.
2. Cuộc Tổng tuyển cử tự do mới chỉ thực hiện được ở miền Bắc.

c. Pháp và Mỹ không thi hành đúng điều khoản Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền theo Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 2. Hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 — 1975) đều được phát động trong điều kiện quốc tế nào sau đây?

1. Có sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa.
2. Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến hồi kết.

c. Quan hệ quốc tế đang có diễn biến phức tạp.

D. Xu thế toàn càu hoá đã xuất hiện ở châu Âu.

Câu 3. Trong những năm 1954 - 1960, miền Bắc đã thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, nhưng không có nhiệm vụ nào sau đây?

1. Xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.

c. Thực hiện khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. Hoàn thành việc cải cách ruộng đất để “người cày có ruộng”.

Câu 4. Thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần 2 (1969 - 1972), chính quyền Mỹ nhằm mục tiêu nào khác so với cuộc chiến tranh phá hoại lần 1 (1964- 1968)?

1. Tạo sức ép với Việt Nam trên bàn đàm phán ở Hội nghị Pa-ri.
2. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

c. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

D. Chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 5. Trong thời kì 1954 - 1975, cách mạng Việt Nam có nhiệm vụ hàng đầu là

A. đánh đuổi đế quốc Pháp. B. thống nhất đất nước.

c. xây dựng chủ nghĩa xã hội. D. cải cách ruộng đất

Câu 6. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam trên cả hai miền Nam - Bắc mang tính chất là một cuộc chiến tranh

A. dân chủ và cách mạng. B. giải phóng và bảo vệ.

c. uỷ nhiệm của phe xã hội chủ nghĩa. D. bảo vệ chính đảng vô sản.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là hình thức đấu tranh chủ yếu chống chế độ Mỹ - Diệm của

nhân dân miền Nam Việt Nam trong thời gian đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954)? A. Tổng tiến công và nổi dậy. B. Dùng bạo lực cách mạng,

c. Đấu tranh chính trị hoà bình. D. Đấu tranh cải lương.

Câu 8. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam làn thứ 15 (1-1959) có quyết định quan trọng nào sau đây?

1. Đấu tranh chính trị kết họp đấu tranh vũ trang để giành chính quyền.
2. Tiếp tục đấu tranh chính trị yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. c. Đấu tranh chính trị chuẩn bị tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

D. Chỉ sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

Câu 9. Trong giai đoạn 1954 - 1958 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân miền Nam tập trung vào thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

1. đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
2. kết hợp đấu tranh chính trị hoà bình và khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

c. chuyển từ đấu tranh chính trị tiến lên Đồng khởi trên khắp các tỉnh miền Nam.

D. đấu tranh chính trị hoà bình để giữ gìn lục lượng, tổ chức tổng tuyển cử tự do.

Câu 10. Sự kiện nào sau đây trong giai đoạn 1954 - 1960 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

1. Phong trào Đồng khởi. B. Phong trào chống phá bình định.

c. Phong trào phá ấp chiến lược. D. Phong trào “Ba sẵn sàng”.

Câu 11. Từ trong phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam, tổ chức đoàn thể chính trị nào sau đây đã ra đời?

1. Liên minh Nhân dân Việt - Miên - Lào.
2. Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh).

c. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 12. Trong những năm 1961 “ 1965, Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh nào sau đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh cục bộ. B. Chiến tranh đơn phương.

c. Việt Nam hoá chiến tranh. D. Chiến tranh đặc biệt.

Câu 13. Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa chiến lược Chiến tranh cục bộ với chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

A. lực lượng trực tiếp tham chiến. B. sử dụng phương tiện hiện đại.

c. sử dụng lực lượng cố vấn quân sự Mỹ. D. dựa vào chính quyền tay sai.

Câu 14. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam?

1. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
2. Chiến thắng Vạn Tường năm 1965.
3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.
4. Chiến thắng Ấp Bắc năm 1963.

Câu 15. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam?

1. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
2. Chiến thắng Vạn Tường năm 1965.
3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.
4. Chiến thắng Đường 14 - Phước Long (1975).

Câu 16. Trong việc đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 — 1965) của Mỹ, quân dân miền Nam đã phối họp chiến đấu trên những địa bàn chiến lược nào sau đây?

1. Các đô thị lớn có quân Mỹ đóng quân.
2. Khu vực đồng bằng miền núi và thị trấn.

c. Vùng nông thôn có quân đội Sài Gòn.

D. Rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

Câu 17. Sau thất bại của chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965 - 1968) ở miền Nam Việt Nam,

Mỹ chuyến sang áp dụng chiến lược chiến tranh nào sau đây?

1. Chiến tranh đặc biệt. B. Việt Nam hoá chiến tranh.

c. Chiến tranh đơn phương. D. Chiến tranh đặc biệt tăng cường.

Câu 18. Sự kiện nào sau đây ghi nhận nhân dân Việt Nam đã “căn bản” hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Mỹ cút”?

1. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
2. Mỹ chấp nhận kí kết Hiệp định Pa-ri (1-1973).

c. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (12-1972).

D. Mỹ ngồi vào bàn đàm phán ở Hội nghị Pa-ri (1968).

Câu 19. Hội nghị Pa-ri về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam được triệu tập trong bối cảnh nào sau đây?

1. Cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công (1959 - 1960).
2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 tác động mạnh tới nước Mỹ. c. Nỗ lực của Mỹ trong Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) đã bị phá sản.

D. Chiến thắng Vạn Tường (1965) buộc Mỹ phải rút dần quân đội về nước.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa quan trọng của việc kí kết Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

1. Tạo thời cơ thuận lợi để Việt Nam đánh cho “Mỹ cút”, “nguy nhào”.
2. Là văn bản pháp lí ghi nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, dân chủ. c. Làm thay đổi tương quan lực lượng theo hướng có lợi cho cách mạng. D. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ.

Câu 21. Điểm chung của các chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) là

1. có sự tham chiến từ đầu của quân đồng minh của Mỹ.
2. kết hợp bình định miền Nam và ném bom miền Bắc.

c. lực lượng quân Mỹ trực tiếp tham chiến ngay từ đầu.

D. dựa vào lực lượng quân đội Sài Gòn, do cố vấn Mỹ chỉ huy.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Đã kết thúc 30 năm tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ.
2. Đã góp phần vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

c. Chấm dứt sự thống trị của ché độ thực dân mới kéo dài hàng thập kỉ.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam (từ năm 1930 đến năm 1975)?

1. Sự ủng hộ của các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thé giới.
2. Truyền thống yêu nước và quyết đánh thắng kẻ thù của dân tộc.

c. Truyền thống đoàn két của dân tộc qua các mặt trận thong nhất.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng với đường lối khoa học và sáng tạo.

Câu 24. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Nhân dân ba nước Đông Dương cùng đoàn kết chống kẻ thù chung.
2. Cách mạng miền Bắc đã nỗ lực hoàn thành vai trò hậu phương lớn. c. Sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Sự cổ vũ to lớn của các dân tộc yêu chuông hoà bình trên thế giới.

Câu 25. Trong thời kì 1954- 1975, nhân dân miền Nam Việt Nam đã thực hiện thành công một trong những nhiệm vụ chiến lược nào sau đây do Đảng Lao động Việt Nam đề ra?

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước khi có chiến tranh.
2. Kết hợp hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc trên cả nước.

c. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. Hoàn thành việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Câu 26. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 - 1975) kết thúc thắng lợi đã

1. mở ra xu thế hoà hoãn Đông - Tây và xu thế toàn cầu hoá trên thế giới.
2. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

c. tạo điều kiện để cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

Câu 27. Sự kiện nào sau đây đã mở ra thời cơ tiến công chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam?

1. Chiến thắng Đường 14 - Phước Long (1-1975).
2. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972).

c. Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975).

D. Chiến dịch Huế - Đa Nằng (3-1975)

Câu 28. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi (3-1975) đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam sang giai đoạn

1. tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
2. tổng công kích ở các tỉnh ven biển miền Trung.

c. bước ngoặt “ tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam.

D. thống nhất các lực lượng vũ trang để tổng tiến công.

Câu 29. Nội dung nào sau đây là bài học kinh nghiệm từ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) tiếp tục được Đảng Lao động Việt Nam vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

1. Kết hợp hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh dân vận.
2. Phát huy hiệu quả sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

c. Vận động sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa ngay từ đầu.

D. Xây dựng mặt trận ngoại giao từ đầu cuộc kháng chiến.

Câu 30. Trong giai đoạn 1965 - 1968 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân dân miền Bắc có hoạt động nào sau đây?

1. Tập trung vào cuộc cải cách ruộng đất, triệt để giảm tô, giảm tức.
2. Tạm gác việc sản xuất để chống lại chiến tranh phá hoại của Mỹ.

c. Buộc Mỹ “xuống thang” chiến tranh phá hoại và kí Hiệp định Pa-ri.

D. Nỗ lực và quyết tâm thực hiện nhiều nhiệm vụ trong thời chiến.

Câu 31. Trong giai đoạn 1969 - 1973 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân Giải phóng miền Nam không có hoạt động quân sự nào sau đây?

1. Phối hợp nhân dân Cam-pu-chia làm thất bại âm mưu của Mỹ.
2. Mở cuộc Tiến công chiến lược, đã tác động lớn tới Hội nghị Pa-ri.

c. Phối hợp quân dân Lào đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719.

D. Đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

Câu 32. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng thành tựu của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

1. Cổ vũ tinh thần, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.
2. Xây dựng được bước đầu cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

c. Trực tiếp tham gia chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

D. Trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

Câu 33. Trong thời kì chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), miền Bắc thực hiện việc tiếp tế và chi viện thường xuyên cho cách mạng miền Nam chủ yếu qua tuyến đường nào sau đây?

1. Đường hàng không. B. Đường Hồ Chí Minh.

c. Đường cao tốc Bắc - Nam. D. Đường chuyển ngân.

Câu 34. Thành tích nào sau đây của quân dân miền Bắc đã tác động trực tiếp, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1-1973)?

1. Làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.
2. Chi viện gần 22 vạn bộ đội cho tiền tuyến.

c. Bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến của Mỹ.

D. Bắn rơi hơn 3 000 máy bay của Mỹ.

Câu 35. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), miền Bắc đóng vai trò nào sau đây?

1. Là tiền tuyến tại chỗ, đóng vai trò quyết định cơ bản.
2. Là hậu phương lớn, đồng thời trực tiểp chống Mỹ.

c. Là tiền tuyến lớn, đồng thời là hậu phương tại chỗ.

D. Là hậu phương tại chỗ, có vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 36. Bước vào năm 1968, Quân Giải phóng miền Nam có hoạt động quân sự quyết định nào sau đây?

1. Đánh bại cuộc hành quân “tìm diệt” Việt Cộng của Mỹ.
2. Mở chiến dịch phản công quân Mỹ ở Đường 19 - Nam Lào.

c. Mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

D. Phát động cuộc Tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam.

Câu 37. Chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là kết quả chiến đấu của Quân Giải phóng miền Nam trong

1. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
2. cuộc Tống tiến công chiến lược xuân - hè 1972.

c. trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

D. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Câu 38. Thắng lợi của chiến dịch nào sau đây ghi nhận cuộc kháng chiến chống Mỹ, cúư nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi?

A. Chiến dịch Huế - Đà Nang. B. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long,

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh. D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 39. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nhân tố hàng đầu làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Đường lối lãnh đạo sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam.
2. Liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

c. Liên Xô và Trung Quốc đoàn kết, nhất trí ủng hộ, giúp đỡ.

D. Cách mạng miền Nam phát huy được vai trò quyết định nhất.

Câu 40. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cửu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi đã

1. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới.
2. mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

c. cổ vũ phong trào vũ trang đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

D. thúc đẩy sự phát triển của phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân 1968 đã tác động trực tiếp, buộc Mỹ phải chấp nhận bàn đàm phán ở Hội nghị Pa-ri (từ tháng 5-1968), nhưng việc đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ luôn căng thẳng và bế tắc,...

Sau những thắng lợi của Quân Giải phóng miền Nam trong cuộc Tiến công chiến lược (1972), quân dân miền Bắc đã lập nên chiến công vang dội trong trong 12 ngày đêm cuối năm 1972: đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng,... Mỹ đã phải quay trở lại bàn đàm phán và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27-1-1973).

1. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân 1968 đã đánh dấu bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cúư nước.
2. Quá trình đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ kéo dài nhiều năm là do sự tác động của xu thế hoà hoãn Đông - Tây chưa có hồi kết.
3. Thắng lợi quân sự của quân dân hai miền Nam - Bắc Việt Nam đã tác động trực tiếp đến việc Mỹ phải đến bàn đàm phán và kí Hiệp định Pa-ri.
4. Từ thực tiễn Hội nghị Pa-ri (1968 - 1973) cho thấy, Việt Nam muốn giành thắng lợi trên mặt trận ngoại giao phải có thắng lợi quân sự quyết định.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Từ cuối năm 1974 - đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 - 1976), nhưng nhấn mạnh: “cả năm 1975 là thời cơ” và “nếu thời cơ tới vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

Kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng được thực hiện qua ba chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 đến ngày 24-3), chiến dịch Huế - Đà Nang (từ ngày 21 đến ngày 29-3) và chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 đến ngày 30-4). Ngày 2-5, Châu Đốc (thuộc An Giang ngày nay) là tỉnh cuối cùng của miền Nam giải phóng.

1. Đảng Lao động Việt Nam đã họp và quyết định thực hiện kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm (1974 - 1975).
2. Sau khi chiến dịch Đường 14 - Phước Long thắng lợi (6-1-1975), thời cơ tiến công chiến lược cho giải phóng hoàn toàn miền Nam đã tới.
3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra mau lẹ, có sự kết hợp của lực lượng vũ trang làm nòng cốt và lực lượng chính trị ở các địa phương.
4. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi đã hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho cả dân tộc.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Cái mới và sáng tạo đặc biệt của chiến tranh cách mạng Việt Nam là sự phát triến ngày càng cao của sự kết hợp giữa, hai hĩnh thức đẩu tranh quăn sự và chỉnh trị, chiến tranh và khởi nghĩa, tiến công và nổi dậy, tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ, trong đó đâu tranh quân sự là đặc trưng cơ bản, vì không có nó không còn là chiến tranh.*

*Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự kết hợp quân sự với chính trị, chiến tranh và khởi nghĩa đã có hỉnh thái phát triển khác với cuộc Tống khởi nghĩa thảng Tám 1945, với kháng chiến chống Pháp là từ khởi nghĩa lên chiến tranh và trong chiến tranh vẫn có khởi nghĩa; từ đâu tranh chỉnh trị lên kêt hợp chính trị và quân sự song song, và càng vê sau, nhất là vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến, vai trò của đấu tranh quân sự được từng bước nâng lên và cuối cùng đã giữ vị trí chi phoi và quyết định*

(Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1954 - 1975: Thẳng lợi và bài học,*

NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.262 - 263)

1. Trong thời kì 1954 - 1975, Đảng Lao động Việt Nam tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo các hình thức đấu tranh để đưa tới thắng lợi cuối cùng.
2. “Chiến tranh ở Việt Nam” không phải là một cuộc chiến tranh thông thường, nó mang tính chất là “Chiến tranh nhân dân” - chiến tranh giải phóng và bảo vệ.
3. Trong thời kì 1954 - 1975, đấu tranh chính trị giữ vai trò quyết định cho thắng lợi.
4. Thắng lợi về quân sự đã chi phối và quyết định việc kết thúc cuộc kháng chiến

. chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của Việt Nam. Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Đe quốc Mỹ và chính quyển Sài Gòn do Ngô Đình Diệm đứng đẩu đã trắng trợn phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-nơ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, mở các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” bằng cái gọi là sức mạnh của quân lực cộng hoà,...*

*... Đe bảo vệ sinh mạng và quyền lợi cơ bản của mình, nhân dãn miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không có con đường nào khác là phải đứng lên đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà ”.*

(Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sảng tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.294)

1. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để trì hoãn việc thống nhất đất nước ở Việt Nam.
2. Từ thực tiễn đất nước và sự phá hoại của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu chỉ sử dụng hình thức đấu tranh hoà bình sẽ không thể thống nhất Tổ quốc.
3. Đặc điểm lớn nhất và độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam (1954 - 1975) là một đảng thống nhất lãnh đạo cả nước thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ chiến lược.
4. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi đã hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho cả dân tộc.

D. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TƠ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT số BÀI HỌC LỊCH sử CỦA cuộc KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ Tổ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam có thuận lợi cơ bản nào sau đây?

1. Đất nước đã phát triển, Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.
2. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây diễn ra, thé giới không còn xung đột. c. Đất nước đã thống nhất, cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Các nước đế quốc đã từ bỏ âm mưu chống phá dân tộc Việt Nam.

Câu 2. Sau năm 1975, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam chống lại kẻ thù nào sau đây?

A. Quân Pôn Pốt. B. Đế quốc Mỹ.

c. Thực dân Pháp. D. Phát xít Nhật.

Câu 3. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc (1979 ” 1989), quân dân Việt Nam phải đối phó chống lại âm mưu nào sau đây của đối phương? A. Hoa quân nhập Việt. B. Chinh phục từng gói nhỏ.

c. Giành đất, giành dân. D. Đánh nhanh, thắng nhanh.

Câu 4. Địa bàn nào sau đây là một trong những mặt trận quyết liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc (1979 — 1989) của quân dân Việt Nam?

A. Thổ Chu. B. Vị Xuyên. c. Tây Ninh. D. Hà Tiên.

Câu 5. Trong việc tiến công truy kích quân đội Khơ-me Đỏ đến Thủ đô Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), quân dân Việt Nam đã thực hiện

A. chủ trương đánh chắc, tiến chắc. B. quyền tự vệ chính đáng,

c. chủ trương đánh điểm, diệt viện. D. quyền phòng thủ trên biển.

Câu 6. Sau năm 1975, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm

1. tất cả các đảo trên vùng Biển Đông.
2. tất cả các đảo và quần đảo thuộc vịnh Thái Lan.

c. quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

D. các đặc khu kinh tế trên bán đảo Đông Dương.

Câu 7. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thành lập huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Đà Nằng. B. Khánh Hoà.

1. Quảng Ninh. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 8. Trong việc thực thi chủ quyền biển, đảo, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

1. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. c. Khánh Hoà. D. Đà Nang.

Câu 9. Năm 1988, quân đội Việt Nam đã có hoạt động nào sau đây để bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc?

1. Chiến đấu chống lại cuộc tấn công của Trung Quốc ở đảo Gạc Ma.
2. Tố chức cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới ở 6 tỉnh miền núi phía Bắc.

c. Mở đầu cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây Nam, đánh đuổi quân Pôn Pốt.

1. Phản đối Trung Quốc đưa dàn khoan Hải Dương — 981 đến vùng biển Việt Nam.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng hoạt động bảo vệ chủ quyền của Việt Nam năm 1988?

1. Chiến đấu chổng lại cuộc tấn công xâm lược của Trung Quốc trên đảo Gạc Ma.
2. Tổ chức chiến đấu chống quân xâm lược ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc.
3. Phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phát xít Nhật.
4. Phản đối Trung Quốc đưa dàn khoan Hải Dương - 981 đến vùng biển Việt Nam.

Câu 11. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (từ sau tháng 4-1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX) có ý nghĩa nào sau đây?

1. Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực và thế giới.
2. Góp phần vào việc thiết lập một trật tự thế giới mới.

c. Góp phần vào quá trình giải trù’ chủ nghĩa thực dân ở châu Á. D. Chấm dứt được âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (từ sau tháng 4-1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX) ở Việt Nam?

1. Góp phần giải trừ chủ nghĩa thực dân và xoá bỏ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
2. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống của các tầng lớp nhân dân.

c. Góp phần vào quá trình giải trừ chủ nghĩa thực dân của nhân dân thế giới. D. Duy trì hoà bình và ổn định, hoàn toàn không có tổn thất về vật chất.

Câu 13. Các hoạt động đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Biển Đông không bao gồm nội dung nào sau đây?

1. Từ chối tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển.
2. Thành lập các huyện đảo Trường Sa và Hoàng Sa.
3. Tổ chức nghiên cứu để cung cấp các bằng chứng về chủ quyền.
4. Kiên quyết đấu tranh với các hoạt động vi phạm chủ quyền.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những quan điểm chủ đạo của Việt Nam trong việc bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975?

1. Coi ngoại lực là nhân tố quyết định mọi thắng lợi và thành công.
2. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. c. Chỉ chú trọng phát triến sức mạnh của đất nước về văn hoá - xã hội.

D. Kết họp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: kháng chiến và kiến quốc.

Câu 15. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tố quốc tù’ năm 1945 đê lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho công cuộc bảo vệ Tố quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?

1. Phát huy yếu tố ngoại lục làm nhân tố quyết định sức mạnh bảo vệ Tố quốc.
2. Ket hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết họp xây dựng và bảo vệ.

c. Luôn đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao đế mở đường cho đấu tranh quân sự.

D. Tăng cường sức mạnh quân sự là biện pháp duy nhất có thể bảo vệ Tổ quốc.

Câu 16. Trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc Việt Nam hiện nay,

có thể vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử nào sau đây?

1. Trong quá trình đàm phán, tuyệt đối không nhân nhượng đối phương.
2. Lấy đấu tranh quân sự làm chủ đạo, kết họp với đấu tranh ngoại giao.

c. Trong mọi hoàn cảnh, nắm vững quan điểm “dĩ bất biến, úng vạn biến”.

D. Chỉ sử dụng biện pháp hoà bình khi nhún nhường không có kết quả.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thang lợi, chinh quyển Cam-pu-chia Dãn chủ do Pôn Pot cầm đầu đã thực hiện chính sách diệt chủng đối với đồng bào Cam-pu-chia, đồng thời tiến hành những hành động phiêu ỉưu quân sự chống Việt Nam.*

*Miền Nam Việt Nam vừa được giải phóng thỉ tập đoàn Pôn Pôt đã mở ngay những cuộc hành quân khiêu khích, lấn chiếm lãnh thố Việt Nam như chiêm đảo Phú Quôc ngày 3-5-1975, Thổ Chu ngày 10-5-1975 và xâm phạm nhiều vùng lãnh thố khác dọc biên giói từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Từ tháng 4-1977, tập đoàn Pôn Pot tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm, mở rộng dần thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giói Tây Nam...*

*Đe bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thố, quân và dân Việt Nam đã đánh trả quyết liệt, tiểu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược. Cuộc tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Chiến thẳng biên giới Tây Nam đã đè bẹp ỷ đồ xâm lược của tập đoàn Pôn Pot, giáng một đòn mạnh vào lực lượng quân đội của chúng, tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia thằng lợi ”.*

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam,* Tập 4, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.483, 485)

1. Sau khi lên nắm quyền ở Cam-pu-chia (4-1975), chính quyền Pôn Pốt đã phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam.
2. Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Việt Nam đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân Cam-pu-chia lật đổ ách cai trị của tập đoàn Pôn Pốt.
3. Chiến thắng của quân dân Việt Nam trước quân Pôn Pốt là thắng lợi của chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh, không bị tổn thất người và của.
4. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam cho thấy sức mạnh chính nghĩa của quân dân Việt Nam, không chỉ có ý nghĩa trong nước mà còn góp phần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trung Quốc đã từng giúp đỡ Việt Nam trong khảng chiến chống thực dãn Pháp xâm lược và khảng chiến chống đế quốc Mỹ hiêu chiên... Tuy nhiên, từ cuối năm 1976, giữa hai nước có xung đột ở biên giới Cao Lạng - Quảng Tây. Sau khi nố ra xung đột, Việt Nam đã đề nghị Trung Quốc cùng nhau đàm phán về vẩn đề biên giới, song các cuộc đàm phản đều không đem lại kết quả. vẩn đề cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam, trong đó có cải tạo tư sản người Hoa càng làm cho quan hệ giữa Trung Quốc với Việt Nam thêm căng thắng... Ngày 17-2-1979, 60 vạn quân Trung Quốc đã tiến công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc là: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh...*

*Trước tình hình đó, quân và dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đẩu ngoan cường để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mình. Dư luận trong nước và thế giới phản đối mạnh mẽ hành động đó của Trung Quốc... ”.*

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam,* Tập 4, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.485 - 486)

1. Ngày 17-2-1979, quân Trung Quốc đồng loạt tấn công 5 tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam.
2. Mặc dù nước Việt Nam cố gắng tận dụng mọi khả năng đàm phán, nhưng chiến tranh vẫn nổ ra.
3. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam nổ ra trong bối cảnh quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp.
4. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của Việt Nam, phải nêu cao tinh thần cảnh giác, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa các đối tác và đối tượng.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Sức mạnh toàn điện của đất nước là chỗ dựa cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quắc, trong đó chỗ dựa vững chắc nhất là lòng dân. Công cuộc kiến thiết đất nước gan với củng cố quốc phòng luôn đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất và đồng thuận của toàn dân. Đường lối chính trị, đường lối quân sự đủng đắn của Đảng là ngọn cờ tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dãn tộc, ra sức phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam thành một pháo đài bất khả xâm phạm, đủ sức bảo vệ chủ quyền dãn tộc, giữ gìn toàn vẹn lãnh thố và an ninh của đất nước, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển; làm cho toàn quân, toàn dân săn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng mạnh đến đâu và từ bất cứ nơi nào tới ”.*

(Vũ Quang Hiển, *Đường lối quân sự của Đảng: Lịch sử hình thành, phát triển và nội dung cơ bản,* NXB' Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.524)

1. Từ năm 1975, sức mạnh tổng họp của quốc gia được hiểu là sức mạnh quân sự của quốc gia đó.
2. Đe có thể bảo vệ vững chắc Tổ quốc, cần chú trọng vào xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia.
3. Đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh của lòng dân chính là những yếu tố quan trọng nhất để giữ nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
4. Đường lối đúng đắn của Đảng là cơ sở để tập hợp sức mạnh toàn dân và sự đồng thuận của toàn dân là điều kiện để có thể thực thi các chính sách bảo vệ Tố quốc.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trong chiến tranh bảo vệ Tố quốc, do lúc chiên tranh băt đâu, ta. đã có lực lượng vũ trang được xây dựng từ trong thời bĩnh, nên hình thức nôi lên lúc đâu là tác chiên của lực lượng vũ trang đế tiêu diệt quân xâm lược, bảo vệ đât đai của Tô quôc. Trong trường hợp quân địch vào sâu trong đât nước ta, mở rộng phạm vỉ chiêm đóng ra nhiêu nơi và lập nên chính quyền của chúng ở đây, như tình hình đã xảy ra trong cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây thì bên cạnh hình thức tác chiên của lực lượng vũ trang, còn có hĩnh thức vũ trang nối dậy của quần chủng ở vùng địch tạm chiêm đê khôi phục lại quyên làm chủ của mĩnh. Do đó, trong chiến tranh bảo vệ Tô quôc, nghệ thuật quân sự của toàn dãn đánh giặc là nghệ thuật chỉ đạo hoạt động tác chiên của lực lượng vũ trang đã phát triên ở trình độ cao ngay từ đầu, đồng thời van chỉ đạo hoạt động quân sự của đông đảo quân chúng được tố chức ngày càng chặt chẽ cầm vũ khí đứng lên đánh giặc*

(Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tố quốc,* NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.323)

1. Đấu tranh vũ trang được hiểu là hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang và hoạt động vũ trang nổi dậy của quần chúng.
2. Để tiết kiệm nguồn lực, chỉ cần xây dựng lực lượng vũ trang đủ khả năng tác chiến ở trình độ cao khi đất nước có chiến tranh.
3. Một trong những nguyên nhân tạo nên sức mạnh của quân dân Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là đã kết hợp được hoạt động của lực lượng vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng.
4. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đường lối kháng chiến của Việt Nam là đường lối toàn dân đánh giặc, trong đó hoạt động vũ trang của đông đảo quần chúng giữ vai trò quyết định.

Chủ để 7. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Ở VIỆT NAM Từ NÃM 1986 ĐẾN NAY

1. KHÁI QUÁT VỂ CÔNG cuộc ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành lần đầu tiên được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc

A. lần thứ IV (1976). B. lần thứ V (1982).

c. lần thứ VI (1986). D. lần thứ VII (1991).

Câu 2. Trọng tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) là tập trung vào lĩnh vực

A. chính trị. B. kinh tế. c. văn hoá. D. tư tưởng.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là đúng về đường lối đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986 đến năm 1995)?

1. Đổi mới kinh tế phải gắn với tăng cường kiểm soát, kế hoạch hoá.
2. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị và văn hoá, xã hội.

c. Đổi mới kinh tế phải đi sau đổi mới chính trị để tránh gây bất ổn.

D. Đối mới kinh tế gắn với xây dựng cơ chế bao cấp, kế hoạch hoá.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là đúng về đường lối đối mới trong hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (tù’ năm 1986 đến năm 1995)?

1. Coi trọng đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.
2. Tập trung vào giải quyết quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc.

c. Coi quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong đối ngoại.

D. Chỉ phát triển quan hệ với Nga và nhóm các nước Á - Âu.

Câu 5. Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới về kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006 là

1. công nghiệp hoá, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
2. đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

c. bước đầu xoá bỏ cơ ché quản lí quan liêu và bao cấp.

D. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp.

Câu 6. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996 - 2006) có nội dung nào sau đây?

1. Bước đàu xoá bỏ cơ chế quản lí tập trung, quan liêu, bao cấp.
2. Ban hành hiến pháp, tăng cường quyền làm chủ của nhân dân.
3. Chú trọng ngoại giao phá vây, phá the bị bao vây, bị cẩm vận.
4. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lí kinh tế và chủ động hội nhập.

Câu 7. Trong giai đoạn đầu của công cuộc Đổi mới (1986 - 1995), Việt Nam đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây về đối ngoại?

1. Chủ động thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
2. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.
3. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Mỹ.
4. Chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

Câu 8. Một trong những nội dung của đường lối đổi mới đất nước (từ năm 2006 đến nay) là

1. chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện và sâu rộng.
2. ngoại giao phá vây và nỗ lực bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế.

c. đẩy mạnh công nghiệp hoá, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

D. đổi mới kinh tế phải đi sau đổi mới chính trị để tránh gây bất ổn.

Câu 9. Trong quá trình hội nhập quốc té (từ năm 2006), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đối mới lĩnh vực nào sau đây là then chốt, trọng tâm?

A. Chính trị. B. An ninh. C. Xã hội. D. Kinh tế.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đường lối đối mới văn hoá ở Việt Nam trong những năm 1996 - 2006?

1. Xây dựng nền văn hoá với đặc điểm: dân tộc, khoa học, đại chúng.
2. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
3. Xoá bỏ tàn dư phong kiến, lạc hậu trên lĩnh vực văn hoá, to tưởng.
4. Học tập mô hình xây dựng văn hoá của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 11. Trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 2006 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển nhận thức về

A. mô hình kinh tế tập trung và bao cấp.

B. công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

c. lộ trình, kế hoạch gia nhập ASEAN.

D. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 12. Trong công cuộc Đổi mới, để gây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, Việt Nam đã coi lĩnh vực nào sau đây là quốc sách hàng đâu?

A. An ninh. B. Giáo dục. c. Xã hội. D. Kinh tế.

Câu 13. Trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986), văn hoá được coi là

A. nền tảng tinh thần của xã hội. B. trọng tâm hàng đầu của chính sách đổi mới

c. nền tảng chính trị của xã hội. D. lĩnh vực thứ yếu trong đổi mới đất nước.

Câu 14. Nhận xét nào sau đây là đúng về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam?

1. Đổi mới hệ thống chính trị là trọng tâm, là ưu tiên số một.
2. Đổi mới nhưng không thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

c. Đổi mới phải gắn với xây dụng nền kinh tế kế hoạch hoá.

D. Đổi mới phải gắn với chiến lược ưu tiên công nghiệp nặng.

Câu 15. Một trong những mục tiêu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (1986 - 1995) là

1. hoàn thành quá trình công nghiệp hoá đất nước.
2. đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.

c. phải hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc té.

D. phải đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là đúng về Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1996 đến năm 2006?

1. Đổi mới gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Bước đàu xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.

c. Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, thoát khỏi khủng hoảng.

D. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

Câu 17. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986) không có nội dung nào sau đây?

1. Đổi mới hệ thống chính trị gắn với xây dựng nhà nước pháp quyền.
2. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

c. Đổi mới kinh tế phải đi sau đổi mới chính trị và văn hoá xã hội.

D. Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung và quan liêu.

Câu 18. Ý nào sau đây không phải là nội dung đường lối đổi mói đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 - 1995?

1. Thực hiện chuyển cơ chế tập trung, quan liêu sang cơ chế thị trường.
2. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

c. Đổi mới gắn với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

D. Ổn định tình hình kinh tế - xã hội, từng bước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 19. Ý nào sau đây không phải là nội dung đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006?

1. Đổi mới gắn với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Coi giáo dục - đào tạo và khoa học ” công nghệ là quốc sách hàng đầu.

c. Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Đẩy lùi lạm phát, từng bước đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 20. Phương án nào sau đây không phải là nội dung đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn từ năm 2006 đến nay?

1. Kiềm chế lạm phát phi mã, từng bước thoát khỏi khủng hoảng.
2. Hoàn thiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

c. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

D. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với kinh tế tri thức.

Câu 21. Đường lối đổi mới đất nước được Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu đề ra (từ năm 1986) xuất phát từ một trong những cơ sở nào sau đây?

1. Rút kinh nghiệm từ quá trình cải cách, mở cửa của các nước.
2. Thành công của Liên Xô trong những năm 80 của thế kỉ XX.

c. Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh kết thúc.

D. Sự hình thành trật tự đơn cực sau khi Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đố.

Câu 22. Việt Nam bắt đầu công cuộc Đổi mới đất nước trong bối cảnh

1. đất nước phát triến và có vị thế cao trên trường quốc tế.
2. đất nước lâm vào tình trạng khó khăn và khủng hoảng.

c. trật tự thế giới đon cực do Mỹ đứng đầu được thiết lập.

D. cuộc đối đầu giữa hai phe, hai cực đang diễn ra căng thẳng

Câu 23. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân căn bản của việc Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước?

1. Đây là chu kì hoạt động thường xuyên, liên tục của sự phát triến.
2. Đe theo kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

c. Đe tiếp tục thúc đẩy những thành tựu của quá trình hiện đại hoá.

D. Đối mới đế đáp ứng các yêu cầu gia nhập tố chức Liên hợp quốc.

Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh yếu tố chủ quan quyết định Việt Nam phải tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước (từ năm 1986)?

1. Liên Xô và các nước Đông Âu đạt nhiều thành tựu sau cải tổ.
2. Xu thế quốc tế hoá đã xuất hiện và ngày càng diễn ra mạnh mẽ.

c. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Việt Nam trở nên trầm trọng.

D. Do sự đòi hỏi của quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự thay đổi trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế thời kì Đổi mới?

1. Từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động, tích cực hội nhập toàn diện và sâu rộng.
2. Từ phát triển quan hệ đa phương sang tập trung vào các đối tác chiến lược toàn diện, c. Từ đa dạng hoá quan hệ đối ngoại sang tập trung phát triển quan hệ với nước lớn.

D. Từ tập trung vào các nước trong khu vực sang hướng giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Câu 26. Nội dung xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là

1. dựa vào đối ngoại song phương làm nền tảng.
2. thực hiện đối ngoại hướng vào các nước lớn.

c. thực hiện đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở.

D. tập trung vào các đối tác chiến lược toàn diện.

Câu 27. Đường lối đổi mới kinh tế của Việt Nam (từ năm 1986) có nội dung xuyên suốt là

1. đối mới gắn với công nghiệp hoá toàn diện đất nước.
2. đối mởi gắn với hiện đại hoá và kinh tế tri thức.

c. hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện.

D. đổi mới cơ chế quản lí kinh tế theo hướng hiệu quả.

Câu 28. Từ tháng 12-1986, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đổi mới kinh tế làm trọng tâm vì lí do nào sau đây?

1. Các thế lực thù địch tập trung tấn công với ý đồ làm sụp đổ nền kinh tế Việt Nam.
2. Nguồn gốc của tình trạng trì trệ trước Đổi mới là do cơ chế kinh tế không phù hợp.

c. Đổi mới kinh té không tác động đến các vấn đề chính trị và an ninh nên cần ưu tiên.

D. Không thể tiến hành đổi mới chính trị nếu chưa hoàn thành xong đổi mới kinh tế. Câu 29. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm không xuất

phát từ lí do nào sau đây?

1. Rút kinh nghiệm từ những sai lầm của Đảng Cộng sản Liên Xô khi cải tổ.
2. Cần đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của quần chúng nhân dân về đời sống.
3. Không thể đổi mới các lĩnh vực khác nếu chưa hoàn thành đổi mới kinh tế.
4. Kinh tế phát triển là cơ sở để tiến hành đổi mới trên nhũng lĩnh vực khác.

Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng quan điểm của Đảng Cộng sản

Việt Nam về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị?

1. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.
2. Đổi mới kinh tế phải đi trước mở đường cho đổi mới chính trị và các lĩnh vực khác.
3. Đổi mới chính trị ỉà căn bản, quyết định đổi mới kinh tế và tất cả các lĩnh vực xã hội.
4. Tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực - thực phấm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khấu ...*

*Ba chương trĩnh mục tiêu ỉà nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, phải được tập trung cao độ sức người, sức của để thực hiện ...*

*Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tể và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kình tế. Kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghía... ”.*

*(Đảng Cộng* sản Việt Nam, *Vãn kiện Đảng toàn tập,* Tập 47, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.898 - 899, 902)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra chủ trương xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp và xây dựng cơ chế quản lí kinh tế mới.
2. Thực hiện ba chương trình kinh tế là nhiệm vụ chủ yếu của toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội, được tiến hành ngay sau năm 1975.
3. Mục tiêu của ba chương trinh kinh tể là giải quyết các vấn đề dân sinh cấp bách và bước đầu hướng đến xuất khẩu.
4. Các chính sách đổi mới kinh té của Đảng nhằm xoá bỏ rào cản, tạo động lực cho toàn bộ nền kinh tế vượt qua khủng hoảng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Tháng 6-1991, Đại hội đại biếu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Cương lĩnh xây đựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội... Phát triên các quan diêm đôi mới của Đại hội VI, Đại hội VII chủ trương tiếp tục triến khai công cuộc Đôi mới nói chung và cải cách kỉnh tế nói riêng, về kỉnh tế, Đại hội đã có kết luận quan trọng khi cho rằng sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu của nên văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định xây dựng cơ chế vận hành nền kỉnh tê nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa “cơ chế thị trường có sự quản lỉ của Nhà nước ” băng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Với định hướng đó, quyên tự chủ của các đơn vị kinh tế được chủ trọng hơn, cùng với sự đối mới phương thức quản lí của Nhà nước đối với các thành phần kỉnh tế”.*

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam,* Tập IV, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, tr.511)

1. Sản xuất hàng hoá là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, càn xoá bỏ trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường tự vận hành đế tháo gỡ mọi khó khăn trong phát triển.
3. Nhận thức về kinh tế thị trường và các phương thức quản lí nó là một đổi mới bước ngoặt về tư duy của Đảng.
4. Cương lĩnh năm 1991 góp phần quan trọng vào hoạch định đường lối đổi mới và làm rõ nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản săc dãn tộc đế văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triến đất nước và bảo vệ Tố quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dụng, phát triên, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất đế khơi dậy truyền thống yêu nước, niêm tự hào dãn tộc, niềm tin, khát vọng phát triến đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phấm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và dộng lực phát triển quan trọng nhât của đất nước ”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biếu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.l 15 - 116)

1. Trong đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định văn hoá là sức mạnh nội sinh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Đe có thể đưa văn hoá thành sức mạnh, cần tập trung bảo tồn, duy trì nền văn hoá truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc, tránh bổ sung các yếu tố văn hoá mới.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu, và là mục tiêu của sự phát hiển văn hoá và xã hội.
4. Chính sách văn hoá đúng định hướng của Đảng góp phần tạo nên sự ổn định và lành mạnh hoá xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tể.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Vê quan hệ giữa đôi mới kinh tê và đôi mới chính trị, phải tập trung làm tôt đối mới kinh tê, đáp ứng những đòi hỏi căp bách của nhân dân vê đòi sông, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất — kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điêu kiện quan trọng đế tiến hành thuận lợi đôi mới trong lĩnh vực chính trị. Đông thời với đôi mới kình tế phải từng bước đối mới tố chức và phương thức hoạt động của hệ thông chỉnh trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhãn dãn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc ỉần thứ VII,*

NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.54)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, là điều kiện thuận lợi để đổi mới chính trị.
2. Cần ưu tiên đổi mới kinh tế vì chỉ có thể đổi mới các lĩnh vực khác sau khi đã xây dựng hoàn thiện điều kiện vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm phải nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
4. Thực tiễn cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam có nhũng bước đi phù hợp trong đổi mới chính trị, thận trọng nhưng không bảo thủ, trì trệ.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Đen Đại hội IX (4-2001), khái niệm kinh tế thị trường đã ra đời, khắng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hĩnh kinh tê tông quát của nước ta trong thời kì quá độ. Mục đích của việc phát triến kinh tê thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triên kinh tê đê xây dựng cơ sở vật chât — kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sổng nhãn dân... Kinh tê thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hĩnh thức sở hữu, nhiều thành phân kinh tê, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thế ngày càng trở thành nền tảng vững chăc ”.*

(Võ Văn Sen, *Lịch sử kinh tế Việt Nam,* NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phổ Hồ Chí Minh, 2017, tr.393)

1. Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam thời kì quá độ là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Mục tiêu của quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.
3. Đặc điểm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là có ba thành phần kinh tế, trong đó kinh tể nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
4. Kinh tế thị trường là phương thức để thực hiện mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sổng của nhân dân.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tắt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tỉnh hoa văn hoá nhăn loại, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế... Nâng cao vai trò của văn hoá, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ. Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hoả, nghệ thuật của môi người dân và cộng đồng. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát trỉến công nghiệp văn hoá;*

*phát triên những sản phâm, loại hĩnh văn hoá độc đáo, sáng tạo có sức lan toả đế quảng bá, giới thiệu ra thế giới*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biếu toàn quốc lẩn thứ XIII,* Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.143)

1. Trong thời kì Đối mới, Đảng chủ trương phát huy giá trị văn hoá truyền thống, hạn chế tác động của các yểu tố bên ngoài.
2. Mục tiêu của xây dựng nền văn hoá Việt Nam thời kì Đổi mới là tạo động lực cho sự phát triển đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng.
3. Các hoạt động văn hoá, quan hệ văn hoá, thiết ché văn hoá hướng vào bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực; bồi đắp cho con người phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực.
4. Đảng chủ trương phát triển công nghiệp văn hoá phải gắn liền với việc quảng bá, lan toả hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; từ đó góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế.

B. THÀNH Tựu cơ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG cuộc ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM Tơ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. về chính trị, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
2. Xây dựng được mô hình Nhà nước chuyên chính vô sản.

c. Xoá bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới, dân chủ.

D. Thay đôi phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 2. Một' trong những thành tựu chính trị của việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986) là

1. xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản.
2. bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền.

c. duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

D. thực hiện xong xoá đói, giảm nghèo.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu đổi mới chính trị của Việt Nam (từ năm 1986)?

1. Tăng cường chế độ chuyên chính vô sản.
2. Mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

c. Tăng cường thành phần kinh tế tư nhân.

D. Các vấn đề an sinh xã hội được cải thiện

Câu 4. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu kinh tế Việt Nam trong thời ki Đổi mới?

1. Trở thành nước có thu nhập cao nhất Đông Nam Á.
2. Hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. c. Trở thành một trong ba trung tâm tài chính của thế giới.

D. Đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là đúng về các thành phần kinh tế ở Việt Nam thời kì Đổi mới?

1. Kinh tế tư nhân không được khuyến khích để phát triển.
2. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò chủ đạo. c. Các thành phần kinh tế đều phát huy được lợi thế.

D. Các thành phần kinh tế có vai trò, vị trí như nhau.

Câu 6. Một trong nhũng thành tựu mà kinh tế Việt Nam đạt được trong thời kì Đổi mới là

1. chuyển dịch cơ cấu kinh té theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp.
2. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng nông nghiệp, c. trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao.

D. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá do Nhà nước quản lí hiệu quả. Câu 7. Từ khi thực hiện Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu kinh tế nào sau đây?

1. Hoàn thành quá trình công nghiệp hoá sớm so với mục tiêu.
2. Trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao. c. Hình thành nền kinh té thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

D. Trở thành thành viên sáng lập của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 8. Đọc đoạn trích: “Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3 512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008”.

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vẩn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.31) Theo đoạn tư liệu, Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây về đổi mới kinh tế?

1. Gia nhập nhóm nước có thu nhập đầu người cao.
2. Không còn thuộc nhóm nước có thu nhập thấp, c. Trở thành nền kinh tế lớn nhất trong ASEAN.

D. Trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong WTO. Câu 9. về văn hoá - xã hội, Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong thời kì Đổi mới?

A. Xoá hoàn toàn hộ nghèo. B. Giảm tỉ lệ hộ nghèo,

c. Phổ cập giáo dục đại học. D. Bước đầu xoá mù chữ.

Câu 10. Trong thời Iđ Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu văn hoá - xã hội nào sau đây?

1. Giải quyết được vấn đề lao động và việc làm.
2. Xoá bỏ được tình trạng lao động thất nghiệp, c. Chỉ số phát triển con người đứng đầu ASEAN.

D. Miễn phí mọi chi phí về y tế cho nhân dân.

Câu 11. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam thực hiện chế độ ưu đãi xã hội đối với đối tượng nào sau đây?

1. Người cao tuổi (từ 70 tuổi ừở lên). B. Người có công với Tổ quốc,

c. Trí thức được đào tạo ở nước ngoài. D. Doanh nhân thành đạt.

Câu 12. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu văn hoá - xã hội nào sau đây?

1. Giải quyết vấn đề lao động và việc làm.
2. Không còn tình trạng lao động thất nghiệp.

c. Chỉ số phát triển con người đứng đầu ASEAN.

D. Miễn phí mọi chi phí y tế cho toàn dân.

Câu 13. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu giáo dục nào sau đây?

1. Phổ cập giáo dục trung học phổ thông.
2. Thực hiện giáo dục miễn phí cho toàn dân.

c. Triển khai phong trào Bình dân học vụ.

D. Phổ cập giáo dục ở cấp trung học cơ sở.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về thành tựu văn hoá ở Việt Nam từ sau năm 1986?

1. Nhiều di sản văn hoá được UNESCO ghi danh.
2. Bước đầu công bố Đề cương văn hoá Việt Nam.

c. Lập xong hồ sơ cho tất cả các di sản văn hoá.

D. Công nhận gia đình văn hoá cho tất cả các hộ.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đủng một thành tựu hội nhập quốc tế của Việt Nam thời kì Đổi mới?

1. Trở thành thành viên chính thức của Liên họp quốc.
2. Tham gia nhiều diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế.
3. Trở thành thành viên thường trực Hội đồng Bảo an.
4. Giữ gìn hoà bình ở tất cả các điểm nóng trên thế giới.

Câu 16. về hội nhập quốc tế, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây?

1. Tăng cường các mối quan hệ song phương và đa phương.
2. Thành lập liên minh quân sự với các nước Đông Dương.

c. Có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc.

D. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với tất cả các nước ASEAN.

Câu 17. Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa của thành tựu kinh tế của Việt Nam thời kì Đổi mới?

1. Tạo điều kiện thuận lợi để hội nhập quốc tế toàn diện.
2. Đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

c. Cải thiện đời sống và thu nhập của các tầng lóp nhân dân.

D. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á.

Câu 18. Những thành tựu đổi mói chính trị ở Việt Nam sau năm 1986 có ý nghĩa nào sau đây?

1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
2. Mở ra cơ hội để gia nhập Liên họp quốc.

c. Là cơ sở tiên quyết để đổi mới kinh tế.

D. Là điều kiện đầu tiên để đổi mới văn hoá.

Câu 19. Thành tựu đổi mới văn hoá - giáo dục ở Việt Nam (từ năm 1986) có ý nghĩa nào sau đây?

1. Đưa Việt Nam trở thành nước đầu tiên trong khu vực phổ cập trung học phổ thông.
2. Bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống và tạo ra các giá trị văn hoá mới tiến bộ. c. Sáng tạo ra các giá trị văn hoá mới, triệt tiêu hoàn toàn các tàn dư của văn hoá cũ.

D. Nâng cao chất lượng giáo dục, trở thành quốc gia có nền giáo dục tốt nhất châu Á.

Câu 20. Nhận xét nào sau đây ghi nhận Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị?

1. Đổi mới toàn diện trong đó trọng tâm và đi đầu là đổi mới chính trị.
2. Đổi mới chính trị đi trước tạo điều kiện pháp lí cho đổi mới kinh tế.

c. Hoàn thành xây dựng nhà nước pháp quyền phù họp với kinh tế thị trường.

D. Xây dựng nền kinh tế thị trường phù họp với chế độ xã hội chủ nghĩa

Câu 21. Thực tiễn những thành tựu đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) đã chứng tỏ

1. đường lối đối mới của Đảng là nhân tố quyết định thành công.
2. đổi mới chính trị luôn đi trước mở đường cho đối mới kinh tế.

c. các yếu tố bên ngoài quyết định thành công của công cuộc Đổi mới.

D. đổi mới văn hoá - giáo dục cần được ưu tiên hơn các lĩnh vực khác.

Câu 22. Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) cho thấy

1. đổi mới chỉ thành công khi lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.
2. đổi mới chính trị luôn đi trước mở đường cho đổi mới kinh tế.

c. đổi mới phải hướng đến phục vụ sự phát triển của con người.

D. phải áp dụng triệt để các mô hình cải cách, mở cửa của phương Tây.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam?

1. Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.
2. Từng bước đưa Việt Nam ra khỏi nhóm quốc gia có thu nhập trung bình.

c. Ổn định chính trị - xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Tạo điều kiện nội lực để đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

Câu 24. Thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã ghi nhận

1. sự kết hợp giữa ý Đảng và lòng dân trong mọi hoàn cảnh.
2. nguồn vốn ngoại lực có vai trò quyết định đến thành công.

c. sự đúng đắn của chính sách tư nhân hoá toàn bộ nền kinh tế.

D. sự ủng hộ tuyệt đối của dư luận quốc tế có vai trò quan trọng.

Câu 25. Thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam (tù’ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây?

1. Cần hạn chế tiêu cực của kinh tế thị trường vì đó là sản phấm của chủ nghĩa tư bản.
2. Cần tiến hành tư nhân hoá, tự do hoá toàn bộ nền kinh tế để giải phóng sức sản xuất, c. Cần đổi mới toàn bộ các ngành kinh tế với tốc độ nhanh nhất để thúc đẩy sản xuất.

D. Cần phải xây dựng nền kinh tế thị trường với mục tiêu phục vụ lợi ích của nhân dân. Câu 26. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng một bài học kinh nghiệm rút ra

từ thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986?

1. Kiên định và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng phải có lộ trình, bước đi phù hợp.

c. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, trong đó chính trị là quyết định.

D. Kết họp yếu tố nội lực và yếu tố ngoại lực, kết họp sức mạnh dân tộc và thời đại. Câu 27. Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986) không có sự kết hợp giữa

A. kế thừa và phát triển. B. đối mới kinh tế và đổi mới chính trị.

c. độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế. D. đa nguyên và đa đảng.

Câu 28. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986?

1. Luôn quán triệt quan điểm lấy “dân làm gốc”.
2. Luôn lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.

c. Phải giảm tối đa can thiệp của nhà nước vào thị trường.

D. Từng bước thực hiện chính sách đa nguyên về chính trị.

Câu 29. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Khỉ tiến hành cải tổ - cải cách nhằm khắc phục những khuyết tật sai lầm, những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác lại liên tiếp phạm thêm sai lầm nghiêm trọng nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm trâm trọng, rối loạn tới mức không còn kiểm soát được tình hĩnh, đưa tới sự sụp đô của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này... Từ những đổ vỡ ẩy, nhiều bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách - đổi mới nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vĩ giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyên thông văn hoá của môi quốc gia dãn tộc ”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

Sự thất bại trong công cuộc cải cách, cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây:

1. Đổi mới toàn diện nhưng phải phù họp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước.
2. Yếu tố quyết định của đổi mới là động lực và những nguồn lực từ bên ngoài.

c. Lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, tránh đổi mới chính trị vì dễ gây mất kiểm soát.

D. Đổi mới phải kết hợp thực hiện đa nguyên về kinh tế với đa nguyên về chính trị. Câu 30. Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) cho thấy tầm quan trọng của

1. đổi mới chính trị làm yếu tố tiên quyết để đổi mới các lĩnh vực khác.
2. đổi mới tư duy làm cơ sở cho xây dựng đường lối, cơ chế, chính sách.

c. đổi mới văn hoá là cơ sở đầu tiên cho đổi mới kinh tế, chính trị, xã hội.

D. đổi mới tư duy đối ngoại vì ngoại lực là yếu tố quyết định để hội nhập.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc Đoi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lí luận về đường lôi đôi mới, vê chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ỷ nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kỉnh tế được nâng lên. Đời sống nhân dãn cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biếu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 103 - 104)

1. Ngay khi tiến hành Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoàn thiện lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
2. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là cương lĩnh chính trị đầu tiên trong lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt cơ sở cho đổi mới đất nước.
3. Thành tựu của công cuộc Đổi mới đã chứng minh đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và ngày càng được hoàn thiện.
4. Một trong những ý nghĩa quan trọng về thành tựu của Đổi mới ở Việt Nam là không ngừng nâng cao vị thế và sức mạnh tống hợp của quốc gia.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,*7 *tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kỉnh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3 512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay, Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khấu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đâu thê giới. Công nghiệp phát triến khá nhanh, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiêm khoảng 85 % GDP. Tống kim ngạch xuất nhập khâu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khấu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng kí đạt gần 395 tỉ USD vào cuôi năm 2020 ”.*

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.31)

1. Đến năm 2020, Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất khu vực Đông Nam Á.
2. Nhờ đổi mới kinh tế thành công, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và xuất khẩu lương thực - thực phẩm đứng hàng đầu thế giới.
3. Trong thời ki Đổi mới, tỉ trọng công nghiệp tăng nhanh, nhờ đó, Việt Nam đã hoàn thành quá trình công nghiệp hoá đất nước.
4. Từ khi Đổi mới đất nước, Việt Nam đã trở thành điểm đến tiềm năng của các nhà đàu tư nước ngoài do ổn định về chính trị, nguồn nhân lực dồi dào với giá lao động rẻ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trên chặng đường thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỉ, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, nhất là đối với các mục tiêu về giảm nghèo, bình đắng giới và giáo dục... Việt Nam đã về đích sớm đối với Mục tiêu 1 về xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói từ năm 2002; hoàn thành phổ cập giáo dục tiếu học vào năm 2010 và tiến tới những mục tiêu cao hơn về phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phố thông. Việt Nam cũng đã cơ bản hoàn thành mục tiêu về bĩnh đang giới và nâng cao vị thế của phụ nữ; thành công trong việc kiểm soát sốt rét, một số dịch bệnh nguy hiếm, bước đầu ngăn chặn được sự lây lan HIV và đang trước ngưỡng hoàn thành Mục tiêu giảm tử vong ở trẻ em ”.*

(Nguyễn Thế Phương, “Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ”, Tạp chí *Cộng sản,* ngày 8-9-2015)

1. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập cấp trung học phổ thông trên toàn quốc từ năm 2010.
2. Trong 10 năm đầu Đổi mới đất nước, Việt Nam đã xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực, thiếu đói và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.
3. Việc hoàn thành một số mục tiêu Thiên niên kỉ đã góp phần nâng cao vị thế, ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.
4. Quá trình Đổi mới ở Việt Nam cho thấy có thể hoàn thành các mục tiêu Thiên niên kỉ ngay cả trong điều kiện nguồn lực hạn chế, nếu có sự cam kết mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, có sự thay đối cơ bản và toàn diện. Kỉnh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triên kinh tê thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sổng nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chỉnh trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cổ và tăng cường. Chỉnh trị-xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng năng cao. Sức mạnh tổng họp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.*

*Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sảng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lí luận về công cuộc Đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường di lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản ”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 65, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 177)

1. Công cuộc Đổi mới đất nước đã đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và hoàn thiện nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
2. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn.
3. Phát huy nội lực, đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.
4. Các thành tựu trong quá trình Đổi mới đất nước là một trong những cơ sở để Đảng nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ đề 8. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI
CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

1. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ ĐÂU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1945

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu trong những năm 1905 - 1909 diễn ra ở quốc gia nào sau đây?

A. Ấn Độ. B. Nhật Bản. C. Đức. D. Nga.

Câu 2. Với mục tiêu đánh đuổi thục dân Pháp để giành lại độc lập, năm 1905, Phan Bội Châu khởi xướng phong trào đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản để học tập, được gọi là phong trào

A. Đông du. B. cần vương. C. cải tiến. D. Duy tân.

Câu 3. Sau khi phong trào Đông du thất bại (1908), Phan Bội Châu chuyển hoạt động đối ngoại của mình chủ yếu sang quốc gia nào sau đây?

A. Đức. B. Trung Quốc. c. Triều Tiên. D. Nga.

Câu 4. Các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế Id XX nhằm mục đích nào sau đây? A. Thiết lập liên minh quân sự ở châu Á. B. Thành lập liên minh để chống phát xít.

1. Họp tác kinh tế với các nước láng giềng. D. Tìm kiếm sự giúp đỡ để chống Pháp.

Câu 5. Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh diễn ra chủ yếu ở quốc gia nào sau đây?

A. Pháp. B. Nhật Bản. c. Đức. D. Anh.

Câu 6. Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh hướng đến mục tiêu nào sau đây?

1. Thức tỉnh dư luận Pháp về vấn đề Đông Dương.
2. Thành lập liên minh quân sự để chống phát xít.

c. Tổ chức các hoạt động khởi nghĩa vũ trang.

1. Thành lập liên minh các dân tộc thuộc địa.

Cân 7. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ lực lượng nào sau đây?

A. Khối Hiệp ước. B. Phe Đồng minh. c. Nhật Bản. D. Đức và Ý.

Câu 8. Trong quá trình hoạt động cách mạng những năm 1920 - 1925, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

A. Tâm tâm xã. B. Mặt trận Việt Minh,

c. Hội Liên hiệp thuộc địa. D. Duy Tân hội.

Câu 9. Trong những năm 1944 - 1945, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ động liên lạc với lực lượng Đồng minh thông qua quốc gia nào sau đây để cùng đấu tranh chống Nhật Bản?

A. Mỹ. B. Ấn Độ. c. Phi-líp-pin. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 10. Các nhà yêu nước Việt Nam trong thập niên đầu thế kỉ XX tiến hành các hoạt động đối ngoại trong bối cảnh nào sau đây?

1. Con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến bị bế tắc.
2. Đảng Cộng sản Pháp đã thành lập và giúp đỡ cách mạng Việt Nam. c. Phong trào đấu tranh chống phát xít trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

D. Phong trào dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ngừng hoạt động.

Câu 11. Những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 - 1945) có một trong những mục đích nào sau đây?

1. Tranh thủ sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa.
2. Bước đầu gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.
3. Tiếp nhận sự viện trợ kinh tế của Trung Quốc.
4. Tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng thế giới.

Câu 12. Những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1930 - 1945 không có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Gắn kết cách mạng Việt Nam với các cuộc cách mạng vô sản.
2. Đưa Việt Nam trở thành lãnh đạo phong trào cách mạng châu Á.

c. Đưa Việt Nam trở thành bộ phận của phong trào chống phát xít.

D. Góp phần vào công cuộc chống chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Người Pháp có hải lục quân, thì chúng tôi có lòng dãn toàn quôc Việt Nam; người Pháp có viện trợ của các nước đế quốc chủ nghĩa trên thế giới, thì chúng tôi có sự viện trợ của các nước bĩnh dãn chủ nghĩa trên toàn thế giới. Thảng lợi cuôỉ cùng thuộc vê Đảng chủng tôi*

(Phan Bội Châu, *Phan Bội Châu toàn tập,* Tập 3, NXB Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.602)

1. Phan Bội Châu chủ trương tìm kiếm sự viện trợ của các nước cốt đế chống thực dân Pháp.
2. Các hoạt động đối ngoại của Phan Bội . Châu đàu thế kỉ XX đều nhằm hướng tới thành lập một mặt trận chống Pháp trên toàn Đông Dương.
3. Theo Phan Bội Châu, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam cần có viện trợ từ bên ngoài.
4. Nhũng hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đã bước đầu gắn kết phong trào yêu nước Việt Nam với thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Giữa năm 1921, tại Pháp, Nguyễn Ải Quốc cùng một sổ nhà cách mạng của An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Ma-đa-ga-xca,... thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa... Với tư cách Trưởng Tiểu ban Đông Dương của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ai Quốc cũng đã góp phần quan trọng vào việc tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dãn Pháp ở các thuộc địa, đông thời tiên hành tuyên truyền tư tưởng Mác — Lê-nin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc ”.*

(Dinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam,* Tập III, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.322)

1. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông năm 1921.
2. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc có mục đích tố cáo tội ác của chủ nghĩa đe quoc.
3. Hoạt động đối ngoại sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản.
4. Hội Liên hiệp thuộc địa là cơ quan lãnh đạo cao nhất của toàn bộ phong trào kháng chiến ở các thuộc địa của Pháp.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“1. Huỷ bỏ tất cả các hiệp ước mà Pháp đã kỉ với bat kì nước nào.*

1. *Tuyên bố các dân tộc bình đắng và hêt sức giữ hoà bình.*
2. *Kiên quyết chổng tất cả các lực lượng xâm phạm đên quyên lợi của nước Việt Nam.*
3. *Mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cáp vô sản trên thế giới".*

(Trích *Chương trình của Việt Minh,* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.l 14)

1. Mặt trận Việt Minh (ra đời năm 1941) khẳng định các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng.
2. Các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Việt Minh hướng đến mục tiêu giành độc lập dân tộc.
3. Mặt trận Việt Minh chủ trương thành lập mặt trận thống nhất của tất cả các dân tộc bị áp bức trên bán đảo Đông Dương.
4. Hoạt động đối ngoại của Mặt trận Việt Minh góp phần gắn cách mạng Việt Nam với phong trào dân chủ chống phát xít trên thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trong các tháng 3 và 4-1945, tại Côn Minh, nhãn danh Việt Minh, Hồ Chí Minh tiếp xúc với cơ quan cứu trợ không quân Mỹ (AGAS), Trung uỷ Sác-lơ Phen, Tướng Sê-nô và A. Pát-ti, thoả thuận về phương thức hợp tác giữa Việt Minh và Mỹ,... Đầu tháng 5-1945, trước khi về nước, Hồ Chỉ Mình gửi cho A. Pát-ti một bức thư cùng hai tài liệu đề nghị chuyến cho phái đoàn Mỹ ở Hội nghị Liên hợp quôc, kêu gọi ủng hộ nên độc lập của Việt Nam.*

*... Giữa tháng 5-1945, Hồ Chí Minh yêu cầu Trung uý Giôn, báo vụ Cơ quan tình báo chiến lược Hoa Kỳ (OSS), điện về Côn Minh đề nghị thả dù cho Người một quyến Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ. Giữa tháng 6-1945, Hồ Chỉ Minh đến xóm Lũng Cò (xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) khảo sát địa hình và tìm hiếu tĩnh hình về mọi mặt, chọn địa điếm làm sân bay đế đón quân Đông minh.*

*... Chiều 17-7-1945, Đội “Con Nai" gồm 5 người nhảy dù xuống Tân Trào, Tuyên Quang (trong Khu Giải phóng Việt Bắc), được Việt Minh đón tiếp nồng nhiệt và chu đáo, mặc dù trong hoàn cảnh rãt khó khăn ”.*

(Vũ Quang Hiển, “Hồ Chí Minh và quan hệ của Mặt trận Việt Minh với các nước Đồng minh chống phát xít (1941 - 1945)”, Tạp chí *Nhịp cầu tri thức,* đăng ngày 1-9-2016)

1. Đầu năm 1945, tại Trung Quốc, Hồ Chí Minh tiếp xúc với phái bộ Mỹ đang hoạt động chống Nhật.
2. Một trong các mục tiêu của Hồ Chí Minh khi tiếp xúc với phái bộ Mỹ ở Côn Minh năm 1945 là yêu cầu chi viện cho cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam.
3. Hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh của phe Đồng minh chống phát xít.
4. Sự hợp tác giữa Việt Nam và lực lượng Đồng minh trong giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai vì lợi ích của cả hai bên.
5. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975 Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (1945), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước khó khăn nào sau đây?

1. Chưa được quốc gia nào công nhận độc lập.
2. Chỉ được Lào và Cam-pu-chia công nhận độc lập.

c. Chỉ được Liên Xô và Trung Quốc công nhận độc lập.

D. Các nước tư bản chủ nghĩa không công nhận độc lập.

Câu 2. Một trong những hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau Cách mạng tháng Tám là

A. gửi yêu cầu ngùng bắn đến nước Pháp. B. gửi công hàm đến Liên họp quốc.

c. yêu cầu nước Pháp trao trả độc lập. D. thành lập Liên minh Việt - Miên - Lào.

Câu 3. Một trong những nội dung các công hàm của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tới một số quốc gia ngay sau Cách mạng tháng Tám là

1. yêu cầu phía Trung Hoa Dân quốc rút khỏi Việt Nam.
2. khẳng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam.

c. yêu cầu thực dân Pháp và thực dân Anh trao trả độc lập.

D. khẳng định tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương.

Câu 4. Trước ngày 6-3-1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

1. Hoà Pháp để đuổi Tưởng.
2. Hoà Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

c. Hoà hoãn với cả Pháp và Tưởng.

D. Hoà hoãn với Anh để đánh đuổi Nhật.

Câu 5. Tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí văn bản ngoại giao nào sau đây với Pháp?

A. Hiệp định Sơ bộ. B. Hiệp ước Nhâm Tuất,

c. Tạm ước Việt - Pháp. D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 6. Trong năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đạt được thành tựu ngoại giao nào sau đây?

1. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc.
2. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân quốc.

c. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với tất cả các nước dân chủ.

D. Buộc Pháp phải công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập và tự do.

Câu 7. Trong những năm 1947 - 1949, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có hoạt động nào sau đây để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế?

1. Thành lập liên minh với Lào và Cam-pu-chia.
2. Mở cơ quan đại diện ở một số nước châu Á.

c. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Câu 8. Để tăng cường tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương, trong thời kì 1945 - 1954, tổ chức nào sau đây được thành lập?

1. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.
2. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

c. Liên minh Việt - Miên - Lào.

D. Liên minh dân tộc dân chủ Đông Dương.

Câu 9. Ngay sau năm 1954, Việt Nam đã tiến hành hoạt động ngoại giao nào sau đây để thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước?

1. Gửi công hàm đến Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.
2. Nâng đấu tranh ngoại giao thành một mặt trận chống Mỹ.

c. Thành lập Liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương.

D. Gửi công hàm đến chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan.

Câu 10. Thời kì 1954 - 1975, nhân dân ba nước Đông Dương có hoạt động nào sau đây để tăng cường tinh thần đoàn kết chống kẻ thù chung?

1. Tổ chức Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương.
2. Kỉ niệm thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương hằng năm. c. Đồng loạt gửi công hàm lên Liên họp quốc đòi độc lập.

D. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất Đông Dương.

Câu 11. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), sự kiện chính trị nào sau đây đã biểu thị quyết tâm của ba nước Đông Dương trong đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung?

1. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia họp.
2. Thành lập Liên minh Việt - Miên - Lào.

c. Thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Dương.

D. Phối họp thành lập mặt trận dân tộc thống nhất chung.

Câu 12. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cục diện “vừa đánh, vừa đàm” được mở ra từ thời điểm nào sau đây?

A. 1965. B. 1968. c. 1973. D. 1975.

Câu 13. Theo bản Hiệp định Pa-ri được kí ngày 27-1-1973, Mỹ đã phải công nhận

1. các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
2. Việt Nam là quốc gia độc lập thuộc Liên hiệp Pháp.

c. quyền tham gia các tổ chức quốc tế của Việt Nam.

D. Việt Nam là quốc gia tự do và dân chủ.

Câu 14. Một trong những chính sách đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) là

1. củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
2. củng cố, phát triển quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

c. bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Ấn Độ.

D. họp tác toàn diện với Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp.

Câu 15. Sau năm 1973, hoạt động ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đạt được thành công nào sau đây?

1. Bước đầu thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.
2. Thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước tư bản chủ nghĩa.

c. Tố chức được Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN.

Câu 16. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), ngoại giao Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây?

1. Thành lập được liên minh chiến đấu với các nước Đông Nam Á.
2. Được Trung Quốc, Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

c. Trở thành thành viên chính thức của tổ chức Liên hợp quốc.

D. Hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến.

Câu 17. Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (1954), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không gặp khó khăn nào sau đây trong các hoạt động ngoại giao?

1. Mỹ thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam lâu dài.
2. Chiến tranh lạnh ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.

c. Chỉ có Liên Xô và Trung Quốc là nhũng nước công nhận độc lập. D. Có sự hoà hoãn và thoả hiệp giữa các nước lớn.

Câu 18. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) với Pháp nhằm mục tiêu nào sau đây?

1. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến.
2. Tăng cường hợp tác toàn diện với Pháp về kinh tế.

c. Hợp tác với Pháp để chống Trung Hoa Dân quốc. D. Nâng cao vị thế trong Liên bang Đông Dương.

Câu 19. Các hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp những năm 1945 - 1946 không hướng đến mục tiêu nào sau đây?

1. Bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng.
2. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế với cuộc kháng chiến.

c. Tránh đối đàu cùng lúc với nhiều kẻ thù.

D. Trở thành một thành viên của tổ chức ASEAN.

Câu 20. Nội dung nào phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

1. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.
2. Mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” trong cuộc kháng chiến.

c. Mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

D. Khẳng định sự thất bại hoàn toàn của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 21. Bối cảnh kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954), Hiệp định Pa-ri về kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973) có điểm tương đồng nào sau đây?

1. Có sự hoà hoãn giữa các nước lớn.
2. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

c. Liên Xô và Trung Quốc đang có bất đồng.

D. Ngoại giao đã trở thành một mặt trận.

Câu 22. Nhiệm vụ căn bản, quan trọng nhất của ngoại giao Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) là

1. tăng cường thu hút viện trợ và đầu tư nước ngoài.
2. phục vụ sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước.

c. đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đôi ngoại.

D. nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 23. Nội dung nào sau đây không phải là hạn chế trong điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

1. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài.
2. Vấn đề thống nhất của Việt Nam chưa thể thực hiện được ngay.

c. Đất nước đang tạm thời bị chia cắt thành hai miền Bắc - Nam.

D. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở phía Bắc vĩ tuyến 17.

Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 — 1954) và đế quốc Mỹ (1954 — 1975) ở Việt Nam?

1. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
2. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.

c. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.

D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Với cương vị Chủ tịch Chỉnh phủ Lãm thời của nước Việt Nam Dãn chủ Cộng hoà kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chỉ Minh đã công bố “chính sách ngoại giao của Chính phủ lâm thời”... Nhiệm vụ của ngoại giao nước ta làm rõ trước toàn thê giới ba điều khắng định:*

1. *Việt Nam là một nước tự do độc lập.*
2. *Nhãn dãn Việt Nam quyết tâm bảo vệ nền tự đo dộc lập ấy, bất cứ ai xâm phạm đến nền tự do độc lập ẩy đểu bị nhân dãn Việt Nam chông lại.*
3. *Nhân dân Việt Nam đoàn kết với nhân dân các nước, phấn đấu duy trì hoà bình ổn định giữa các nước trong khu vực và thế giới, tôn trọng công lí và luật pháp quôc tế”.*

(Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chỉ Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, ứ. 34 - 35)

1. Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam sau năm 1945 là khắng định Việt Nam là một quốc gia tự do, thuộc khối Liên hiệp Pháp.
2. Cụm từ “nhân dân Việt Nam đoàn kết với nhân dân các nước” trong đoạn tư liệu (ý số 3) được hiểu là nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa.
3. Ngoại giao là một phương thức để thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc Việt Nam.
4. Cụm từ “ba điều khẳng định” trong đoạn tư liệu là chỉ những chính sách nhất thời, ngắn hạn của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Ngày 11-3-1951, các đại diện Mặt trận Khơ-me ít-sa-rẳc, Mặt trận Lào it-xa-la và Mặt trận Liên Việt của Việt Nam đã họp hội nghị thành lập Mặt trận Đoàn kết Liên minh Việt - Miên - Lào. Hội nghị xác định:*

1. *Ba dãn tộc Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cuộc kháng chiến của ba dãn tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào hoà bĩnh, dân chủ thế giới. Nhiệm vụ của cách mạng tại ba nước Đông Dương là đánh đuối bọn xâm lược Pháp và canh thiệp Mỹ, làm cho ba nước hoàn toàn độc lập, xây dựng ba quốc gia mới, làm cho nhân dân ba nước được tự do, sung sướng và tiến bộ.*
2. *Thành lập liên minh nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia dựa trên nguyên tắc tự nguyên, bình đăng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, định ra một chương trình hành động chung của liên minh ba nước.*
3. *Thành lập Uỷ ban liên minh gồm các ông: Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Sơn Ngọc Minh, Tu-xa-mủt, Xu-pha-nu-vông, Nu-hẳc.*
4. *Công bố một tuyên ngôn nói rõ ý nghĩa và mục đích thành lập Liên minh nhân dân ba nước, gây một phong trào ủng hộ Liên minh đó trong nhân dân ba nước ”.*

(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 129 - 130)

1. Liên minh Việt - Miên - Lào được thành lập vào năm đầu tiên của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
2. Một trong những cơ sở để thiết lập liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương là các nước có chung kẻ thù.
3. Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương góp phần làm thất bại âm mưu thủ đoạn “chia để trị” của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.
4. Sự ra đời của Liên minh Việt - Miên - Lào chứng tỏ lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân ba nước Đông Dương đã đoàn kết trong chiến đấu.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*‘‘Nhìn tổng quát, trong suốt cuộc chiến tranh, ngoại giao đóng vai trò một mặt trận đấu tranh tầm cỡ chiến lược với ba chức năng lớn:*

* *Phôi hợp và hô trợ chiến trường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đảm bảo cho ta càng đánh càng mạnh, làm cho địch suy yếu và thất bại.*
* *Tăng cường hậu phương quốc tế của ta, gắn Việt Nam với thế giới, tạo cho ta sức mạnh tống hợp, làm suy yếu hậu phương quốc tế của Mỹ, làm cho Mỹ vấp nhiều khó khăn trên thê giới và ngay trong nước Mỹ.*
* *Giải quyết vấn đề thẳng thua, ta thẳng, địch thua, kết thúc chiến tranh. Ta thẳng đến đâu buộc Mỹ thua đên đâu, giành thẳng lợi từng bước thế nào, đấy Mỹ ra khỏi miền Nam thế nào? ”.*

(Nguyễn Khắc Huỳnh, *Ngoại giao Việt Nam: Góc nhìn và suy ngẫm,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.94 - 95)

1. Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cửu nước là tăng cường sức mạnh của hậu phương.
2. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh ngoại giao giữ vai trò là một mặt trận, kết họp với mặt trận quân sự giành thắng lợi từng bước.
3. Sự tích cực, chủ động của hoạt động ngoại giao đã góp phàn vào hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ dân tộc Việt Nam chống Mỹ.
4. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh ngoại giao đảm nhiệm ba nhiệm vụ và hoàn toàn phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Nhân dân Việt Nam chúng tôi yêu chuộng hoà bình, một nên hoà bình chân chỉnh trong độc lập và tự do thật sự. Nhân dân Việt Nam quyêt chiên đâu đên cùng, không sợ hỉ sinh gian khố, đế bảo vệ Tố quốc và các quyên dân tộc thiêng liêng của mình...*

*Ngài* [Ních-xơn] *bày tỏ lòng mong muôn hành động cho một nên hoà bình công băng. Muốn vậy, Mỹ phải chấm đứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhãn dân miên Nam và dãn tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài. Đó là cách đúng đăn đê giải quyêt vãn đề Việt Nam...*

(Hồ Chí Minh, “Thư trả lời Tổng thống Mỹ Ri-sớt Ních-Xơn ngày 25-8-1969”, trích trong: *Hồ Chí Minh toàn tập,* Tập 15,

NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.602 - 603)

1. Việt Nam là dân tộc yêu chuông hoà bình, dân chủ nhưng không bao giờ nhân nhượng đối phương trong quá trình đàm phán.
2. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.
3. Một trong những mục tiêu của đối ngoại Việt Nam thời kì chống Mỹ, cứu nước là buộc các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
4. Trong đấu tranh ngoại giao với Mỹ, Việt Nam luôn kết hợp giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ và ngọn cờ dân tộc chính nghĩa.

N G đoi 1975 ĐẾN NAY

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Giai đoạn 1975 - 1985, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

1. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Mỹ.
2. Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa.

c. Hợp tác toàn diện với các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Câu 2. Một trong những chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1985 là

1. cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á.
2. tăng cường quan hệ toàn diện với Trung Quốc.

c. đàm phán kết thúc chiến tranh với đế quốc Mỹ.

D. nâng quan hệ với Nga lên tầm đối tác chiến lược.

Câu 3. Một trong những hoạt động có ý nghĩa quốc tế của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985 là

1. tăng cường quan hệ toàn diện với Trung Quốc.
2. tăng cường quan hệ toàn diện với tất cả các nước tư bản.

c. giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ Khơ-me Đỏ.

D. giúp Lào hoàn thành mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 4. Trong khoảng 10 năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam coi trọng phát triển quan hệ ngoại giao toàn diện với quốc gia nào sau đây?

A. Anh. B. Liên Xô. c. Mỹ. D. Pháp.

Câu 5. Trong việc tiến hành Đổi mới đất nước (từ năm 1986), hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung thực hiện mục tiêu nào sau đây?

A. Phá thế bị bao vây, cấm vận. B. Tham gia tất cả tổ chức quốc tế.

c. Trở thành thành viên của Liên hợp quốc. D. Tham gia phong trào Không liên kết. Câu 6. Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức nào sau đây?

1. Liên minh chính trị - quân sự Vác-sa-va.
2. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

c. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Câu 7. Năm 1991, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với quốc gia nào sau đây?

A. Mỹ. B. Trung Quốc. c. Nhật Bản. D. Thái Lan.

Câu 8. Một trong những thành công của Việt Nam trong việc phá thế bao vây, cấm vận (1995)là

1. bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.
2. bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

c. gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

D. được kết nạp vào Liên hợp quốc.

Câu 9. Trong quá trình Đổi mới đất nước (từ năm 1986), Việt Nam tiến hành hoạt động ngoại giao để thực hiện mục tiêu nào sau đây?

1. Đấu tranh thống nhất đất nước.
2. Trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

c. Buộc Mỹ công nhận quyền dân tộc cơ bản.

D. Nâng cao vị thế cùa quốc gia dân tộc.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới?

1. Củng cố quan hệ toàn diện với các đối tác truyền thống.
2. Coi quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong đối ngoại.

c. Chỉ tập trung phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh nhất Đông Nam Á. Câu 11. Một trong những thành tựu của ngoại giao Việt Nam thời kì Đối mới là

1. trở thành thành viên của Liên hợp quốc.
2. thành lập Liên minh Việt - Miên - Lào.

c. tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. bắt đầu tham gia phong trào Không liên kết.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh quốc tế khi Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại trong thời kì Đổi mới?

1. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ.
2. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện.

c. Phong trào Không liên kết được khởi xướng

D. Quan hệ Liên Xô - Trung Quốc căng thẳng.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những chính sách đối ngoại của Việt Nam khi đất nước tiến hành Đổi mới (từ năm 1986)?

A. Muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế.

B. Tập trung phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

c. Tập trung phát triển quan hệ toàn điện với Liên Xô.

D. Trở thành thành viên của tất cả các tô chức quôc tê.

Câu 14. Một trong những chính sách đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt Nam thời kì Đoi mới là

1. phát triển quan hệ với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á.
2. chỉ củng cố, phát triển quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

c. coi Liên Xô là đối tác chiến lược toàn diện duy nhất.

D. phá thế bị bao vây, cô lập và gia nhập Liên hợp quốc.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh quốc tế khi Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại thời kì Đổi mới?

1. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây vừa xuất hiện.
2. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

c. Quan hệ giữa ASEAN và ba nước Đông Dương căng thẳng.

D. Quan hệ giữa các nước lớn căng thẳng và xung đột leo thang.

Câu 16. Sau năm 1986, Việt Nam có đóng góp nào sau đây đối với cộng đồng quốc tế?

1. Gửi quân đội trực tiếp tham chiến chống Mỹ ở châu Phi.
2. Tham gia hỗ trợ nhân đạo, giúp đỡ các quốc gia khó khăn.

c. Đảm nhiệm vị trí thường trực Hội đồng Bảo an Liên họp quốc. D. Viện trợ vũ khí cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 17. Yếu tố quốc tế nào sau đây không tác động đến việc điều chỉnh chính sách đối ngoại của Việt Nam khi tiến hành Đổi mới (từ năm 1986)?

1. Cách mạng khoa học - công nghệ phát triển nhanh.
2. Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

c. Cục diện vừa cạnh tranh vừa hoà hoãn giữa các nước lớn. D. Cuộc chạy đua vũ trang căng thẳng giữa hai cực, hai phe.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng cơ sở thực tiễn Việt Nam coi trọng quan hệ với Liên Xô như “hòn đá tảng” và “là nguyên tắc” trong hoạt động đối ngoại những năm 1975 - 1985?

1. Tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô trong bối cảnh đang bị bao vây, cô lập.
2. Liên Xô coi Việt Nam là đối tác chiến lược toàn diện duy nhất ở châu Á.
3. Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất tồn tại trong giai đoạn này. Đ. Quan hệ đối đàu và chạy đua vũ trang căng thẳng giữa Liên Xô và Mỹ.

Câu 19. Quan hệ giữa Việt Nam và quốc tế được cải thiện sau khi vấn đề nào sau đây được giải quyết?

A. Vấn đề Cam-pu-chia. B. Vấn đề chuyển quân, tập kết.

c. Vấn đề chính quyền. D. Vấn đề thống nhất đất nước.

Câu 20. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu nổi bật trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời ki Đổi mới?

1. Phá vỡ tình trạng đất nước bị bao vây và cấm vận.
2. Thiết lập quan hệ đối ngoại với các đối tác mới. c. Bình thường hoá quan hệ với Mỹ và Trung Quốc.
3. Gia nhập và thúc đẩy hợp tác với Liên hợp quốc.

Câu 21. Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới không có tác động nào sau đây?

1. Bước đầu thiết lập quan hệ với cách mạng thế giới.
2. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

c. Bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

D. Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, văn hoá và xã hội.

Câu 22. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt trong
đường lối đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1945 đến nay?

1. Hoạt động đối ngoại phải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Đối ngoại vì độc lập dân tộc, duy trì hoà bình và ổn định trong khu vực và thế giới.

c. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương và đa dạng hoá quan hệ ngoại giao.

D. Ưu tiên xây dựng quan hệ hợp tác với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là một trong những căn cứ để Đảng Cộng sản Việt Nam điều chỉnh đường lối đối ngoại sau năm 1986?

1. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ.
2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á vừa thành lập.

c. Đất nước đang bị lực lượng Khơ-me Đỏ chống phá.

D. Việt Nam đang gặp bất lợi trong quan hệ quốc tế.

Câu 24. So với các thời kì trước đó, hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ khi Đổi mới đạt được thành tựu mới nào sau đây?

1. Trở thành thành viên của phong trào Không liên két.
2. Là thành viên chính thức của tổ chức Liên họp quốc.

c. Chủ động hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới.

D. Thiết lập được quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Công cuộc Đôi mới băt đầu chưa được bao lâu thì cuối những năm 1980, đẩu những năm 1990, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đố, Liên Xô tan rã... Ngoại giao Việt Nam bước sang một giai đoạn mới trong bối cảnh quốc tế có những biến đối sâu sắc và phức tạp. Đặc biệt, các mối quan hệ đoi tác - đối thủ, hợp tác - cạnh tranh diễn ra nhiều chiêu, đan xen nhau, đòi hỏi ngoại giao phải nâng cao tỉnh linh hoạt, chủ động và sáng tạo... Năm băt đặc diêm đó của tình hình quốc tế, ngoại giao đã chuyên hướng mạnh sang phục vụ kinh tê và đê làm được điểu đó, chủng ta đã ra sức tạo môi trường on định và điểu kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ sự hợp tác của các nước... ”.*

(Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.56 - 57)

1. Theo đoạn trích, bối cảnh quốc tế cuối những năm 80, đầu nhũng năm 90 của thế kỉ XX có nhiều thay đổi và phức tạp.
2. Sự tan rã của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một yếu tố thúc đẩy Việt Nam điều chỉnh chính sách đối ngoại.
3. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, ngoại giao Việt Nam chuyến hắn từ ngoại giao chính trị sang ngoại giao kinh tế.
4. Một trong những bài học từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là phải chủ động, sáng tạo, dựa vào nước ngoài đế đưa ra chính sách.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Sức mạnh ngoại giao là một dạng “sức mạnh mêm ” và ngoại giao đóng vai trò quan trọng tạo dựng thêm thế và lực của đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, ngoại giao đa phương ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt. Bên cạnh chủ thê chính của quan hệ quôc tế cồn có các chủ thế khác là các tố chức liên chỉnh phủ và phi chỉnh phủ, các công ty xuyên quốc gia,... Thực tiễn quốc tế cho thấy, các nước vừa và nhỏ vãn có thế tham gia hiệu quả và có vai trò quan trọng trong các tố chức quốc tế như Liên hợp quốc, WTO,... Đó là kinh nghiệm bổ ích về hoạt động chỉnh trị quốc tế mà Việt Nam có thế tham khảo*

(Nguyễn Dy Niên, *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2009, tr.336)

1. Từ xưa đến nay, hoạt động ngoại giao trên thực tế chỉ bao gồm các quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực.
2. Trong thời đại ngày nay, các quốc gia vừa và nhỏ luôn gặp những khó khăn khi tham gia các tổ chức quốc tể.
3. Ngoại giao góp phần nâng cao vị thế đất nước, thậm chí có thể đi trước mở đường cho đấu tranh chính trị và quân sự.
4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạt động đối ngoại là phải tích cực, chủ động, theo sát tình hình, tận dụng thời cơ để nâng cao *vị* thể.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Sau chiến tranh của đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp. Cuối những năm 1970 và trong những năm 1980, trong tình thế Việt Nam bị bao vây và cẩm vận, ngoại giao đã tăng cường đoàn kêt, hợp tác giữa các nước Đông Dương, tranh thủ đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, nỗ lực cải thiện quan hệ với một sổ nước ASEAN, phá âm mưu và hoạt động tập hợp lực lượng chống Việt Nam của đối phương. Những hoạt động ngoại giao tích cực của Việt Nam đã góp phần đưa đến việc giải quyết vấn dề Cam-pu-chia bang giải pháp chính trị, mở các đột phá tháo gỡ những trở ngại trong các quan hệ song phương và đa phương, từ đó bình thường hoá quan hệ với tẩt cả các nước lớn, các nước láng giềng và khu vực, góp phần mở ra cục diện mới về đôi ngoại ”.*

(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 ~ 2000,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.446 - 447)

1. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao Việt Nam từ sau chiến thắng Xuân năm 1975 là tìm hướng phá thế bị bao vây và cấm vận.
2. Việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng giải pháp quân sự đã tháo gỡ những trở ngại trong các quan hệ song phương và đa phương của Việt Nam.
3. Các hoạt động đối ngoại tích cực của Việt Nam sau năm 1975 đã đưa Việt Nam thoát khỏi khó khăn, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
4. Thành tựu của ngoại giao Việt Nam thời kì Đối mới cho thấy việc cân bằng mối quan hệ với các nước lớn là vô cùng quan trọng để duy trì ổn định.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"Tính sáng tạo và chủ động tiến công của ngoại giao Việt Nam hiện đại còn được thể hiện qua các hoạt động hết sức năng động của ta trong thời kì có cuộc khủng hoảng Cam-pu-chia. Ngoại giao đã góp phần làm thất bại kế hoạch của các thế lực thù địch thành lập cái gọi là Mặt trận quốc tế chống Việt Nam về vấn đề Cam-pu-chia. Ta đã chủ động mở các cuộc đối thoại với các nước ASEAN, đặc biệt là In-đô-nê-xia và Ma-laỉ-xi-a, về vấn đê Cam-pu-chia và hoà bĩnh, on định ở Đông Nam Ả... Các hoạt động ngoại giao trong thời kì này đã góp phân phá âm mưu của đối phương bao vây, cô lập Việt Nam và đã chứng tỏ không thê giải quyết vấn đề liên quan đến Đông Nam Ả mà không tỉnh đến vai trò của Việt Nam*

(Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.104 - 105)

1. Việt Nam đã thành công trong việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng giải pháp hoà bình.
2. Đe giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam đã huy động sự giúp đỡ từ các nước láng giềng.
3. Các hoạt động đối ngoại tích cực, sáng tạo của Việt Nam từ sau năm 1975 đã phá vỡ thế bị bao vây, cô lập và đưa Việt Nam từng bước hội nhập quốc tế.
4. Đẻ giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam luôn giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ, ngọn cờ chính nghĩa và tuyệt đối không nhân nhượng.

Chủ đề *9,* HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH sử VIỆT NAM

1. KHÁI QUÁT VÉ cuộc ĐỜI VÀ sự NGHIỆP CỦA HỔ CHÍ MINH

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trước khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911), tình hình Việt Nam có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

1. Mâu thuẫn giữa công nhân với địa chủ phong kiến và tay sai là cơ bản.
2. Thực dân Pháp câu kết với tay sai mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược.

c. Phong trào chống Pháp và tay sai diễn ra sôi nổi nhưng đều bị thất bại.

D. Khuynh hướng cứu nước phong kiến và dân chủ tư sản cùng xuất hiện.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố cơ bản tác động đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước (1911) của Nguyễn Tất Thành?

1. Phong trào yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng tư sản đã chấm dứt.
2. Đất nước bị mất độc lập, sự nghiệp cứu nước rơi vào khủng hoảng, bế tắc. c. Phong trào đấu tranh chống Pháp và phong kiến tay sai đã ngừng hoạt động.

D. Nhân dân phản đối cuộc đấu tranh chống Pháp của các sĩ phu phong kiến.

Câu 3. Yếu tố nào sau đây không ảnh hưởng đến hành trình cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh (1911 - 1969)?

1. Đất nước bị mất độc lập, nhân dân bị áp bức, bóc lột.
2. Truyền thống gia đình và sự nhận thức của cá nhân.

c. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây và xu thế toàn cầu hoá.

D. Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và quê hương.

Câu 4. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng (1911 - 1969), Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được kế thừa những truyền thống nào sau đây của quê hương Nghệ An và gia đình?

1. Truyền thống khoa bảng và tinh thần chống phát xít.
2. Yêu chuộng hoà bình, chống chủ nghĩa phát xít.

c. Truyền thống hiếu học và chống phát xít.

D. Truyền thống yêu nước, hiếu học và đoàn kết.

Câu 5. Từ năm 1890 đến năm 1911, Nguyễn Tất Thành có hoạt động tiêu biểu nào sau đây?

1. Dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết).
2. Hoạt động yêu nước ở Pháp, Liên Xô.

c. Trình bày tham luận ở Hội nghị Véc-xai (Pháp).

D. Mở lớp đào tạo cán bộ ở Trung Quốc.

Câu 6. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh có nhiều tên gọi khác nhau, nhưng không sử dụng tên gọi nào sau đây?

A. Nguyễn Ái Quốc. B. Nguyễn Tất Đạt.

c. Nguyễn Tất Thành. D. Văn Ba.

Câu 7. Trong những năm 1911-1919, Nguyễn Tất Thành có hoạt động tiêu biểu nào sau đây?

1. Tìm hiểu thực tiễn các nước trên thế giới.
2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

D. Thành lập Thanh niên Cộng sản đoàn.

Câu 8. Trong những năm 1920 - 1930, hoạt động yêu nước và cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không có sự kiện nào sau đây?

1. Xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản.
2. Lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

c. Trở về nước và trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc.

D. Chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9. Trước khi trở về Việt Nam (1941) để trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở

A. Triều Tiên. B. Lào. C. Hà Lan. D. Liên Xô.

Câu 10. Nội dung nào sau đây ghi nhận Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo chủ chốt trong lịch sử dân tộc (từ năm 1945 đến năm 1969)?

1. Chủ trì các hội nghị của Đảng, hoạch định đường lối cách mạng.
2. Chỉ huy các chiến dịch trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ.

c. Kết nối phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

D. Trực tiếp chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và giải phóng Xuân năm 1975.

Câu 11. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò nổi bật nào sau đây?

1. Hoạch định đường lối xây dựng và bảo vệ chế độ mới.
2. Đe ra kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy ở Việt Bắc.

c. Chủ trì Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

D. Trực tiếp chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 12. Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

A. Anh. B. Liên Xô. c. Pháp. D. Trung Quốc.

Câu 13. Nội dung nào sau đây không đúng về yếu tố gia đình ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh?

1. Nguyễn Sinh sắc đúc kết và chia sẻ về sự thất bại của con đường dân chủ tư sản.
2. Truyền thống yêu nước và hiếu học của quê hương luôn được gia đình nuôi dưỡng, c. Thân mẫu của Hồ Chí Minh xuất thân trong một nhà nho yêu nước, sống chan hoà. D. Thân phụ của Hồ Chí Minh là một người thầy mẫu mực trong dạy chữ và dạy người.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Tôi* [Hồ Chí Minh] *tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quỷ nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dãn ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... ”.*

(Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí, bài đăng trên báo *Cứu quốc,* số 147, ngày 21-1-1946).

1. Đoạn tư liệu khắng định nguyên tắc của nhà lãnh đạo là phải trung thành tuyệt đối với nhân dân.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định luôn cống hiến trọn đời mình cho nhân dân và Tổ quốc.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí về quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục lịch sử cho chiến sĩ, động viên quân đội trước giờ ra trận.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước dã trở thành thuộc địa, nhãn dãn phải chịu cuộc sống lầm than, tiếp thu truyền thổngyêu nước của dân tộc, gia đình và quê hương, Nguyễn Tất Thành sớm có ỷ chỉ đánh đuối thực dân, giải phóng đồng bào. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, nhưng Người không tán thành những con đường của họ mà quyết tâm ra đi tìm một con đường cứu nước mới. Nguyễn Tất Thành hướng tới phương Tây, nơi có khoa học lã thuật phát triển và những tư tưởng dân chủ tự do, đế tìm hiếu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đổng bào. Ngày 5-6-1911, lây tên là Nguyên Văn Ba, làm phụ bếp cho một tàu buôn của Pháp, Nguyên Tất Thành rời Ben cảng Nhà Rồng, băt đâu cuộc hành trình tìm đường cứu nước ”.*

(Vũ Quang Hiến (Chủ biên), *Tuyên ngôn Độc lập: Những khát vọng vê quyển dân tộc và quyền con người,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013, tr. 108)

1. Điểm mới và độc đáo tong quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành (1911) là việc xác định mục đích và lựa chọn hướng đi.
2. Việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911) đã giải quyết được sự khủng hoảng về đường lối cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam.
3. Chứng kiến cảnh đất nước bị mất độc lập, được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình, Nguyễn Tất Thành sớm có ý chí cứu nước, giải phóng dân tộc.
4. Kế thừa tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, giữa năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Bến cảng Nhà Rồng, hướng sang phương Đông để bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Tháng 6-1919, khi các nước đế quốc tổ chức Hội nghị Véc-xai, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dãn An Nam.* Bản Yêu sách đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

Bản Yêu sách dù không được Hội nghị Véc-xai chấp nhận, nhưng đã trở thành tuyên ngôn chính trị báo hiệu sự mở đầu của giai đoạn mới trong việc phát triển phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam. về sau, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”.

1. Nước Mỹ yêu cầu Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dãn An Nam* tới Hội nghị Véc-xai.
2. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đã mở đầu cho một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.
3. Bản *Yêu sách của nhãn dãn An Nam* buộc nước Pháp phải trao trả cho Việt Nam một số quyền lợi.
4. Sau sự kiện “Hội nghị Véc-xai”, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: Độc lập dân tộc chỉ có thể giành được bằng sức mình là chính.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Trong thời gian hoạt động ở Pháp (1918 - 1923), Nguyễn Ái Quốc có nhiều quyết định quan trọng: Gửi đến Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919) để đòi quyền lợi cho dân tộc; Quyết định lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản (1920); Bước đàu chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị để thành lập Đảng Cộng sản của Việt Nam.

Trong những năm hoạt động ở Trung Quốc (1924 - 1927), Nguyễn Ái Quốc tiếp tục chuẩn bị về tư tưởng, chính trị; chuẩn bị về tổ chức, mở nhiều lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

1. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian hoạt động ở nước Pháp.
2. Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng xã hội.
3. Nguyễn Ái Quốc lụa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc khi hoạt động ở Liên Xô.
4. Từ năm 1920, hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc gắn với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.
5. HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Yếu tố nào sau đây quyết định đến việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911)?

1. Đất nước bị khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước.
2. Những truyền thống của gia đình và quê hương xứ Nghệ.

c. Mong muốn tìm hiểu, khám phá lịch sử văn minh thế giới.

D. Chế độ phong kiến không còn phù họp với dân tộc.

Câu 2. Giữa năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định chọn hướng đi nào sau đây để mở đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam?

A. Hướng về phương Đông. B. Hướng sang phương Tây.

c. Hướng về phương Nam. D. Hướng về phương Bắc.

Câu 3. “ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực” là nhận định của Nguyễn Tất Thành sau khi

1. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
2. tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

c. lựa chọn con đường theo khuynh hướng vô sản.

D. tìm hiểu và qua thực tiễn hoạt động ở nhiều nước.

Câu 4. Sự kiện nào sau đây không có trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước (1911 - 1920) của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc?

1. Tham gia hoạt động trong tổ chức Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp.
2. Bỏ phiếu tán thành việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế thứ ba do Lê-nin sáng lập. c. Gặp gỡ V.I. Lê-nin trong Đại hội thành lập Quốc thế thứ ba tổ chức tại Mát-xcơ-va. D. Gửi tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đòi quyền lợi dân tộc.

Câu 5. Những hoạt động yêu nước ban đầu của Nguyễn Tất Thành (1911 - 1919) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Đặt cơ sở cho việc lựa chọn con đường cứu nước mới sau này.
2. Xác lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với các nước tư bản.

c. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

D. Đặt cơ sở cho việc xác định cuộc tư sản dân quyền cách mạng.

Câu 6. “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản” là quyết định của Nguyễn Ái Quốc khi đọc

1. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vẩn đề thuộc địa* của Lê-nin.
2. báo *Đời sống công nhãn,* báo *Nhân đạo* và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp.* c. báo *Thanh niên* - cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Tác phẩm *Đường Kảch mệnh* và các bài viết của Lê-nin đăng trên Tạp chí *Thư tín quốc tế.*

Câu 7. Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước (1911 - 1920), nhận thức nào sau đây của Nguyễn Tất Thành có sự khác biệt so với các nhà yêu nước đi trước?

1. Chỉ có đoàn kết mới đánh đuối được đế quốc, giải phóng dân tộc thoát khỏi áp bức.
2. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. c. Mâu thuẫn hàng đầu trong xã hội Việt Nam là giữa toàn thế dân tộc với đế quốc Pháp. D. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, trước tiên phải trở thành một người yêu nước.

Câu 8. Sự kiện nào sau đây ghi nhận cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc cho dân tộc Việt Nam đã kết thúc?

1. Gia nhập tổ chức Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp (1917).
2. Tham dự Đại hội thành lập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) năm 1919.

c. Lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản (1920).

D. Gửi tới Hội nghị Véc-xai (1919) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam.*

Câu 9. Con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc xác định có sự khác biệt hoàn toàn so với các con đường cứu nước trước đó về điểm nào sau đây? A. Hình thức, phương pháp đấu tranh. B. Mục tiêu trực tiếp, trước mắt.

c. Xác định đối tượng cách mạng. D. Phương hướng tiến lên.

Câu 10. Nội dung nào sau đây không đúng về ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam?

1. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về con đường cứu nước ở Việt Nam.
2. Chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

c. Chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Gắn phong trào cách mạng của Việt Nam với cách mạng thế giới.

Câu 11. Trong quá trinh chuẩn bị về tư tưởng, chính trị để thành lập Đảng Cộng Việt Nam (1919 - 1929), Nguyễn Ái Quốc có vai trò nổi bật nào sau đây?

1. Xây dựng lí luận cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng giai cấp.
2. Thành lập tổ chức cộng sản trên cơ sở phong trào công nhân đã đấu tranh tự giác.
3. Ra báo *Thanh niên* để phục vụ cho Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
4. Viết Cương lĩnh chính trị trước khi sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Câu 12. Trong quá trình chuẩn bị về tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản của Việt Nam

(1919 - 1929), Nguyễn Ái Quốc có sự sáng tạo nào sau đây?

1. Chủ nhiệm, kiêm chủ bút cho tờ báo *Người cùng khố* đế tuyên truyền cách mạng.
2. Xuất bản cuốn *Đường Kách mệnh,* bí mật gửi về nước để tuyên truyền cách mạng, c. Thành lập các tổ chức tiền cộng sản trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Viết tác phẩm *Bản án chế độ dân Pháp* để tố cáo những tội ác của thực dân Pháp.

Câu 13. Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930), vai trò nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Việt Nam? A. Xác định phương hướng tiến lên. B. Xác định lực lượng nòng cốt.

c. Xác định lực lượng cách mạng. D. Xác định giai cấp lãnh đạo.

Câu 14. Những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc hoạch định hoàn chỉnh trong tài liệu nào sau đây?

1. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930).
2. Tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927).

c. Luận cương chính trị của Đảng (10-1930).

D. Cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925).

Câu 15. Nội dung nào sau đây nhận định sai về ý nghĩa ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

1. Là kết quả cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp trong những năm 20 của thế kỉ XX.
2. Là sự kết hợp giữa phong trào cộng sản quốc tế và ta tưởng dân chủ ta sản phương Tây. c. Có sự kết họp chặt chẽ giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin và ta tưởng Nguyễn Ái Quốc. D. Kết hợp phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời ki mới.

Câu 16. Trong quá trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, nội dung nào sau đây là vai trò của Nguyễn Ái Quốc để chuẩn bị về lực lượng chính trị?

1. Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng.
2. Ra Chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc.

c. Sáng lập và mở rộng Việt Nam Độc lập Đồng minh.

D. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Câu 17. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì xác định nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là A. giải phóng giai cấp. B. cải cách ruộng đất.

1. xoá bỏ tàn dư phong kiến. D. giải phóng dân tộc.

Câu 18. Khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh (15-8-1945), Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân giành chính quyền bằng hình thức nào sau đây?

1. Sử dụng các lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong suốt quá trình khởi nghĩa.
2. Kết hợp lực lượng ba thứ quân trong tổng tiến công và nổi dậy trên toàn quốc, c. Tổng khởi nghĩa trong cả nước trước khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh.
3. Tổng khởi nghĩa trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 19. Trong quá trình lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã

1. tận dụng thời cơ để đẩy lùi nguy cơ.
2. kết họp đấu tranh chính trị và ngoại giao.

c. tiến hành tổng tiến công và nổi dậy.

D. tổng khởi nghĩa từ khi Nhật đảo chính Pháp.

Câu 20. Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo đã

1. làm phá sản chiến lược toàn cầu của Mỹ.
2. xoá bỏ được mọi tàn dư của chế độ phong kiến.

c. xoá bỏ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

D. khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 21. Trong việc giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp (từ đầu tháng 3 đến trước ngày 19-12-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã

1. thực hiện chủ trương “hoà để tiến”.
2. nhận viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.
3. đối đầu quân sự với thực dân Pháp.
4. từ chối thiết lập quan hệ với phương Tây.

Câu 22. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ đầu tháng 3 đến tháng 12-1946) có tác dụng nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

1. Buộc thực dân Pháp thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Sơ bộ.
2. Đã tránh được cuộc chiến tranh với thực dân Pháp sau này.

c. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

D. Chuẩn bị trực tiếp cho Đại hội đại biểu lần thứ II cỷa Đảng.

Câu 23. Nội dung nào sau đây không phải vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954 của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

1. Ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*
2. Chủ động kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.
3. Họp bàn, chỉ đạo các chiến dịch quan trọng.
4. Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

Câu 24. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu (1949 - 1950) đem lại tác dụng nào sau đây?

1. Tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến.
2. Đặt cơ sở cho Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
3. Buộc Chính phủ Trung Hoa Dân quốc rút hết quân ra khỏi Việt Nam.
4. Tạo điều kiện thuận lợi để miền Bắc Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 25. Trong vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh cỏ hoạt động nổi bật nào sau đây?

1. Lãnh đạo quân dân miền Nam tiến hành cuộc cải cách ruộng đất ở vùng giải phóng.
2. Xây dựng lực lượng ba thứ quân và trực tiếp lãnh đạo phong trào Đồng khởi (1960).
3. Chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960).
4. Xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 26. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

1. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
2. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.
3. Chống Mỹ trên hai mặt trận là quân sự và ngoại giao.
4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những vùng giải phóng.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"Bài đó* [íSơ *thảo lần thứ nhất những luận cương về vẩn đề dãn tộc và vẩn đề thuộc địa* của Lê-nin] *khó hiểu, vì có những từ ngữ mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đọc lại, và dần dần tôi hiểu ỷ nghĩa của nó một cách sâu sắc. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phẩn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quẩn chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đoạ đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đỏ tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba ”.*

(Hồ Chí Minh, “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin”, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 12, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.562)

1. Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba.
2. Việc Nguyễn Ái Quốc *“hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba”* đã mở ra cơ hội mới trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước.
3. Trước khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vẩn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa,* Nguyễn Ái Quốc đã đọc nhiều cuốn sách của Lê-nin.
4. Cụm từ *“đây là con đường giải phóng chúng ta!”* trong đoạn tư liệu trên chính là con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"... Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quẩc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác* [Hồ Chí Minh] *giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7... Giữa lúc công việc bộn bề như thế, Bác bỗng bị mệt... Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tĩnh hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập ”.*

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi kí,* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 129 - 130)

1. Đoạn tư liệu ghi nhận vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc chớp thời cơ, lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945.
2. Hồ Chí Minh xác định thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc từ khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
3. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được tính từ khi Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương (9-3-1945).
4. Bối cảnh nổ ra cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự đan xen giữa thời cơ và nguy cơ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"... Cuôn sách không đê tên tác giả và được lưu hành trong Việt kiêu ở Quảng Châu..., cuốn sách tóm tắt những bài giảng của đồng chí ẩy về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Cuốn “Đường Kách mệnh ” là sự tiếp theo một cách lô-gỉc cuôn “Bản án chê độ thực dân Pháp ”. Nêu trong cuôn “Bản án chê độ thực dân Pháp ”, Nguyễn Ai Quốc thẳng tay vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp trong những lãnh thổ thuộc địa bao la của chúng thì trong cuốn “Đường Kách mệnh ”, Nguyễn Ai Quốc vạch ra con đường cụ thê giải phóng dân tộc ”.*

(E. Cô-bê-lép, *Đồng chỉ Hồ Chỉ Minh,* NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1985, tr.142)

1. Cùng với báo *Thanh niên,* cuốn sách *Đường Kách mệnh* về sau trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dãn Pháp* và cuốn *Đường Kách mệnh* đều do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, phục vụ cho hoạt động cách mạng.
3. Trong cuốn *Đường Kách mệnh,* Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu vạch ra phương hướng, con đường cụ thể để giải phóng dân tộc Việt Nam.
4. Cuốn *Đường Kách mệnh* được xuất bản ở Quảng Châu (Trung Quốc), do Nguyễn Ái Quốc xuất bản để phục vụ cách mạng.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản của Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với ý kiến của Nguyễn Ái Quốc là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (về sau trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam).

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam: làm cuộc “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do. Lực lượng cách mạng toàn dân tộc (nòng cốt là công - nông). Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của gia cấp công nhân - sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh là “Độc lập, tự do”.

1. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản của Việt Nam diễn ra vào mùa xuân năm 1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).
2. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thòi kì khủng hoảng về con đường cứu nước giải phóng dân tộc trong nhiều thập kỉ.
3. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh khoa học và sáng tạo, được xây dụng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho các bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử Việt Nam.

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, tại Pác Bó (Cao Bằng), Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị nhấn mạnh mâu thuẫn dân tộc đang diễn ra gay gắt, yêu cầu phải tạm gác các nhiệm vụ khác để tập trung cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Hội nghị chủ trương “thay đổi chiến lược” và giải thích rõ về nội dung sự thay đổi đó: “Cmộc *cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dãn quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vẩn đề phản để và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp là dân tộc giải phóng”.*

Cùng với việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, những quyết định của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, ghi nhận sự trở lại của tư tưởng Nguyên Ai Quôc trong Cương lĩnh chính trị đầu năm 1930 và phát triển lên một tầm cao mới.

1. Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai đang ở giai đoạn cuối.
2. Hội nghị lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương tập trung vào giải quyết nhiệm vụ dân tộc giải phóng.
3. Tại Hội nghị lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã “khẳng định lại” tính chất cuộc cách mạng tư sản dân quyền.
4. Những quyết định trong Hội nghị lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương đã bổ sung và phát triển đường lối cách mạng Việt Nam lên tầm cao mới.

Câu 6. Cho bảng niên biểu một số sự kiện tiêu biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với cuộc

Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã tránh được việc đối đàu cùng lúc với nhiều kẻ thù.

| Thời gian | Nội dung sự kiện |
| --- | --- |
| 28-2-1946 | Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay cho quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản. |
| 3-3-1946 | Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, chọn giải pháp “hoà để tiến”. |
| 6-3-1946 | Tại Hà Nội, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với G. Xanh-tơ-ni - đại diện Chính phủ Pháp - bản Hiệp định Sơ bộ. |
| 14-9-1946 | Trong chuyến thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản Tạm ước, nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá. |
| 19-12-1946 | Ra *Lời kêu gọi toàn quốc khảng chiến,* cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng phát động và hoạch định đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp. |
| 1947- 1954 | Tham gia họp bàn và chỉ đạo các chiến dịch quan trọng trong suốt cuộc kháng chiến: Việt Bắc (1947), Biên giới thu - đông (1950), Điện Biên Phủ (1954),... |

kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954):

a) Từ tháng 3 đến tháng 12-1946, nhờ những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch

1. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giải quyết quan hệ Việt - Pháp (từ đầu tháng 3 đến trước ngày 19-12-1946) đã tránh được cuộc xung đột quân sự với Pháp.
2. Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quổc kháng chiến* đã chấm dứt giai đoạn “hoà hoãn tạm thời” giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người lãnh đạo cao nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần quyết định đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi (1954).

c. DẤU ẤN HỖ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Những quốc gia nào sau đây ở châu Âu có nhiều hoạt động vinh danh Chủ tịch HỒ Chí Minh?

A. Pháp, Nga.

c. Nga, Thuỵ Sĩ, Đức.

B. Pháp, Đức. D. Pháp, Hà Lan.

Câu 2. Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ một trong những lí do cơ bản nào sau đây?

1. Là đặc phái viên của Quốc tế Cộng sản, tham gia bảo vệ hoà bình thế giới.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho dân tộc Việt Nam.

c. Chủ tịch Hồ Chí Minh ủng hộ nhân dân Nam Phi chống chế độ A-pác-thai.

D. Có đóng góp trực tiếp vào giải quyết mâu thuẫn cuộc đối đầu Đông - Tây.

Câu 3. Năm 1987, cuộc họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 tại Pa-ri (Pháp) đã ra Nghị quyết số 24C/18.65, ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là

1. một nhà ngoại giao có tầm ảnh hưởng lớn ở châu Á trong thế kỉ XX.
2. nhà chính ừị, quân sự, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam thời phong kiến.
3. Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.
4. người vận dụng xuất sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam.

Câu 4. Hoạt động tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh của nhân dân các nước trên thế giới không có hình thức nào sau đây?

A. Xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh. B. Xây dựng quảng trường.

c. Xây dựng Lăng Chủ tịch. D. Xây dựng nhà lưu niệm.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phải điểm tương đồng về hình thức vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh của nhân dân thế giới và nhân dân Việt Nam?

1. Xây dựng Lăng Chủ tịch.
2. Xây dựng quảng trường, nhà lưu niệm.
3. Viết sách về Hồ Chí Minh.
4. Xây dựng công trình tưởng niệm.

Câu 6. Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì một trong những lí do cơ bản nào sau đây?

1. Là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ.
2. Góp phần vào xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
3. Là người Việt Nam đầu tiên xuất dương tìm đường cứu nước.
4. Là Tổng Bí thư và Chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là một trong những hình thức vinh danh và tri ân của các thế hệ người Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh?

1. Xây dựng ở mỗi xã một trường học mang tên Nguyễn Ái Quốc.
2. Tổ chức bán đấu giá cuốn sách *Bản án chế độ thực dãn Pháp.*

c. Đưa vào sách giáo khoa Lịch sử tất cả các bài viết của Nguyễn Ái Quốc.

D. Xây dựng hình tượng, nhân cách ứong văn học và nghệ thuật.

Câu 8. Năm 2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” để

1. phát động thế hệ trẻ đi học theo phong cách Hồ Chí Minh.
2. xây dựng hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn học.
3. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.
4. nâng cao năng lực học tập của nhân dân trong thời đại mới.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"... Chủ tịch Hổ Chí Minh, một biếu tượng xuất sắc về sự tự khắng định dãn tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ”.*

(Tập biên bản của Đại Hội đồng UNESCO, trích trong: *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.72 - 73)

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho dân tộc Việt Nam.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO ghi nhận có nhiều đóng góp cho nhân loại.
3. Liên hợp quốc đã ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là *“Anh hùng giải phóng dãn tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”* vào dịp kỉ niệm 45 năm Cách mạng tháng Tám thành công.
4. Nhân dân Việt Nam và thế giới vinh danh và tri ân Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức khác nhau và nối tiếp qua nhiều thế hệ.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"... Từ buôi thiều niên cho đênphút cuối cùng, Hổ Chủ tịch đã cống hiên trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thê giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khố hi sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”.*

*(Điêu văn của Ban Chấp hành Trung ưong Đảng Lao động Việt Nam* trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9-9-1969 tại Hà Nội, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật,

Hà Nội, 2011,tr.626)

1. Chử tịch Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam và thế giới.
2. Theo nội dung đoạn tư liệu, không chỉ tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục,...
3. UNESCO ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là *Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam* vào đúng dịp kỉ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. UNESCO ra nghị quyết yêu cầu các nước thống nhất việc xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tuyến đường chi viện chiến lược mang tên Hồ Chí Minh là con đường huyền thoại, biểu tượng cho khát vọng độc lập, tự do và thống nhất Tố quốc.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (1969), theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Đảng và Nhà nước đã xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Đen nay, hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển trên khắp cả nước.

Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976, Quốc hội khoá VI của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành “Thành phố Hồ Chí Minh”.

1. Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nổi tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau.
2. Các đường phố mang tên Hồ Chí Minh được thực hiện từ khi đất nước đổi mới.
3. Việc Quốc hội khoá VI quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành “Thành phố Hồ Chí Minh” cũng là một hình thức vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh.
4. Đến Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Phần ba

 MỘT só ĐỂ THAM KHÀO

Đế số 1

Phần I. Câu trắc nghiêm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Tháng 12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn liên bang đã thông qua văn kiện nào sau đây?

1. Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Liên Xô.
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Bôn-sê-vích liên minh với tư sản.

c. Sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất trên toàn Liên bang Xô viết.

D. Chính sách Kinh tế mới, sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất.

Câu 2. Chủ nghĩa xã hội được mở rộng sang khu vực Mỹ La-tinh sau thắng lợi của cách mạng ở quốc gia nào sau đây?

A. Bra-xin. B. Pê-ru. c. Cu-ba. D. Chi-lê.

Câu 3. Quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập trước sự xâm lược của thực dân phương Tây là

A. Lào. B. Xin-ga-po. c. Mi-an-ma. D. Xiêm.

Câu 4. Các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á giành được độc lập sau sự kiện nào sau đây?

1. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
2. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
3. Chủ nghĩa xã hội ở châu Âu đã mở rộng.
4. Cách mạng tư sản Mỹ giành thắng lợi.

Câu 5. Ở Việt Nam, triều đại nào sau đây đã ba làn lãnh đạo quân dân kháng chiến đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của quân Mông - Nguyên?

A. Lý. B. Trần. c. Lê. D. Nguyễn.

Câu 6. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789) là thắng lợi quân sự của quân dân Việt Nam

trong cuộc kháng chiến chống lại thế lực ngoại xâm nào sau đây?

A. Hán. B. Đường. c. Minh. D. Thanh.

Câu 7. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

1. Hội nghị Pốt-xđam được triệu tập (1945).
2. Cách mạng Trung Quốc thành công (1949).

c. Cách mạng Cu-ba giành thắng lợi (1959).

D. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô tan rã (1991).

Câu 8. Quốc gia nào sau đây là một trong nhũng thành viên sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Thái Lan. B. Lào. C. Việt Nam. D. Cam-pu-chia.

Câu 9. Trong năm 1975, quân dân miền Nam Việt Nam tổ chức chiến dịch quân sự nào sau đây?

A. Việt Bắc. B. Biên giới. C. Tây Nguyên. D. Điện Biên Phủ.

Câu 10. Đường lối đổi mới đất nước? của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2006 tập trung vào nội dung chính nào sau đây?

1. Thực hiện ba chương trình kinh tế lớn.
2. Hình thành cơ chế kế hoạch hoá.

c. Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát.

D. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Câu 11. Năm 1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia nào sau đây?

A. Liên Xô, Trung Quốc. B. Nhật Bản, Pháp.

c. Pháp, Liên Xô. ' ' D. Mỹ, Anh.

Câu 12. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức chính trị nào sau đây?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Tâm tâm xã.

c. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Việt Nam Độc lập Đồng minh.

Câu 13. Hội nghị I-an-ta (2-1945) không có quyết định nào sau đây?

A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít. B. Liên Xô có ảnh hưởng ở Đông Nam Á. c. Mỹ chiếm đóng miền Tây nước Đức. D. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 14. Đọc tư liệu sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Sự hình thành Cộng đổng đã đưa ASEAN trở thành một tô chức khu vực khá găn kêt với mức độ và phạm vi hợp tác được nâng cao hơn nhiều so với trước đây và đóng vai trò quan trọng đổi với hoà bình, on định, hợp tác và phát triến ở Đông Nam Ắ nói riêng và khu vực châu Ả - Thái Bĩnh Dương nói chung. Cộng đồng ASEAN năm 2015 là kết quả của tầm nhìn chung và nỗ lực của cả 10 nước thành viên trong triến khai Tầm nhìn ASEAN 2020 cùng hàng loạt chương trình và kế hoạch tiêp nôi sau đó đê hướng tới mục tiêu một ASEAN “gắn kết về chỉnh trị, liên kết về kinh tế và có trách nhiệm về xã hội”.*

(Vũ Hồ, “ASEAN: Hành trình năm mươi lăm năm từ quá khứ đén tương lai”, Tạp chí *Cộng sản online,* ngày 29-8-2022)

Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Nâng cao mức độ gắn kết và hợp tác hiệu quả giữa các thành viên.
2. Đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh.

c. Nâng cao mức độ nhất thể hoá khu vực với một đồng tiền chung.

D. Đưa ASEAN trở thành tổ chức liên minh khu vực chặt chẽ nhất.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của quân dân Việt Nam?

1. Có sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa từ đầu cuộc kháng chiến.
2. Sự đoàn kết trong chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

c. Đường lối lãnh đạo khoa học, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam.

D. Hậu phương kháng chiến ngày càng được củng cố và mở rộng.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của quân dân Việt Nam?

A. Là thời cơ cho giải phóng miền Nam. B. Buộc Mỹ rút quân viễn chinh về nước, c. Mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm. D. Chuyển cách mạng sang thế tiến công.

Câu 17. Công cuộc Đổi mới (từ năm 1986) ở Việt Nam đạt được thành tựu cơ bản nào sau đây?

1. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất ASEAN.
2. Đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

c. Giúp Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá.

D. Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao trên thế giới.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thành tựu của ngoại giao Việt Nam sau năm 1986?

1. Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
2. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.

c. Trở thành thành viên chính thức của tổ chức Liên hợp quốc.

D. Trở thành đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ từ năm 2010.

Câu 19. Các hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1945 - 1946 có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Hoàn chỉnh đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp.
2. Buộc thực dân Pháp phải công nhận Việt Nam độc lập.

c. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong kháng chiến.

D. Giúp Việt Nam nhận được nhiều viện trợ từ các nước.

Câu 20. Năm 1987, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) ra Nghị quyết số 24C/18.65, ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là *Anh hùng giải phỏng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam* vì Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. có những đóng góp riêng trong lĩnh vực văn hoá.
2. có những đóng góp riêng trong lĩnh vực quân sự.

c. tiêu biểu cho ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân loại.

D. tích cực tham gia vào sự nghiệp giáo dục của nhiều quốc gia.

Câu 21. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng “sức mạnh thời đại” trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Quân Đồng minh chiến thắng phát xít, đặc biệt là phát xít Nhật.
2. Sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa làm suy yếu chủ nghĩa phát xít.

c. Sự viện trợ của Liên Xô và Trung Quốc cho cách mạng Việt Nam. D. Phong trào giải phóng dân tộc làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986) ở Việt Nam?

1. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội.
2. Đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp có thu nhập cao.

c. Khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp.

D. Nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 23. Sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1995) chứng tỏ Việt Nam đã

1. có nhiều nỗ lực đóng góp tích cực, hiệu quả cho tổ chức này.
2. trở thành nước có vị thế, uy tín lớn duy nhất trong khu vực.

c. nhận được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. phá thế bị bao vây, từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

Câu 24. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tim ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

1. Hoàn thành được việc giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước.
2. Bước đầu đã giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước.

c. Mở ra hướng giải quyết khủng hoảng về thành lập tổ chức tiền cộng sản.

D. Đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Chủng ta đã thắng, trước hết do Đảng ta giữ vững độc lập, tự chủ trong việc vạch ra đường lối cách mạng, đường lối chiến tranh nhân dân, đã từng bước nắm được quy luật của chiến tranh cách mạng để chỉ đạo cuộc kháng chiến một cách sáng tạo. Ta đã đánh giả đủng lực lượng so sánh giữa ta và địch, thây rõ nguôn gôc sức mạnh của ta là tỉnh thần làm chủ của nhân dãn, là thể tiến công của cách mạng, trên cơ sở đó, đã chú trọng xây dựng thế và lực của ta cả về chính trị và quân sự ngày càng vững mạnh, đồng thời ta biết nắm thời cơ và tạo ra bất ngờ”.*

(Lê Duẩn, *Thư vào Nam,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 197)

1. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thắng lợi là do đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam.
2. Một trong những nguyên nhân thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cửu nước là quân dân Việt Nam giữ vững được thế tiến công cách mạng.
3. Nguồn gốc sức mạnh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâ tinh thần làm chủ của nhân dân, trong đó cách mạng miền Nam giữ vai trò quyết định nhất.
4. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng cần xây dựng trên cơ sở nắm rõ quy luật của chiến tranh để đề ra các biện pháp sáng tạo, phù hợp hoàn cảnh.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc Đối mới* [1986-2021], *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quả độ lên chủ nghĩa xã hội* [1991 - 2021], *lí luận về đường lối đoi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoả. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ỷ nghía lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trĩnh độ nền kỉnh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay ”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 103 - 104)

1. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng ngay khi bắt đầu công cuộc Đổi mới.
2. Một trong những hạn chế của công cuộc Đổi mới là đời sống vật chất của nhân dân tăng lên nhưng đời sống tinh thần chưa được cải thiện tương xứng.
3. Cơ đồ, vị thế Việt Nam có được như hiện nay là nhờ kết quả của công cuộc Đổi mới.
4. Từ thực tiễn Đổi mới, lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dần hoàn thiện. Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (khoá III) (tháng 1-1967) quyết định triệt để tận dụng thời cơ, mở mặt trận ngoại giao, kết hợp chặt chẽ với đẩu tranh quăn sự và đấu tranh chỉnh trị nhằm đưa cuộc kháng chiến lên bước phát triển mới. Hội nghị xác định “đẩu tranh quân sự và đẩu tranh chính trị ở miền Nam là nhãn tổ chủ yếu quyết định thẳng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao... Đẩu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đẩu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tỉnh chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động".*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 28, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.174)

1. Hội nghị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 13 xác định mặt trận ngoại giao quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.
2. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cúư nước, mặt trận ngoại giao là cơ sở thúc đẩy những thắng lợi trên chiến trường.
3. Đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao luôn có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại, cùng làm nên thắng lợi.
4. Từ thực tiễn đấu tranh ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy mặt trận ngoại giao cần được mở ngay từ đầu cuộc chiến.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người đóng vai trò quan trọng trong quá trinh chuẩn bị và trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Từ tháng 9-1945, với cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã kí nhiều sắc lệnh quan trọng, qua đó giải quyết được nhiều khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho Chính phủ Việt Nam kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và bản Tạm ước (14-9-1946) để kéo dài thời gian hoà bình, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài không tránh khỏi với thực dân Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, sát sao đến các hoạt động: cùng Trung ương Đảng hoạch định đường lổi kháng chiến; dự họp và chỉ đạo nhiều nhiều chiến dịch quan trọng; trực tiếp chủ trì Hội nghị trung ương lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959),...

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) về Đông Dương.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nghiên cứu, hoạch định đường lối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
3. Một trong những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với phong trào cách mạng thế giới là tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. UNESCO vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam vì những cống hiến cho riêng Việt Nam.

Đề số 2

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia châu Á nào sau đây lựa chọn con đường đi theo chủ nghĩa xã hội?

A. Thái Lan. B. Ấn Độ. c. Nhật Bản. D. Triều Tiên.

Câu 2. Từ sau năm 1975 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX, những quốc gia nào sau đây mặc dù bị cấm vận và bao vây kinh tế nhưng vẫn kiên định đi theo con đường chủ nghĩa xã hội?

A. Việt Nam, Cu-ba. B. Cu-ba, Ba Lan.

c. Việt Nam, Tiệp Khắc. D. Ru-ma-ri, Cu-ba.

Câu 3. Quốc gia Đông Nam Á nào sau đây từng là thuộc địa của thực dân Anh? A. Cam-pu-chia. B. Lào. c. Ma-lai-xi-a. D. Việt Nam.

Câu 4. Từ những năm 60 của thế kỉ XX, các quốc gia sáng lập ASEAN thực hiện chính sách nào sau đây?

A. Công nghiệp hoá. B. Xây dựng nền kinh tế bao cấp.

c. Độc canh cây lúa. D. Phụ thuộc vào phương Tây.

Câu 5. Phong trào Tây Sơn (thế kỉ XVTH) ở Việt Nam đánh bại đội quân xâm lược nào sau đây? A. Hán và Nguyên. B. Xiêm và Thanh,

c. Tống và Minh. D. Hán và Tống.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) do Lê Lợi lãnh đạo chống lại ách đô hộ của thế lực ngoại xâm nào sau đây?

A. Nguyên. B. Tống. c. Minh. D. Thanh.

Cãu 7. Trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam, cuộc kháng chiến nào sau đây không thành công?

1. Cuộc kháng chiến chống Tống (thế kỉ XI).
2. Cuộc kháng chiến chống Mông cổ (thế kỉ XIII).

c. Cuộc kháng chiến chống Minh (thế kỉ XV). D. Cuộc kháng chiến chống Thanh (thế kỉ XVIII).

Câu 8. Năm 1945, tổ chức quốc tế nào sau đây được thành lập nhằm mục đích giữ gìn hoà bình thế giới?

1. Liên hợp quốc (UN).
2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

c. Liên minh châu Âu (EU).

D. Tổ chúc Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

Câu 9. Năm 1965, quân dân Việt Nam đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của thế lực nào sau đây?

A. Đế quốc Anh. B. Đế quốc Pháp.

c. Đe quốc Mỹ. D. Chế độ Ngô Đình Diệm.

Câu 10. Trong công cuộc Đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế

1. thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. thị trường không có sự quản lí của Nhà nước.

c. kế hoạch hoá, duy trì việc bao cấp.

D. thị trường chỉ có hai thành phần kinh tế.

Câu 11. Văn bản ngoại giao nào sau đây được kí kết đế chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973)?

A. Tạm ước Việt-Pháp. B. Hiệp định Sơ bộ.

c. Hiệp định Giơ-ne-vơ. D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 12. Năm 1944, để chuẩn bị lực lượng vũ trang cách mạng, Hồ Chí Minh đã ra chỉ thị thành lập tổ chức nào sau đây?

1. Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
2. Việt Nam Độc lập Đồng minh.

c. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

D. Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

1. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia thành viên.
2. Bảo vệ lợi ích của các nước lớn bằng mọi biện pháp, c. Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước phát triển quan trọng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 2015?

1. Ba nước Đông Dương gia nhập ASEAN.
2. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á được kí kết.

c. Bản hiến chương của ASEAN được thông qua.

D. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây là đúng về nghệ thuật chớp thời cơ và đấy lùi nguy cơ của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

1. Tuyên bố độc lập trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam.
2. Phát động tổng khởi nghĩa ngay khi quân Nhật đảo chính Pháp.

c. Tiến hành tổng khởi nghĩa khi phe phát xít thất bại ở châu Âu. D. Tổ chức tổng tiến công ngay kill Nhật đầu hàng Đồng minh.

Câu 16. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (1972) của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pa-ri và rút quân về nước

B. Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược.

c. Làm thất bại chiến lược chiến tranh đàu tiên của Mỹ ở Việt Nam.

D. Mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” trong kháng chiến chống Mỹ. Câu 17. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) không có thành tựu nào sau đây?

1. Ôn định chính trị - xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.

D. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á.

Câu 18. Trong giai đoạn 1945 ” 1950 của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đạt được thành tựu đối ngoại nào sau đây?

1. Gia nhập Hội đồng *tương trợ* kinh tế (SEV) và tổ chức ASEAN.
2. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân quốc.

c. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với một số nước xã hội chủ nghĩa.

D. Buộc Pháp phải công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập và dân chủ.

Câu 19. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước (1920)?

1. Giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc.
2. Bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng trong phong trào giải phóng dân tộc.

c. Mở đầu quá trình chuẩn bị tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời đảng vô sản.

D. Trực tiếp kết nối phong trào giải phóng ở Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới. Câu 20. Các hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1945 - 1946 có ý nghĩa nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

1. Làm thất bại âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
2. Buộc thực dân Pháp phải công nhận Việt Nam độc lập, dân chủ.

c. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

D. Tăng cường được nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 21. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam?

1. Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, kết hựp sức mạnh của lực lượng chính trị.
2. Thành lập và phát huy sức mạnh mặt trận ngoại giao ngay từ đầu cuộc kháng chiến, c. Luôn tiến công đối phương để giành quyền chủ động trong suốt cuộc kháng chiến.

D. Xây dựng liên minh quân sự với các nước xã hội chủ nghĩa để chống kẻ thù chung. Câu 22. Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây?

1. Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ trong đó đổi mới kinh tế làm trọng tâm.
2. Đổi mới chính trị luôn đi trước mở đường cho quá trình đổi mới kinh tế.

c. Phải triệt để áp dụng đầy đủ mô hình cải cách, mở cửa của nước ngoài.

D. Phải xây dựng sức mạnh tổng họp, yếu tố ngoại lực đóng vai trò quyết định.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh điểm giống nhau giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (năm 1954) và Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (năm 1973)?

1. Các nước cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
2. Là dấu mốc đánh dấu thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

c. Quy định thời gian rút quân đội nước ngoài trong vòng 2 tháng.

D. Thoả thuận vấn đề tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.

Câu 24. Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng góp nào sau đây đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản.
2. Hoạch định đường lối của Đảng với tư cách là Tổng Bí thư.

c. Trực tiếp chỉ đạo các cuộc tổng tiến công và nổi dậy.

D. Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các quốc gia dân chủ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thẳng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dãn tộc ta như một trong những trang chói lọi nhât, một biếu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thể kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quoc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.*

*Đôi với nhãn dân ta, thắng lợi oanh liệt đó mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dãn tộc. Nó kết thúc kẻ vang quá trình ba mươi năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỉ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miên Bắc, xoá bỏ mọi chướng ngại vật trên con đường thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội ”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 37, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.471)

1. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ có ý nghĩa đối với nhân dân Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế và mang tính thời đại sâu sắc.
2. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là tinh thần yêu nước và trí tuệ của cả dân tộc, trong đó cách mạng miền Nam giữ vai trò quyết định nhất.
3. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đánh dấu việc hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Việt Nam, bắt đầu từ cuộc kháng chiến chống Pháp.
4. Những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã tạo ra sức mạnh để miền Nam đánh Mỹ; ngược lại, thắng lợi của cuộc kháng chiến đã bảo vệ những thành quả của cách mạng miền Bắc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Phát triến nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dem lại những thay đôi rât to lớn cho Việt Nam trong công cuộc Đổi mới.*

*Mức tăng trưởng trung bình khoảng 7 °/o moi năm. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước cỏ thu nhập thấp từ năm 2008. Quy mỏ GDP theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 9,513 triệu tỉ đồng, tương đương 409 tỉ USD. GDP bình quân đầu người năm 2022 theo*

*giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4 110 USD. Cơ cấu tống sản phàm quốc nội xét trên phương diện quan hệ sở hữu, gôm khoảng 27 % từ kinh tê nhà nước, 4 % từ kinh tế tập thể, 30 % từ kinh tế hộ, 10 % từ kinh tế tư nhãn trong nước và 20 % từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài,... Kỉnh tê thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là kiêu kinh tế thị trường mới, chưa từng có tiên lệ trong lịch sử. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nên kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ, mà là nền kỉnh tế có sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thế của Việt Nam ”.*

(Nguyễn Trọng Nghĩa, “Thành tựu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản online,* ngày 2-3-2023)

1. Nhiều thay đổi to lớn của nền kinh tế Việt Nam được tạo ra nhờ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Dưới tác động của nền kinh te thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước thu nhập trung bình.
3. Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đồng nhất với các loại hình kinh tế thị trường trong lịch sử.
4. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá về lí luận cơ bản và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ngoại giao đã góp phân tích cực phá vòng vây. Từ năm 1950, Việt Nam thiết lập được quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, gắn Việt Nam với quốc tế. Phổi hợp với thắng lợi quân sự, năm 1954, Việt Nam đã tiến hành đàm phán ở Giơ-ne-vơ đế kết thúc chiến tranh, giải phóng nửa nước, tạo hậu phương vững chắc và cơ sở pháp lí cho cuộc đãu tranh giành độc lập, thống nhất, đồng thời góp phần xứng đáng vào phong trào chổng thực dân cũ...*

*Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đế phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược, ngoại giao Việt Nam đã tích cực, chủ động tranh thủ mọi lực lượng có thê tranh thủ trên thế giới, tạo nên so sánh lực lượng có lợi cho nhân dân ta trong cuộc đụng đầu lịch sử với đế quốc Mỹ đầu sỏ ”.*

(Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.445 - 446)

1. Trong những năm 1945 - 1950, hoạt động ngoại giao Việt Nam đã góp phần phá vây, mở ra mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
2. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954) đã mở đường cho thắng lợi quân sự, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, giải phóng miền Bắc.
3. Ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã trở thành một mặt trận, góp phần tạo nên so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng.
4. Ngoại giao Việt Nam (1945 - 1975) đã phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo thành sức mạnh tổng họp, đưa tới thắng lợi.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dãn tộc, đã cổng hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhãn dãn Việt Nam, góp phần vào cuộc đẩu tranh chung của các dãn tộc vì hoà bĩnh, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

*Nhận thấy những đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật chính là sự kết tỉnh của truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hoá của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc*

(Tập biên bản của Đại hội đồng UNESCO, khoá họp ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987, trích trong: *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh,*

NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.72 ” 73)

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh của tất cả các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
2. UNESCO tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì đã trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp xây dựng nền văn hoá của mọi quốc gia trên thế giới.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh được tôn vinh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hoá thế giới” vì có vai trò to lớn đối với Việt Nam và góp phần khẳng định bản sắc văn hoá các dân tộc trên thế giới.
4. Thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự trân trọng về tư tưởng, hành động và nhân cách cao thượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được các tổ chức quốc tế và nhân dân các nước thừa nhận.

Đề số 3

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sự kiện nào sau đây đánh dấu quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết đã được hoàn thành?

1. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thông qua.
2. Đảng Bôn-sê-vích thành lập chính quyền Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết, c. Chính quyền Xô viết ban hành sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất trên toàn quốc.

D. Nước Nga Xô viết và các nước Cộng hoà Xô viết đồng minh đánh thắng kẻ thù chung. Câu 2. Trước năm 1945, quốc gia duy nhất trên thế giới đi theo con đường xã hội chủ nghĩa là

A. Trung Quốc. B. Việt Nam. c. Liên Xô. D. Triều Tiên.

Câu 3. Năm 1898, Mỹ thay thế thực dân nào sau đây cai trị Phi-lip-pin?

A. Pháp. B. Anh.

c. Bồ Đào Nha. D. Tây Ban Nha.

Câu 4. Sau khi giành độc lập, quốc gia nào sau đây ở khu vục Đông Nam Á trở thành một trong bốn “con rồng kinh tế” của châu Á?

A. In-đô-nê-xi-a. B. Xin-ga-po. c. Thái Lan. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 5. Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm ở Việt Nam thời phong kiến, cuộc kháng chiến nào sau đây không thành công?

1. Kháng chiến chống quân Tống (thế kỉ XI).
2. Kháng chiến chống quân Nam Hán (thế kỉ X).

c. Kháng chiến chống quân Xiêm (thế kỉ XVIII).

D. Kháng chiến chống thực dân Pháp (thế kỉ XIX).

Câu 6. Cuộc khải nghĩa Hai Bà Trưng (thế kỉ I) chống lại ách đô hộ của thế lực ngoại xâm nào sau đây?

A. Nguyên. B. Tống. c. Hán. D. Thanh.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây phát động cuộc Chiến tranh lạnh?

1. Mỹ. . B. Anh. c. Liên Xô. D. Pháp.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

1. Tất cả các nước trong khu vực đã giành được độc lập.
2. Xu thế hợp tác khu vực trên thế giới đang diễn ra.

c. Sự xuất hiện và phát triển của xu thế toàn cầu hoá.

D. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 9. Trong những năm 1945 - 1954, hoạt động quân sự nào sau đây của quân dân Việt Nam đã bước đầu làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp?

1. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
2. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

c. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (1946 - 1947).

D. Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

Câu 10. Trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lĩnh vực nào sau đây là trọng tâm?

A. Văn hoá. B. Chính trị. c. Quốc phòng. D. Kinh tế.

Câu 11. Văn bản ngoại giao nào sau đây được kí kết vào năm 1954?

A. Tạm ước Việt - Pháp. B. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp,

c. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương. D. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Câu 12. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây? A. Pháp. B. Liên Xô. c. Anh. D. Mỹ.

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phải nguyên nhân sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

1. Tổn thất trong quá trình chạy đua vũ trang khiến Mỹ và Liên Xô suy yếu sức mạnh.
2. Tác động của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của nhiều quốc gia độc lập. c. Những tác động to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai. D. Sự vươn lên và cạnh tranh mạnh mẽ của các trung tâm kinh tế Nhật Bản và Tây Âu.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây ghi dấu sự phát triển mạnh mẽ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 2015 đến nay?

1. Ban Thư kí ASEAN được thành lập.
2. Mở rộng quan hệ hợp tác giữa các nước.

c. Thông qua bản hiến chương của ASEAN.

D. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

Câu 15. Nội dung nào sau đây không đúng về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Chớp đúng thời cơ, không phải đổi mặt với nguy cơ.
2. Là cuộc cách mạng dùng bạo lực nhưng lại ít đổ máu.

c. Có tính chất dân tộc, dân chủ, cách mạng và nhân dân.

D. Giành chính quyền ở đô thị đóng vai trò quyết định.

Câu 16. ở Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) có điểm khác biệt nào sau đây so với cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945?

1. Xây dựng và coi trọng lực lượng vũ trang làm nòng cốt, quyết định.
2. Kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang cách mạng.

c. Sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.

D. Có sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Câu 17. Nội dung nào sau đây không đúng về thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

1. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.
2. Từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, c. Việc xoá đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả ấn tượng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận. D. Ra khỏi nhóm nước có thu nhập trung bình, đang vững bước vươn lên để có

thu nhập cao.

Câu 18. Trong thời kì 1945 - 1954, văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên được đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lá với đại diện chính phủ nước ngoài là

A. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp. B. Tạm ước Việt - Pháp,

c. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương. D. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Câu 19. Trong những năm 1921 - 1929, Nguyễn Ái Quốc có vai trò nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

1. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản, chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng.
2. Xây dựng và truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc phù họp với Việt Nam. c. Xác định đúng con đường cứu nước, mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng về

đường lối.

D. Thống nhất các tổ chức cộng sản, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng công lao của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945?

1. Tập họp được tối đa lực lượng các nước đồng minh giúp đỡ cách mạng.
2. Lãnh đạo nhân dân tiến hành khởi nghĩa từ thành thị tiến về nông thôn, c. Lãnh đạo nhân dân chớp đúng thời cơ cách mạng và đẩy lùi nguy cơ.

D. Lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 21. Nhận định nào sau đây không đúng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

(1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

1. Liên Xô ủng hộ Việt Nam đấu tranh vũ trang ngay từ ngày đầu cuộc kháng chiến.
2. Từ đấu tranh chính trị phát triển lên khởi nghĩa, sau đó là chiến tranh giải phóng.

c. Có sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao.

D. Đẩy mạnh quá trình xây dựng lực lượng, từ đó phát triển thế tiến công chiến lược. Câu 22. Nội dung nào sau đây là một trong những bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

từ năm 1986 đến nay?

1. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới chính trị.
2. Đổi mới trước tiên phải xuất phát từ chuyển biến của thế giới.

c. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

D. Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, quyết định là ngoại lực.

Câu 23. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975 để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây trong hoạt động đối ngoại hiện nay?

1. Luôn dựa vào các nước lớn để có thắng lợi trong hoạt động đối ngoại.
2. Hoạt động đối ngoại quyết định thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực.

c. Bắt đầu hoạt động đối ngoại khi có thắng lợi quyết định về quân sự.

D. Đảm bảo sự cứng rắn về nguyên tắc song phải mềm dẻo về sách lược.

Câu 24. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925) của Nguyễn Ái Quốc?

1. Mở đầu quá trình chuẩn bị tư tưởng, chính trị của Nguyễn Ái Quốc.
2. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho các tố chức Đảng ở hải ngoại ra đời.

c. Thể hiện việc vận dụng sáng tạo lí luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

D. Khẳng định khuynh hướng cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Cuộc Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) chủ yếu diễn ra ở châu Âu, nhưng đã làm thay đổi sâu sắc quan hệ quốc tế: giữa Mỹ với Liên Xô, giữa các nước Đông Âu với các nước Tây Âu, giữa các nước tư bản chủ nghĩa với các nước xã hội chủ nghĩa,... Sự đối đầu gay gắt giữa Mỹ và Liên Xô trong thời gian diễn ra Chiến tranh lạnh đã làm gia tăng cuộc chạy đua vũ trang, dẫn tới một số cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới.

1. Một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc Chiến tranh lạnh là bắt nguồn từ những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945).
2. Cuộc Chiến tranh lạnh đã làm thay đổi quan hệ giữa các cường quốc từng là đồng minh trong chiến tranh chống các nước phát xít.
3. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (1954 - 1975) không bị tác động từ Chiến tranh lạnh.
4. Cuộc Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) đã kết thúc, nhưng vẫn để lại di chứng đến ngày nay.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*‘‘Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tể thị trường hiện đại, hội nhập quốc tể, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tể thị trường, có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu ‘‘dãn giàu, nước mạnh, công bang, dãn chủ, văn minh... ”.*

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,*

NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25 - 26)

1. Nen kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển khi miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1954).
2. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.
3. Nền kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không có sự khác biệt với nền kinh tế thị trường ở các nước phương Tây.
4. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sáng tạo của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Đặt bút kỉ vào bản Hiệp định Pa-ri lịch sử* [27-1-1973], *tôi vô cùng xúc động,... tôi như thay mặt nhãn dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tuyển tuyến và trong lao tù cắm ngọn cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đoi với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chi Bắc đã chấp nhận mọi hi sinh dũng cảm chiến đấu đế có được thẳng lợi to lớn hôm nay*

(Nguyễn Thị Bình, *Gia đình, bạn bè và đất nước - hồi kỉ,*

NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, to. 131)

1. Hiệp định Pa-ri được kí kết là một thắng lợi ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
2. Hiệp định Pa-ri được kí kết phản ánh thành quả toong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.
3. Việc kí Hiệp định Pa-ri đã mở ra bước ngoặt đầu tiên, đưa tới sự chuyển biến về thế và lực có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam.
4. về bản chất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc bằng thắng lợi của việc kí Hiệp định Pa-ri.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Ngày 30-8-1945, trước cửa Ngọ môn Huế, “Bảo Đại đọc xong* [Chiếu thoái vị] *thì trên kì đài cờ vàng của nhà vua từ từ hạ xuống và lá cờ nền đỏ thắm tươi long lanh năm cánh sao vàng được kéo lên giữa những tiếng vỗ tay, những tiếng hoan hô như sấm... Rồi ông Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biếu Chỉnh phủ, nêu rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kêt quả của hàng mây chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường, bên bỉ của nhân dãn cả nước, tuyên bô châm dứt vĩnh viên chế độ quân chủ*

(Phạm Khắc Hoè, *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc,*

NXB Thuận Hoá, Huế, 1987, tr.86)

1. Sự kiện vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị ở Ngọ môn Huế đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiển Việt Nam tùng tồn tại trong nhiều thế kỉ.
2. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả đấu tranh anh dũng của dân tộc trong nhiều thế kỉ, gắn với vai trò lãnh đạo của một đảng vô sản.
3. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít, góp phần làm biến đổi bản đồ chính trị thế giới.
4. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng sử dụng bạo lực nhằm vào hai đối tượng chính là đế quốc và phong kiến.

Để SỐ 4

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia ở khu vực nào sau đây đã lựa chọn con đường đi theo chủ nghĩa xã hội?

A. Tây Âu. B. Đông Âu. c. Bắc Mỹ. D. Nam Á.

Câu 2. Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ (1989 - 1991), quốc gia nào sau đây vẫn kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Lào. B. Thái Lan. c. Ma-lai-xi-a. D. Phi-líp-pin.

Câu 3. Quốc gia phương Tây nào sau đây đã áp đặt được ách cai trị thực dân lên In-đô-nê-xi-a?

A. Anh. B. Pháp. c. Tây Ban Nha. D. Hà Lan.

Câu 4. Giữa thế kỉ XIX, trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược, triều đình Xiêm đã

1. tiến hành cải cách, mở cửa đất nước.
2. dựa vào Anh để kháng chiến chống Pháp.

c. thực hiện chính sách bế quan toả cảng.

D. tổ chức đấu tranh vũ trang quy mô lớn.

Câu 5. Trong cuộc kháng chiến chống Xiêm (1785), quân Tây Sơn đã giành thắng lợi trong trận đánh nào sau đây?

A. Chi Lăng - Xương Giang. B. Ngọc Hồi - Đống Đa

c. Rạch Gầm - Xoài Mút. D. Vạn Kiếp - Bình Than.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa Lý Bí thành công (thế kỉ VI) dẫn đến sự ra đời của nhà nước

A. Vạn Xuân. B. Đại Việt. c. Đại cồ Việt. D. Đại Ngu.

Câu 7. Năm 1945, tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập sau sự kiện nào sau đây?

1. Các nước tham dự Hội nghị I-an-ta thống nhất thành lập Liến hợp quốc.
2. Các nước tham dự Hội nghị Tê-hê-ran thống nhất thành lập Liên hợp quốc.

c. Đại diện 50 quốc gia thống nhất thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

D. Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 8. Sự kiện nào sau đây đánh dấu Cộng đồng ASEAN được thành lập?

1. Các nước thành viên thông qua Hiến chương ASEAN (2007).
2. Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN (1999).

c. Lãnh đạo các nước ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (2015).

D. Các nước thành viên ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-li II (2003).

Câu 9. Tháng 12-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ với một trong những mục tiêu nào sau đây?

1. Phá tan đọt tấn công lên Việt Bắc của Pháp.
2. Khai thông con đường liên lạc Việt - Trung.

c. Làm phá sản những nỗ lực quân sự của Pháp.

D. Ngăn cản Mỹ can thiệp vào Đông Dương.

Câu 10. Trọng tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) là đổi mới trên lĩnh vực A. chính trị. B. kinh tế. c. văn hoá. D. quốc phòng.

Câu 11. Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu phát động phong trào đưa thanh niên Việt Nam đến học tập tại quốc gia nào sau đây?

A. Anh. B. Pháp. c. Nhật Bản. D. Trung Quốc.

Câu 12. Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

1. Gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Véc-xai.
2. Bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản.

c. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

D. Chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phải là một trong những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

1. Trả lại cho Liên Xô những quyền lợi bị mất sau chiến tranh Nga - Nhật.
2. Thống nhất việc tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản.

c. Liên Xô được đóng quân ở phía Bắc vĩ tuyến 17 trên bán đảo Triều Tiên.

D. Quy định khu vực Tây Âu và Nhật Bản thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ.

Câu 14. Nội dung nào sau đây không phải là một trong những mục đích thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

1. Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá.
2. Thúc đẩy hoà bình, ổn định trong khu vực.

c. Thiết lập liên minh quân sự lớn nhất.

D. Thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945?

1. Sự đoàn kết, quyết tâm của toàn dân tộc và sự suy yếu của kẻ thù.
2. Sự ủng hộ của Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

c. Tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Dương trong mặt trận chung.

D. Sự sụp đổ của quân đội Nhật đánh dấu sự kết thúc Chiến tranh lạnh.

Câu 16. Điểm mới trong chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam từ năm 1965 là

A. cử cồ vấn Mỹ đến miền Nam Việt Nam.

B. trang bị vũ khí cho quân đội Sài Gòn.

c. lập ấp chiến lược khắp miền Nam.

D. đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến.

Câu 17. về kinh tế, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp.
2. Hoàn thành các mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

c. Trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao. D. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh té lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Câu 18. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước (14-9-1946) có tác dụng nào sau đây?

1. Đuổi quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi Việt Nam.
2. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.
3. Có thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến.
4. Chuẩn bị hậu cần cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 19. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước (1920) có ý nghĩa nào sau đây?

1. Đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam.
2. Tiếp tục khẳng định sự kiên định của con đường cách mạng vô sản. '
3. Đưa giai cấp công nhân Việt Nam trở thành người lãnh đạo cách mạng.
4. Đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Câu 20. Tổ chức UNESCO tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc vì lí do nào sau đây?

1. Hồ Chí Minh đóng góp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và con người.
2. Hồ Chí Minh tham gia sáng lập Quốc tế Cộng sản và ủng hộ giải phóng dân tộc. c. Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi cuối cùng.

D. Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ huy quân đội Việt Nam giải trừ chủ nghĩa thực dân.

Câu 21. Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) ở Việt Nam có điểm giống nhau nào sau đây?

1. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa hậu phương lớn và tiền tuyến lớn.
2. Là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

c. Từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng.

D. Có hình thức khởi nghĩa giành chính quyền của quần chúng.

Câu 22. Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) cho thấy

1. kinh tế phát triển là cơ sở để tiến hành đổi mới trên những lĩnh vực khác.
2. đổi mới chính trị luôn đi trước mở đường cho quá trình đổi mới kinh tế.

c. phải triệt để áp dụng đầy đủ mô hình cải cách, mở cửa của Trung Quốc.

D. không thể đổi mới lĩnh vực khác nếu đổi mới kinh tế không thành công.

Câu 23. Nhận xét nào sau đây là đúng về bản Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp (6-3-1946)?

1. Là điển hình về nhân nhượng có nguyên tắc trong cuộc đấu tranh ngoại giao.
2. Là sách lược của Việt Nam để tiếp tục kéo dài thời gian hoà hoãn với Pháp, c. Công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập, có quyền dân tộc tự quyết. D. Chuyển Pháp từ vị trí đối tác trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là một trong những điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

1. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi toàn Đông Dương.
2. Thành lập một tổ chức quá độ để chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản.

c. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất ngay khi thành lập Đảng.

D. Xây dựng lí luận cách mạng nhấn mạnh cuộc đấu tranh giai cấp.

Phẩn II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Điện Biên Phủ nhu là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dãn lăn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khẳp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn...*

*Khi bẳt đầu cuộc kháng chiến, Pháp mạnh, ta yếu. Nhưng ta càng đánh càng mạnh. Kết quả ta đã thắng, Pháp đã thua...*

*Thật vậy! Lịch sử trong vài mươi năm nay đã chứng tỏ rằng: Lũ đế quốc thực dãn dù có binh hùng tướng mạnh đến mấy, chung quy cũng thất bại...*

*Dù cuộc khảng chiến phải lâu dài, gian khổ, song nhân dân miền Nam nhất định sẽ giành được thẳng lợi cuối cùng vì có chính nghĩa. Thẳng lợi vì triệu người một lòng, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Giải phóng miền Nam, kiên quyết chiến đẩu vì độc lập, tự do, vì thống nhất Tổ quốc. Thẳng lợi vĩ có các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ và được nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lí trên thế giới (kế cả nhãn dân Mỹ) đồng tĩnh ”.*

(Hồ Chí Minh, *Hồ Chỉ Minh toàn tập,* Tập 14, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.315, 318-319)

1. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Việt Nam đã thành công trong việc phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm của dân tộc và sự ủng hộ của quốc tế.
2. Chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam đã mờ đầu sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới và hệ thống thuộc địa của chúng.
3. Thực tiễn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) tạo ra niềm tin tất thắng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
4. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của Việt Nam có sự viện trợ kinh tế, quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa trong suốt cuộc kháng chiến.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Mười năm trước* [từ năm 1986], *khi Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nước ta đang trong tình trạng trầm trọng nhất của khủng hoảng kinh tề-xã hội; sản xuãt đình đôn, lạm phát tăng vọt, đất nước bị bao vây về kinh tể, đời sống nhân dân khó khăn, lòng tin giảm sút...*

*Công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ỷ nghĩa quan trọng. Tình trạng đĩnh đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh...*

*Nên kinh tế hàng hoá nhiêu thành phân vận hành theo cơ chê thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiêp tục được xây dựng đổng bộ và có hiệu quả hơn...*

*Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kỉnh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chăc, song đã tạo được tiên đề cân thiêt đê chuyến sang thời kì phát triến mới: đây mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đât nước...*

*Từ những bài học thành công và chưa thành công, chúng ta đã điểu chỉnh và bố sung nhận thức, làm cho quan niệm vê chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thê; đường lôi, chủ trương, chỉnh sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiên. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 55, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.308 - 311)

1. Thành tựu lớn nhất trong 10 năm đổi mới là tiền đề cho Việt Nam bước vào thời kì lịch sử mới: tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới trong bối cảnh cơ bản thuận lợi khi đất nước được ổn định và mâu thuẫn Đông - Tây đã được giải quyết.
3. Kinh nghiệm 10 năm đổi mới (1986 - 1996) đã giúp cho Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thiện lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
4. Một thành tựu về lí luận của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là đã nhận thức rõ về lánh tế thị trường, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Nhìn lại chặng đường đầu tiên trong công cuộc Đối mới, ngoại giao thi hành đường lối “hoà bĩnh phát triển ” đã góp phần đưa đến thành công lớn: Việt Nam đã phá bỏ cuộc bao vây cấm vận ngặt nghèo của các lực lượng chông đối, giải quyêt thoả đảng vấn để Cam-pu-chỉa, đưa quan hệ Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia sang trang mới, êm ẩm, khôi phục quan hệ hữu nghị với các nước trong khu vực Đông Nam Ả, bình thường hoá quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước tư bản phát trỉên, cải thiện một bước quan hệ với Mỹ, mở đường cho việc sớm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Hoa Kỳ.*

*Tât cả những thành công đó tạo nên một bước đột phá lớn về mặt ngoại giao, chấm dứt thời kĩ nặng nề, bức xúc, mở ra cục diện mới, tạo ra môi trường mới thuận lợi cho công cuộc xây dựng lại đất nước sau 30 năm chiến tranh và 10 năm khủng hoảng”.*

(Nguyễn Khắc Huỳnh, *Ngoại giao Việt Nam: Góc nhìn và suy ngẫm,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.271)

1. Một trong những thành tựu của ngoại giao Việt Nam sau Đổi mới là bình thường hoá quan hệ với Cam-pu-chia và Lào.
2. Bình thường hoá, thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ (1995) là cơ sở để Việt Nam giải quyết hài hoà “vấn đề Cam-pu-chia”.
3. Thành tựu về ngoại giao là một cơ sở quan trọng để Việt Nam đẩy mạnh công cuộc Đổi mới đất nước về kinh tế và chính trị và vượt qua cuộc khủng hoảng.
4. Giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” là chìa khoá để Việt Nam khôi phục quan hệ với các nước trong khu vực và bình thường hoá quan hệ với các nước tư bản phát triển. Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chúng tôi đã được nghe, được thấy và được học tập nhiều bài học về con người và cách mạng. Song, chủng tôi vẫn cảm thấy thiếu, nếu như không được gặp người tượng trưng cho cả dân tộc. Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh... Trong khi Chủ tịch nói, chúng tôi hiếu rằng người đang ở trước mặt mình đây chính là người đã cùng một so người khác sáng lập ra Đảng Cộng sản, là người bị tù đày, truy nã, song trong hang, là người tổ chức đấu tranh để giải phóng Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là lịch sử, là người suốt đời gẳn bó với cách mạng. Cuộc đời mẫu mực và nếp sống giản dị của Chủ tịch đã khắc sâu vào tâm trí chúng tôi. Tinh thần quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chỉ Minh thể hiện rõ trong những câu nói ngắn gọn và sáng sủa, chứa đựng sự dũng cảm và anh hùng của các thế hệ kiểu mẫu của nước Việt Nam Dãn chủ Cộng hoà trên mặt trận bảo vệ đất nước cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ”.*

(A. A-gien-đê - Tổng thống nước Cộng hoà Chi-lê, “Một người tượng trưng cho cả dân tộc”, in trong: Bùi Phúc Hải (sưu tầm, biên soạn), *Bác Hồ trong trái tim bạn bè quốc tể,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.8, 10)

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tham gia sáng lập Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Việt Nam và có đóng góp tích cực vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân thế giới yêu quý vì lối sống giản dị, tấm gương đạo đức mẫu mực cũng như sự hi sinh vì độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như đại diện cho khát vọng giải phóng của nhân loại.
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh được quốc tế tôn vinh vì đã trực tiếp tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

ĐỂ SỐ 5

Phẩn I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Năm 1922, lịch sử thế giới ghi nhận sự kiện quan trọng nào sau đây?

1. V.I. Lê-nin thành lập Chính quyền Xô viết ở nước Nga.
2. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời.
3. Liên Xô, Mỹ và Anh họp Hội nghị I-an-ta ở Liên Xô.
4. Quốc tế Cộng sản được thành lập ở Mát-xcơ-va (Liên Xô).

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Á đi theo con đường chủ nghĩa xã hội?

B. Hàn Quổc.

D. Mông Cổ.

A. Trung Quốc.

1. Nhật Bản.

Câu 3. Trong bối cảnh các nước châu Á trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc vào chủ nghĩa thực dân, những quốc gia nào sau đây vẫn giữ được độc lập?

A. Nhật Bản và Đông Ti-mo. B. Nhật Bản và Xiêm,

c. Việt Nam và Xiêm. c. Nhật Bản và Trung Quốc.

Câu 4. Từ những năm 60 của thế kỉ XX, các nước sáng lập tổ chức ASEAN phát triển kinh tế theo chiến lược nào sau đây?

A. Chỉ nhận viện trợ của phương Tây. B. Tham gia Ke hoạch Mác-san của Mỹ.

c. Phát triển kinh tế hướng ngoại. D. Phát triển kinh tế hướng nội.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào của Việt Nam thời phong kiến đã nối lại thời kì độc lập tự chủ dài lâu của dân tộc?

A. Khởi nghĩa Lam Sơn. B. Khởi nghĩa Phùng Hưng,

c. Khởi nghĩa Bả Triệu. D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Câu 6. Trong thời gian xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến của chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê, phong trào Tây Sơn (thế kỉ XVIII) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây để bảo vệ Tổ quốc?

1. Đánh đuổi quân Minh và quân Thanh.
2. Kháng chiến chống quân Mông cổ.

c. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Thanh.

1. Đánh đuổi quân Minh xâm lược.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mỹ - Liên Xô từ đồng minh đã chuyển sang
A. đối kháng. B. đối thoại. c. đối tác. D. đối đầu.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh nào sau đây?

1. Ba nước Đông Dương đã giành độc lập hoàn toàn.
2. Cuộc Chiến tranh lạnh đang ảnh hưởng đến khu vực. c. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây đang diễn ra mạnh mẽ. D. Mỹ và Liên Xô đạt được thoả thuận kết thúc đối đầu.

Câu 9. Trong thời kì 1945 - 1954, chiến thắng nào sau đây của quân dân Việt Nam đã làm phá sản kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông. B. Chiến dịch Biên giới thu - đông,

c. Chiến dịch Điện Biên Phủ. D. Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nằng.

Câu 10. Trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phương châm đổi mới phải

A. lấy chính trị làm trung tâm. B. thay đổi phương hướng chiến lược,

c. phát triển kinh tế bằng mọi giá. D. đồng bộ và toàn diện.

Câu 11. Ở Việt Nam, đấu tranh ngoại giao được nâng lên trở thành một mặt trận trong

1. cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).
2. cuộc vận động trực tiếp giải phóng dân tộc (1939 - 1945).

c. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). D. thời kì cả nước đi ỉên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1976).

Câu 12. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

A. Liên Xô. B. Trung Quốc. c. Xiêm. D. Ấn Độ.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

1. Thời hạn nước Mỹ áp dụng Học thuyết Tơ-ru-man đối với Liến Xô đã hết hiệu lực.
2. Tác động của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các quốc gia độc lập. c. Những tác động của các xu thế liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hoá ở châu Âu. D. Sự vươn lên, cạnh tranh mạnh mẽ của các trung tâm kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ.

Câu 14. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có bước phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu sau sự kiện nào sau đây?

1. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN.
2. Các nước sáng lập ASEAN thực hiện cải cách, mở cửa.

c. Các nước ASEAN đã kí kết Hiệp ước Ba-li (2-1976). D. Hiệp định hoà bình về Cam-pu-chia được kí kết (1991).

Câu 15. Nội dung nào sau đây không đúng về cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Đây là một cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Không chỉ chớp đúng thời cơ, mà còn đẩy lùi được nguy cơ.

c. Là cuộc cách mạng bằng bạo lực nhưng hạn chế đổ máu.

D. Kết hợp giành chính quyền ở cả nông thôn và thành thị.

Câu 16. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có sự khác biệt nào sau đây so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

1. Không chịu sự chi phối của các nước lớn trong xu thế hoà hoãn Đông - Tây.
2. Kiên định giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. c. Có sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.

D. Két hợp và phát huy sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Câu 17. Nội dung nào sau đây không phải thành tựu của Việt Nam trong 10 năm đầu thực hiện công cuộc Đổi mới (1986 - 1996)?

1. Nền độc lập, thống nhất, chủ quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.
2. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ, nâng lên thành đối tác chiến lược toàn diện, c. Việc xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả, được nhân dân và quốc tế ghi nhận. D. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành.

Câu 18. Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện hoà hoãn với thực dân Pháp (1946) có tác dụng nào sau đây?

1. Tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng miền Nam trở lại hoạt động trong các đô thị.
2. Đây là điều kiện tiên quyết cho Việt Nam giành thắng lợi trong đấu tranh ngoại giao, c. Làm thất bại âm mưu của quân Pháp trong việc đưa quân ra miền Bắc để tái chiếm. D. Chuẩn bị đầy đủ về thể và lực, sẵn sàng đối đầu quân sự với thực dân Pháp sau này.

Câu 19. Từ năm 1920 đến năm 1945, Nguyễn Ái Quốc có vai trò nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

1. Xây dựng và bổ sung đường lối chiến lược cho cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản và chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng, c. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất dân tộc trong quá trình thành lập Đảng. D. Chỉ đạo các tố chức cộng sản thực hiện phong trào “vô sản hoá” cho thanh niên.

Câu 20. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, miền Bắc Việt Nam đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng

A. tư sản kiểu mới. B. dân tộc dân chủ nhân dân.

c. xã hội chủ nghĩa. D. dân chủ nhân dân.

Câu 21. Trong thời kì 1954 - 1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Việt Nam trở thành nơi diễn ra “sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?

1. Mỹ coi Việt Nam là tâm điểm của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
2. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam đi theo chế độ xã hội chủ nghĩa.
3. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương chia Việt Nam thành hai miền.
4. Việt Nam đã lên tiếng phản đối nước Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu.

Câu 22. Những thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) đã chứng tỏ

1. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, lấy chính trị làm trọng tâm là đúng đắn.
2. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ giúp cho Đổi mới thành công, c. sức mạnh ngoại lực đỏng vai trò nền tảng cho công cuộc Đổi mới.

D. đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi cơ bản là phù hợp.

Câu 23. Từ những thắng lợi trong cuộc đấu tranh và kí Hiệp định Pa-ri (1968 - 1973),
Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì trong vấn đề ngoại giao ngày nay?

1. Thắng lợi của ngoại giao phải dựa trên thực lực của toàn dân tộc.
2. Sức mạnh tinh thần là yếu tố quyết định thắng lợi về ngoại giao.

c. Ngoại giao muốn thắng lợi phải có sự hỗ trợ của các cường quốc.

D. Các hội nghị quốc tế không thể giải quyết vấn đề quyền dân tộc.

Câu 24. Nội dung nào sau đây không phải điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

1. Lực lượng cách mạng được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.
2. Hồ Chí Minh đã phân tích yếu tố thời cơ đan xen cùng nguy cơ.

c. Quân Đồng minh đã vào Đông Dương để giải giáp phát xít Nhật.

D. Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Chiến tranh có thể kẻo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một sổ thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phả, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đen ngày thẳng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.*

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc chong Mỹ,* phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngày 17-7-1966, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 131)

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ* trong bối cảnh Mỹ đang can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam.
2. Đoạn tư liệu ghi nhận: Trong bất kì hoàn cảnh nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh và cả dân tộc Việt Nam cũng quyết tâm đánh thắng Mỹ để tiến tới độc lập, thống nhất.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại.
4. Đoạn tư liệu cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra dự báo và thể hiện quyết tâm thắng Mỹ.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sau 35 năm đổi mới (1986 - 2021), *“đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thê và uy tín quôc tế như ngày nay... Thế và lực, sức mạnh tống hợp quốc gia, uy tín quôc tê, niềm tin của nhăn dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng đê xây dựng và bảo vệ Tố quốc ”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biếu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.10)

1. Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động, từ năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới toàn diện đất nước.
2. Những thành tựu của Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn.
3. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là yếu tố quyết định để Việt Nam phải tiến hành đổi mới đất nước.
4. Những thắng lợi cùa công cuộc Đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng tham gia các tổ chức khu vực và toàn cầu.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*"Việt Nam khởi đầu kháng chiến chống Mỹ xâm lược trong bối cảnh Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954) — một văn bản mang tỉnh pháp lí quốc tê, công nhận chủ quyển, độc lập và toàn vẹn lãnh thố của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đã được kỉ kết và có hiệu lực; miện Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhãn dân ”.*

(Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chong Mỹ cứu nước 1954 - 1975,* Tập 9, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, HàNội, 2013, tr.21)

1. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
2. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là một thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhưng đó là thắng lợi chưa trọn vẹn.
3. Trong giai đoạn đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, thế và lực của cách mạng miền Nam Việt Nam bất lợi so với thực dân Pháp.
4. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, miền Bắc Việt Nam đã hoàn thành triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

*“Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, Đăng đã tổ chức và lãnh đạo cao trào kháng Nhật, cứu nước trong toàn quốc, khởi nghĩa từng phần ở vùng rừng núi, nông thôn, phát động chiến tranh du kích, thành lập Khu giải phóng Việt Băc, lập chỉnh quyển bộ phận, chuấn bị những tiền đề trực tiếp cho cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Tháng 8-1945, thời cơ “ngàn năm có một” cho ta giành chính quyền đã đến, song nguy cơ mới cũng xuất hiện. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (8-1945) đã quyết định phải tập trung lực lượng, thống nhất quân sự, chính trị hành động và chỉ huy, kịp thời hành động, không bỏ lỡ thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa cả ở thành phố và nông thôn, đặc biệt là thành phố”.*

(Phạm Khắc Hoè, *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc,*

NXB Thuận Hoá, Huế, 1987', tr.86)

1. về thời gian, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được tính từ tháng 3-1945 khi Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước đến ngày 28-8-1945.
2. Thực tiễn cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945 ở Việt Nam cho thấy ba nguyên tắc được Đảng quán triệt là “Tập trung, thống nhất và mau lẹ”.
3. Cụm từ “thời cơ “ngàn năm có một”” trong đoạn tư liệu cần hiểu cho đúng là bao gồm cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan, giữa bối cảnh trong nước và bối cảnh quôc tê.
4. Cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một điển hình cho nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và đẩy lùi nguy cơ.

ĐÁP ÁN

Chủ đề 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.C | 3. A | 4.C | 5.C | 6.B | 7.C | 8.A | 9.B | 10.B |
| ll.A | 12.B | 13.C | 14.A | 15.B | 16.D | 17.C | 18.A | 19.D | 20.A |
| 21.A | 22. A | 23.B | 24.C | 25.D | 26.A | 27.A | 28.A | 29.B | 30.B |
| 31.D | 32.B | 33.A | 34.B | 35.D | 36.B |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.Đ | lc.s | ld.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.s |

Chủ đề 2. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 2.C | 3.C | 4.B | 5. A | 6.C | 7.D | 8.B | 9.A | 10.A |
| ll.B | 12.C | 13.C | 14.D | 15.D | 16.B | 17.C | 18.B | 19.B | 20.A |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.s | lc.Đ | Id.s | 2a.Đ | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |

Chủ đề 3. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM
(Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.c | 2. A | 3.C | 4.A | 5.B | 6.B | 7.C | 8.D | 9.B | 10.C |
| ll.A | 12.B | 13.A | 14.C | 15.A | 16.B | 17.A | 18.B | 19.D | 20.D |
| 21.B | 22.D | 23.C | 24.B | 25.B | 26.A | 27.B |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.s | lc.Đ | Id.Đ | 2a.Đ | 2b.Đ | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.s |
| 5a.Đ | 5b.Đ | 5c.s | 5d.s | 6a.Đ | 6b.s | 6c.s | 6d.Đ |

Chủ đề 4. THÉ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH A. Liên hợp quốc

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.D | 3.C | 4.C | 5.D | 6.A | 7.C | 8.D | 9.B | 10.A |
| ll.D | 12.A |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.s | lc.Đ | ld.s | 2a.Đ | 2b.Đ | 2c.Đ | 2d.s |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.s | 4a.s | 4b.Đ | 4c.s | 4d.Đ |

B. Trật tự thế giói trong Chiến tranh lạnh Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2.A | 3.D | 4.A | 5.D | 6.D | 7.C | 8.B | 9.A | 10.C |
| ll.B | 12.D | 13.D | 14.B | 15.A | 16.A | 17.C | 18.D | 19.A | 20.B |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | Ib.Đ | lc.s | ld.Đ | 2a.s | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s |  |

c. Trật tự thế giói sau Chiến tranh lạnh

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.A | 2.D | 3.C | 4.C | 5.A | 6.B | 7.C | 8.D | 9.B | 10.A |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | Ib.s | lc.Đ | Id.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |

Chủ đề 5. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH sử A. Sự ra đòi và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) Phần I



Phẫn II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | Id.Đ | 2a.s | 2b.Đ | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s |  |

B. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.C | 3. A | 4.C | 5.D | 6.D | 7.A | 8.C | 9.D | 10.C |
| ll.B | 12.A | 13.D | 14.A | 15.D | 16.C | 17.B | 18.A | 19.D | 20.D |
| 21.B | 22.C | 23.D | 24.A | 25.B | 26.B | 27.D | 28.A | 29.B | 30.D |
| 31.D | 32.B | 33.C |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | ld.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.Đ | 2d.s |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s |  |

Chủ đề 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945,
CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÃ
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH sử VIỆT NAM
(Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay)

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945

Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2.D | 3.C | 4.B | 5.B | 6.D | 7.A | 8.C | 9.A | 10.D |
| ll.B | 12.D | 13.C | 14.B | 15.B | 16.C | 17.A | 18.C | 19.A | 20.C |
| 21.B | 22.B | 23.A | 24.D |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.s | lc.Đ | Id.Đ | 2a.s | 2b.Đ | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.s | 3c.s | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.Đ |

B. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Phầni

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.D | 2.A | 3.D | 4.A | 5.C | 6.C | 7.C | 8.B | 9.B | 10.B |
| ll.A | 12.C | 13.A | 14.C | 15.C | 16.D | 17.A | 18.B | 19.A | 20.A |
| 21.D | 22.B | 23.C | 24.A |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | Ib.s | lc.s | ld.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.s | 3d.Đ | 4a.s | 4b.s | 4c.s | 4d.Đ |

c. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2.C | 3.A | 4.A | 5.B | 6.B | 7.C | 8. A | 9.A | 10.A |
| ll.D | 12.D | 13.A | 14.C | 15.A | 16.D | 17.B | 18.B | 19.B | 20.C |
| 21.D | 22 .B | 23.D | 24.B | 25.C | 26.B | 27.A | 28.A | 29.B | 30.D |
| 31.D | 32.D | 33.B | 34.A | 35.B | 36.C | 37.B | 38.C | 39.A | 40.D |

Phần II



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.Đ | lc.s | ld.Đ | 2a.s | 2b.Đ | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.s |

Chủ đề 7. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐỂN NAY A. Khái quát về công cuộc Đổi mói từ năm 1986 đến nay

Phần II

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.c | 2.B | 3.B | 4.A | 5.B | 6.D | 7.C | 8.A | 9.D | 10.B |
| ll.B | 12.B | 13.A | 14.B | 15.D | 16.A | 17.C | 18.C | 19.D | 20.A |
| 21.A | 22.B | 23.B | 24.C | 25.A | 26.C | 27.D | 28.B | 29.C | 30.C |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.s | lc.Đ | ld.Đ | 2a.s | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.Đ |
| 5a.Đ | 5b.Đ | 5c.s | 5d.Đ | 6a.s | 6b.Đ | 6c.Đ | 6d.Đ |

B. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mói ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.B | 4.D | 5.C | 6.A | 7.C | 8.B | 9.B | 10.A |
| ll.B | 12.A | 13.D | 14.A | 15.B | 16.A | 17.D | 18.A | 19.B | 20.D |
| 21.A | 22.C | 23.B | 24.A | 25.D | 26.C | 27.D | 28.A | 29.A | 30.B |

Phan II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | lb.s | lc.Đ | ld.Đ | 2a.s | 2b.s | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.s | 4b.s | 4c.Đ | 4d.Đ |

Chủ đề 8. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

A. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945

Phần I

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.A | 3.B | 4.D | 5. A | 6.A |
| 7.B | 8.C | 9. A | 10.A | ll.D | 12.B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | lb.s | lc.Đ | ld.s | 2a.s | 2b.Đ | 2c.Đ | 2d.s |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s | 4a.s | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.Đ |

c. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay

Phầni

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2. A | 3.C | 4.B | 5.A | 6.C | 7.B | 8.B | 9.D | 10. A |
| ll.c | 12.A | 13.A | 14.A | 15.B | 16.B | 17.D | 18.A | 19.A | 20.D |
| 21.A | 22.B | 23.D | 24.C |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | ld.s | 2a.s | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.s |

Chủ đề 9. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH sử VIỆT NAM

A. Khái quát về cuộc đòi và sự nghiệp của Hồ Chí Minh p hon ĩ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.c | 2.B | 3.C | 4.D | 5. A | 6.B | 7.A | 8.C | 9.D | 10.A |
| ll.A | 12.C | 13.A |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | Ib.Đ | lc.s | ld.s | 2a.Đ | 2b.s | 2c.Đ | 2d.s |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.s | 3d.Đ | 4a.s | 4b.Đ | 4c.s | 4d.Đ |

B. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.D | 4.C | 5. A | 6.A | 7.B | 8.C | 9.D | 10.B |
| ll.A | 12.C | 13.C | 14.A | 15.B | 16.C | 17.D | 18.D | 19.A | 20.D |
| 21.A | 22.C | 23.B | 24.A | 25.C | 26.A |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | Ib.s | lc.s | ld.Đ | 2a.Đ | 2b.Đ | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.Đ |
| 5a.s | 5b.Đ | 5c.Đ | 5d.Đ | 6a.Đ | 6b.s | 6c.Đ | 6d.Đ |

C. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giói và Việt Nam Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.C | 4.C | 5.A | 6.A | 7.D | 8.C |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | Id.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.s | 2d.s |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ |  |

ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO

ĐẾ số 1 Phần I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.A | 2.C | 3.D | 4.B | 5.B | 6.D | 7.D | 8.A | 9.C | 10.D |
| ll.A | 12.A | 13.B | 14.A | 15.A | 16.C | 17.B | 18.A | 19.C | 20 c |
| 21.A | 22.B | 23.D | 24.B |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | ld.Đ | 2a.s | 2b.s | 2c.Đ | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s | 4a.s | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.s |

Đe số 2

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.D | 2. A | 3.C | 4.A | 5.B | 6.C | 7.C | 8. A | 9.C | 10.A |
| ll.D | 12.C | 13.B | 14.D | 15.A | 16.A | 17.D | 18.C | 19.B | 20.C |
| 21.A | 22.A | 23.A | 24.D |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.s | lc.s | Id.Đ | 2a.Đ | 2b.s | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.s | 4b.s | 4c.Đ | 4d.Đ |

Đe số 3

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.C | 3.D | 4.B | 5.D | 6.C | 7. A | 8.B | 9.C | 1O.D |
| ll.c | 12.A | 13.C | 14.D | 15.C | 16. A | 17.D | 18.A | 19.B | 20.C |
| 21.A | 22.C | 23.D | 24.C |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.Đ | lc.s | Id.Đ | 2a.s | 2b.Đ | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.s | 3d.s | 4a.Đ | 4b.s | 4c.Đ | 4d.s |

Đe số 4

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2.A | 3.D | 4.A | 5.C | 6.A | 7.D | 8.C | 9.C | 1O.B |
| ll.c | 12.B | 13.C | 14.C | 15.A | 16.D | 17. A | 18.C | 19.D | 20.A |
| 21.D | 22.D | 23. A | 24.B |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.Đ | lb.s | lc.Đ | ld.s | 2a.Đ | 2b.s | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.s | 3b.s | 3c.Đ | 3d.Đ | 4a.s | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.s |

Đe số 5

Phầnl

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l.B | 2. A | 3.B | 4.C | 5.A | 6.C | 7.D | 8.B | 9.B | 1O.D |
| ll.A | 12.B | 13.B | 14.D | 15. A | 16. A | 17.B | 18.A | 19.A | 20.B |
| 21.A | 22.D | 23.A | 24.C |  |

Phần II

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| la.s | lb.Đ | lc.Đ | ld.Đ | 2a.Đ | 2b.Đ | 2c.s | 2d.Đ |
| 3a.Đ | 3b.Đ | 3c.Đ | 3d.s | 4a.s | 4b.Đ | 4c.Đ | 4d.Đ |

NHÀ XUẤT BÀN ĐẠI HỌC sư PHẠM

Địa chi: Tầng 6,Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận cẩu Giấy,TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 I Email. nxb@hnue.edu.vn I Website, [www.nxbdhsp.edu.vn](http://www.nxbdhsp.edu.vn)

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Giám đốc .Tong biên tập: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu *trách nhiệm nội dung:*Phó Tổng biên tập: ỨNG QUỐC CHỈNH

*Biên tập:*HOÀNG THỊ QUYÊN

*Thiết kế sách:*

NGUYỄN NẦNG HƯNG

*Thiết kế bìa:*

PHẠM PHƯƠNG HOA

ÔN LUYỆN TRẮC NGHIỆM THI TốT NGHIỆP TRUNG HỌC PHổ THÔNG
Môn Lịch sử

*(In lần thứ hai)*

ISBN 978-604-54-6763-3

In 3.000 cuốn, khổ 17 X 24cm, tại Công ty cổ phán In và Thương mại Quốc Duy

Địa chi: Số 9, ngách 130/1, ngõ 130, phố Đốc Ngữ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội;
Xưởng in: Trụ cầu N25, đường Tân Xuân, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm,TP. Hà Nội.
Số xác nhận đang kí xuất bản: 1775-2024/CXBIPH/15-91 /ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 1116/QĐ-NXBĐHSP ngày 13/6/2024

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2024.